

CHUYỆN TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT

Nguyên Tâm Trần Phương Lan

Nguyệt san Giác Ngộ

Mục lục

- 01 Giới thiệu Chuyện Tiền thân Đức Phật
- 02 Chuyện Nữ nhân sói đầu
- 03 Chuyện Củ Sen và Hoa sen
- 04 Chuyện Lộc vương hoan hỷ
- 05 Chuyện Kỳ nữ Sulasà
- 06 Chuyện Vua Dalha-dhamma
- 07 Chuyện Đại Thọ Bồ Đề và Thánh đế
Kàlinga
- 08 Chuyện Đại Anh Vũ
- 09 Chuyện Voi hiếu dưỡng mẹ
- 10 Chuyện Thái tử Yuvanjana
- 11 Chuyện Sàla, Cổ thụ cát tường
- 12 Chuyện Đại vương Bhallàtiya
- 13 Chuyện Trí giả Suppàraka
- 14 Chuyện Đôi ca thần Canda
- 15 Chuyện Cây kim
- 16 Chuyện Ác hạnh

- 17 Chuyện Đại hâu vương
- 18 Chuyện Vua Susìma
- 19 Chuyện Hiền mẫu Kaccàni
- 20 Chuyện Con báo

1. Giới thiệu Chuyện Tiên Thân (Jàtaka)

(...) Bộ Jàtaka (Chuyện Tiên Thân Đức Phật) là bộ truyện đồ sộ nhất trong kinh tạng Pàli. Bộ này gồm 6 tập lớn, chia thành 22 chương, được xếp theo thứ tự tăng dần số lượng bài kệ ở các chương sau.

Bộ Jàtaka được kết tập từ thời Đức Phật tại thế, kéo dài đến vài trăm năm sau đó, và được đưa vào kinh Tiểu Bộ ở Hội đồng Kết tập Kinh tạng thứ Ba thời vua Asoka (thế kỷ III trước Tây lịch).

Mỗi chuyện tiên thân gồm 3 phần:

1) **Chuyện hiện tại:** là phần duyên khởi, một sự kiện xảy ra liên hệ đến Phật, Pháp, Tăng hay

quần chúng đã làm đề tài bàn luận của Tăng chúng tại chánh pháp đường. Nhân đó, Đức Phật kể một chuyện quá khứ theo lời yêu cầu của các vị này.

2) **Chuyện quá khứ:** là chuyện về tiền thân Đức Phật khi Ngài còn là Bồ tát dưới mọi hình thức tái sanh, từ thiên thân, địa tiên, người đời cho đến thú vật, chim muông, ... Dù ở hoàn cảnh nào, Bồ tát luôn thể hiện tài năng trí tuệ hay đức tính tốt đẹp phi thường, đó là mầm mống của trí tuệ vô thượng trong đời cuối cùng của Ngài trước khi thành đạo.

3) **Phần kết luận:** Đức Phật kết hợp hai chuyện trên, sau đó Ngài thuyết giảng Tứ thánh đế, bốn chân lý cao thượng làm nền tảng của Phật pháp, khiến cho một số tỳ kheo hoặc giới tại gia đắc đạo và quả.

Cuối cùng, Ngài nhận diện tiền thân, tức là nêu danh tánh trùng hợp giữa các nhân vật hiện tại và quá khứ.

Các chuyện tiền thân đã được kết tập dần ở vùng Bắc Ấn, tức vùng Trung Nguyên

(Madhyadesa) của Ấn Độ cổ. Trước tiên, chuyện chỉ gồm phần thi kệ, do đó, phần thi kệ được xem là phần cổ kính nhất của bộ chuyện này. Một số bài kệ do chính Đức Phật cảm tác và một số khác do chư Tăng sáng tạo về sau. Mỗi chuyện thường được mở đầu bằng một hàng kệ.

Ở tập I và II, mỗi tập gồm 150 chuyện, với một hoặc hai bài kệ. Nhưng từ tập III trở đi, số bài kệ tăng dần. Vì thế, chuyện kể dài hơn, cho đến tập VI là Đại Phẩm chỉ gồm 10 chuyện có hàng trăm bài kệ trong mỗi chuyện, và chấm dứt ở số 547 - Tiên thân Vessantara nổi tiếng với cả ngàn bài kệ. Như vậy, cả bộ Chuyện Tiên Thân Jataka có khoảng gần 5.000 bài kệ.

Phần lớn các chuyện hiện tại là những sự kiện có thực đã xảy ra trong thời Đức Phật tại thế hoặc vài trăm năm sau. Do đó, bộ chuyện này được xem như là nguồn tư liệu vô giá đối với các nhà sử học và khảo cổ học khi muốn tìm hiểu bối cảnh chính trị, xã hội, tôn giáo, văn hóa hay phong tục tập quán Ấn Độ cổ.

Nhiên luận sư học giả đã xác nhận bộ chuyện tiền thân này mở đầu một kỷ nguyên mới trong nền văn học Phật giáo để truyền bá chánh pháp rộng rãi đến mọi tầng lớp quần chúng, từ trí thức đến bình dân. Vì đây là một kho tàng văn học được kết hợp hài hòa giữa lời Phật dạy theo truyền thống kinh điển bác học với truyền thống cổ tích nhân gian phong phú đa dạng rất thịnh hành trong thời cổ của Ấn Độ. Nhờ vậy, bộ chuyện này đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các hoạt động sáng tác thi ca nhạc kịch, hội họa, điêu khắc ..., từ ngàn xưa cho đến nay. (...)

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 58, 01-2001)

Tiểu Bộ Kinh - Ngạ quỷ sự

2. Chuyện Nữ nhân sói đầu

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Sàvatthi (Xá vệ).

Thời xưa tại Bebares (Ba la nại), có một nữ nhân sống nhờ sắc đẹp của mình. Bất giờ tóc

Nàng thật dài, đen nhánh, mịn màng, mềm mại và óng ả, cuộn lại rất đẹp. Các bím tóc Nàng được kết thành hai nắm tay, mỗi khi buông lơι chúng xuống tận thắt lưng Nàng.

Lúc đó, một số nữ nhân ganh tị bàn luận và sau khi mua chuộc nữ tì của nàng, lại gửi cho cô ả một thứ thuốc sẽ huỷ hoại mái tóc Nàng. Bấy giờ, nữ tì pha thuốc ấy vào bột tắm và đưa cho chủ nhân vào lúc chủ nhân đi tắm ở sông Hằng. Nàng dùng thứ thuốc pha ấy tắm vào tóc thật kĩ đến tận gốc và nhảy vào dòng nước.

Ngay khi Nàng vừa ngấm mình vào nước, tóc nàng liền rụng ra tận gốc, sạch trơn tru và đầu nàng giống như trái mướp đắng.

Sau đó, trông xấu xí như chim bồ câu bị vặt hết lông, Nàng hổ thẹn không dám vào thành nữa, phải choàng khăn phủ đầu và cư trú ngoài thành. Khi nỗi hổ thẹn đã qua đi và đã biết ép hạt mè, Nàng sinh sống bằng nghề bán dầu và rượu mạnh.

Một hôm, khi ba người đàn ông say rượu đã ngủ mê man, Nàng lấy trộm tất cả y phục của

họ đang treo lủng lẳng. Rồi một ngày nọ, Nàng thấy một vị Thánh tăng đi khát thực, sau khi mời vị ấy vào, Nàng cúng dường một chiếc bánh làm bằng hạt dẻ trộn dầu mè. Vì thương xót Nàng, vị ấy đã nhận bánh và ăn.

Nàng đứng đó với tâm hoan hỷ, che lên trên vị ấy một chiếc lọng. Vị trưởng lão xúc động, nói lời tùy hỉ công đức và ra đi.

Bấy giờ, Nàng phát nguyện: "Mong ước Ta sẽ được mái tóc đen mịn màng óng ả, mềm mại như tơ cuốn lên thật đẹp".

Về sau nàng từ trần, nhờ vào thiện nghiệp của mình, Nàng được tái sinh giữa một đại dương một mình trong một lâu đài bằng vàng, tóc nàng được phục hồi như Nàng đã ước nguyện. song vì Nàng đã lấy trộm y phục của đám đàn ông, nay Nàng phải trần truồng. Nàng cứ tái sinh mãi trong lâu đài bằng vàng kia và phải chịu sống trần truồng một kiếp (1) tại đó.

Rồi về sau, Đức Thế Tôn giáng thế, trong lúc Ngài trú tại Sàvatthi, một trăm thương nhân có nhà ở đó lên thuyền đến xứ Suvanbhùmi (Kim

địa). Thuyền của họ bị bão tố trôi dạt đến bờ kia. Lúc ấy nữ quý cùng lâu đài hiện ra trước mặt họ. Khi vị trưởng đoàn thương nhân thấy nữ quý, liền hỏi:

*Nàng là ai trú ở lâu đài,
Xin hỏi, sao không đến phía ngoài?
Mau bước ra đây, này nữ chủ,
Cho ta chiêm ngưỡng lực hùng oai.*

Nữ quý đáp:

*Ta đây khốn khổ lại trần truồng
Không dám bước ra bởi thẹn thường
Che tấm thân mình bằng mái tóc,
Vì ta ít tạo nghiệp hiền lương.*

Thương nhân:

*Ta sẽ đem y phục tặng nàng,
Mặc vào che kín, hỡi hồng nhan,
Bước ra, nữ chủ, ta mong muốn
Nhìn ngắm nàng mang đủ thân lực.*

Nữ quý:

*Những vật gì chur vị tặng ta
Cũng không giúp ích được ta mà.
Song đây có một người đồ đệ
Đầy đủ lòng tin đức phật đà.
Sau khi đem áo tặng người này,
Hồi hương cho ta phước đức vầy,
Ta sẽ được ban nhiều hạnh phúc
Mọi nguồn lạc thú sẽ tràn đây.*

Sau khi nghe nàng nói, các thương nhân tắm rửa và thoa dầu thơm lên người đệ tử tại gia kia và khoác lên chàng một bộ y phục.

Chur vị kết tập kinh điển, ngâm ba vản kệ để giải thích việc này:

*Khi đã tắm chàng, đám phú thương
Cho chàng cư sĩ tắm dầu hương,
Và cho chàng được mang y phục,
Nữ quý hưởng công đức cúng dường.*

*Kết quả này do việc cúng dường.
Tràn đầy y phục với đồ ăn.
Xiêm y thanh lịch, nàng trong trắng
Khoác lụa ba la nại tuyệt trần*

Vừa mỉm miệng cười, nàng mỹ nữ
Bước ra lâu ấy, lại thưa rằng:
"Đây là kết quả từ công đức
Lễ vật các ngài đã hiến dâng".

Thương nhân:

Lâu đài lăm kiêu cách cao sang,
Khả ái tươi vui sáng rõ ràng,
Thần nữ (2) nói cho đoàn lũ khách
Nghệp gì đây kết quả cho nàng?

Nữ thần:

Gặp người khát sĩ bước du hành,
Chân chánh từ kheo, dạ tín thành,
Ta đến cúng dường người bánh dẻ
Trộn dầu mè với chính tay mình.

Vì thiện nghiệp này ta hưởng đây
Trong lâu đài đã biết bao ngày
Như là kết quả phần công đức,
Song chẳng còn lâu ở chốn này.

Sau bốn tháng nay sắp đến gần,

*Rồi ta sẽ gặp Dạ ma thân (3)
Xuống niên địa ngục đầy khắc
nghiệt,
Ta sẽ đoạ kinh khủng tột cùng.*

*Ngục bốn góc và bốn cửa vào,
Được chia phân nhỏ thật cân sao,
Chung quanh tường sắt đều bao bọc,*

Và sắt che trên đỉnh mái cao.

*Nền bằng sắt rục lửa bùng bùng,
Nóng bỏng, chói lòà khắp mười
phương,
Địa ngục muôn đời còn đứng mãi,
Trải dài muôn cả trăm do tuần.*

*Nơi kia ta chịu khổ lâu dài
Thọ quả do ta nghiệp chín muồi,
Vì thế ta thương than khóc mãi
Chuyện này quả thật chẳng hề nguôi.*

Tâm vị đệ tử tại gia đầy xúc động thương cảm,
chàng nói:

-Này nữ thần, do năng lực của lễ vật nàng cúng dường ta, nàng đã thành tựu mọi ước nguyện một cách xung mãn. Nhưng giờ đây, do cúng dường các cư sĩ tại gia này và ghi nhớ mọi đức hạnh của bậc đạo sư, nàng sẽ thoát ra khỏi tái sinh vào địa ngục.

Nữ thần vô cùng hạnh phúc, thiết đãi chư vị đây đủ các loại ẩm thực, y phục, châu báu thần tiên và đưa tận tay chư vị một bộ y dăng Đức Thế Tôn. Nàng cung kính đánh lễ và nói:

-Xin hãy đến Sàvatthi và đánh lễ Đức Thế Tôn cùng các lời này ta nhắn gửi: "Bạch Đức Thế Tôn, có một nữ quý kia cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn".

Sau đó nhờ thần lực của mình, nàng đưa chiếc thuyền đến cảng ngày hôm đó. Các thương nhân đó đúng hạn đến dâng lễ vật lên Đức Thế Tôn và kể lại chuyện trên.

-ooOoo-

Nhận xét:

Đây là một trong những chuyện trình bày cảnh

giới quỷ thần, đó là trú xứ của những hạng chúng sanh đã gây ác nghiệp đồng thời có làm việc thiện lúc còn sống ở cõi người.

Nữ nhân trong truyện này đã sống theo tà hạnh, nhưng nhờ đã làm được việc thiện cúng dường một vị thánh tăng một chiếc bánh với tâm hoan hỷ nên nàng đã được hưởng một phần hạnh phúc trong lâu đài giữa đại dương. Đồng thời nàng phải chịu khổ hình sống trần truồng lạnh lẽo với mái tóc che thân như là quả báo của hành vi trộm cắp áo quần kiếp xưa.

Khi duyên lành đến, nàng gặp được đám thương nhân là những người đệ tử tại gia của Đức Phật và nhờ họ dâng lễ vật cúng dường rồi hướng công đức ấy cho nàng thoát khỏi khổ cảnh mà nàng phải lãnh thọ trong suốt một kiếp. Sau đó, nàng lại được vị đệ tử đầy thành tín của Đức Phật chỉ cho nàng cách cúng dường cả nhóm thương nhân và ghi nhớ mọi công đức của bậc Đạo Sư để thoát khỏi tái sinh vào địa ngục do tà hạnh trước kia của nàng.

Như vậy, nhờ hành động cứu giúp người hoạn

nạn và có lòng tin vào Đức Phật, ác nghiệp của nàng được tiêu trừ và nàng tiếp tục sống đời nữ thần trong lâu đài giữa đại dương.

Điều đáng chú ý ở đây là trong trường hợp đặc biệt không có các bậc chân tu, các đệ tử tại gia đầy đủ lòng thành tín mộ đạo có thể cúng dường lễ vật lên Tam bảo và hồi hướng công đức về các loài quỷ để đem lại phước phần cho chúng hưởng.

Chú thích:

1. Kiếp: một khoảng thời gian vô hạn lượng
2. Từ đây, nữ quỷ (Peti) được gọi là nữ thần (Devi).
3. Thần Dạ Ma (Yama) hay Diêm vương cai quản địa ngục. Ngục toàn bằng sắt ở đây là ngục Avici hay vô gián, A tỳ- nơi các loại chúng sanh có tội phải chịu đau khổ không ngừng.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 45, 12-1999)

Tiểu Bộ Kinh - Chuyện Tiền Thân

3. Chuyện Củ sen và Hoa sen

(Số 392, Tiền thân Bhisapuppha)

"Ngài không được phép gửi hương hoa..."

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kì viên về một Tì kheo. Chuyện kể rằng vị tì kheo ấy đã rời kì viên và trú ở quốc độ Kosala gần một khu rừng. Một hôm, vị ấy xuống hồ sen, khi thấy một hoa sen, vị ấy đứng tránh gió và gửi mùi hương sen. Vị nữ thần trong khu rừng ấy đe dọa vị ấy:

-Này tôn giả, ngài gửi trộm hương, đây là một hình thức trộm cắp.

Vị Tì kheo ấy hoảng sợ trở về Kì viên, đến đánh lễ Bậc Đạo Sư và ngồi xuống một bên.

-Này Tì kheo, lâu nay ông ở đâu?

-Bạch Thế Tôn, con ở trong rừng nọ và vị nữ thần đe dọa con như vậy.

Bậc Đạo Sư bảo:

-Ông không phải là người đầu tiên bị nữ thần đe dọa khi gửi hương hoa. Các bậc trí ngày

xưa cũng từng bị đe dọa như vậy. Và theo lời thỉnh cầu của vị Tì kheo ấy, Ngài kể lại câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadat ta trị vì ở Banares (Ba la nại), Bồ tát thọ sanh vào một gia đình Bàlamôn Kàsi. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkhasi là và sau đó trở thành nhà khổ hạnh sống gần một ao sen. Một hôm ngài bước xuống ao và đứng ngửi một đoá hoa đang nở, một nữ thần ở trong một hốc cây gần đó ngâm vần kệ đầu đe dọa Ngài:

*1. Ngài không được phép ngửi
hương hoa,
Dù chỉ một hoa mới nở ra,
Đó thật là hình thức đạo tặc,
Sa môn, ngài trộm ngửi hương hoa.*

Bồ tát liền ngâm vần thi kệ thứ hai:

*2. Ta chẳng hái, không bẻ gãy hoa,
Mùi hương ta ngửi từ đằng xa,
Ta không thể bảo nào duyên có
Nàng nói ta đang ngửi trộm hoa.*

Cùng lúc ấy, có một người đang đào bới ngõ sen và củ sen, làm gãy nát thân cây sen. Bồ tát thấy thế, liền nói:

-Nàng gọi một người ngửi mùi hương từ đằng xa là ăn trộm. Sao nàng không nói vậy với người kia đi.

Thế là Ngài ngâm vần thi kệ thứ ba để nói chuyện này:

*3. Kẻ nọ đang đào bới củ sen,
Phá thân cây gãy, đó nhìn xem,
Sao nàng không bảo cách hành động*

Kẻ ấy là bừa bãi, thấp hèn?

Nữ thân liền ngâm vần kệ thứ tư và thứ năm giải thích tại sao nàng không nói với kẻ kia:

*4. Những người phóng túng , sống
buông lơi,
Như áo vú em, sống chán rồi,
Ta chẳng nói năng gì kẻ ấy,
Song ta chiếu cố nói ngài thôi.*

*5. Khi bỏ tham dục của thế nhân,
Và đi tìm chánh định thân tâm,
Tội dù chỉ nhỏ như đầu tóc
Chẳng khác trên trời đám hắc vân!*

Nghe nữ thần cảnh báo như vậy, Bồ tát xúc động ngâm vần kệ thứ sáu:

*6. Hiền nhiên nữ thân hiếu tình
tường,
Nên với ta, nàng đã đoái thương,
Nếu thấy ta rày còn tái phạm,
Xin nàng nói nữa, khẩn cầu nàng.*

Sau đó, nữ thần ngâm vần kệ thứ bảy:

*7. Ta chẳng sống đây phụng sự ngài,
Chúng ta không ở mượn cho ai,
Xin ngài tự kiếm đường đi tới
Hạnh phúc tối cao giữa cõi đời.*

Khích lệ ngài như thế xong, nữ thần trở về nơi cư trú của nàng. Còn Bồ tát nhiệt tâm nhập đại định về sau tái sinh lên Phạm thiên giới.

Pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo Sư tuyên thuyết các Thánh đế và nhận diện tiền thân: lúc kết thúc các thánh đế, vị Tỳ kheo đã được an trú vào sơ quả (Dự lưu). Thời ấy nữ thần là Uppalavanna (Liên hoa sắc) và nhà khổ hạnh chính là Ta vậy.

-ooOoo-

Nhận xét:

Đây là một chuyện tiền thân liên hệ đến lời dạy của Đức Phật về cách giữ chánh niệm tỉnh giác trong mọi hành động của một vị Tỳ kheo.

Đức Phật luôn dạy chúng tăng giữ chánh niệm tỉnh giác trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi và tránh các cử chỉ buông lung phóng dật của người đời để có thể đạt được phong cách và ý tứ trang nghiêm của bậc chân tu.

Nhân dịp một vị Tỳ kheo trẻ gửi một hoa sen bên hồ, một nữ thần đã xuất hiện và nhắc nhở vị ấy đừng gửi trộm hoa như vậy mà không xin phép ai.

Vị ấy liền trình Đức Phật và được ngài dạy

rằng ngày xưa khi ngài còn là Bồ tát tu tập trong rừng, ngài cũng được một nữ thần cảnh báo về hành vi tương tự.

Thuở ấy, Bồ tát đã so sánh hành vi của mình với hành vi của người đang bẻ ngó sen và củ sen một cánh bừa bãi, rồi hỏi tại sao nữ thần không nhắc nhở kẻ ấy. Nữ thần giải thích: Đối với những kẻ phạm tục chưa nghe chánh pháp và còn tham đắm mọi dục lạc ở đời thì nàng không muốn nhắc nhở vì họ đã từng phạm nhiều lỗi lầm khác có thể còn to lớn hơn nhiều, nên dù được nhắc nhở cũng vô ích.

Còn đối với chư Tỳ kheo đã phát nguyện xuất gia, bỏ lại đằng sau mọi dục lạc của thế gian thì phải luôn cẩn trọng trong mọi cử chỉ hành động để có thể sông đời sống phạm hạnh "hoàn toàn thanh tịnh và trắng bạch như vỏ ốc" theo đúng lời Phật dạy mới có thể tinh cần tiến lên cao trên con đường giải thoát giác ngộ. Vì thế chư vị ấy cần thấy rõ sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất để tránh phạm những lỗi lớn lao có thể cản trở bước đường tu thân của mình.

Tuy nhiên, lời cảnh báo ấy chỉ được đưa ra một lần và sau đó vị ấy phải tự giác chế ngự bản thân chứ không ai nhắc nhở mãi; vì việc xuất gia tu hành là ý nguyện riêng của từng người. Vì vậy, nếu vị ấy muốn đạt hạnh phúc tối cao thì phải tự mình thường xuyên hộ phòng tam nghiệp thân, khẩu và ý thanh tịnh.

Bài kinh này được xếp vào bộ Tương Ưng trong phẩm Chư Thiên. Ở đây, bài kinh được chư vị kết tập kinh điển chế tác thành một chuyện tiền thân theo thể văn xuôi xen kẽ thi kệ vấn đáp để tăng thêm phần thú vị cho người học đạo. Vị nữ thần ở đây chính là tiền thân của Tì kheo ni Uppalavannà (Liên hoa sắc), một trong hai vị nữ đại đệ tử của giáo hội Tì kheo ni đã được đức phật ban danh hiệu nữ đệ tử thân thông đệ nhất bên cạnh Tì kheo ni Khemà (Thái hoà) - trí tuệ đệ nhất, đồng đẳng với hai tì kheo Sariputta (Xá lợi phất) và Moggallàna (Mục kiên liên), trí tuệ đệ nhất và thân thông đệ nhất trong giáo hội tì kheo tăng.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 66, 09-2001)

Tiểu Bộ Kinh - Chuyện Tiền Thân

4. Chuyện Lộc Vương hoan hỷ (số 385, Tiền thân Nandiyamiga)

"Bà la môn, Ngài có vào ngự uyển..."

Bậc Đạo Sư kể chuyện này tại Kỳ Viên về một Tỳ kheo phụng dưỡng mẹ mình. Ngài hỏi vị Tỳ kheo:

-Có thật là ông phụng dưỡng người thế tục?

-Thưa vâng, bạch Thế tôn.

-Họ là ai?

-Bạch Thế tôn, đó là cha mẹ con.

-Lành thay, lành thay! Này Tỳ kheo, ông duy trì giới luật của các trí nhân ngày xưa, vì chư vị ấy ngay khi được sinh làm súc vật cũng hi sinh tính mạng vì cha mẹ.

Và Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, lúc vua nước Kosala ngự trị dân

chúng tại Saketa (tức là Oudh), Bồ tát được sinh làm con nai. Khi lớn lên, Ngài có tên là Nandiyamiga (Hỉ Lộc) với tính tình và đức hạnh ưu thắng, Ngài phụng dưỡng song thân mình.

Bấy giờ, vua Kosala có ý thích săn bắn, hàng ngày đi vào rừng cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, vì thế dân chúng không thể làm nghề canh tác và thương mãi của họ được. Họ tụ tập nhau bàn luận:

-Này chư vị, đức vua của chúng ta đang huỷ hoại nghề nghiệp của chúng ta, đời sống gia đình ta đang tàn tạ, nên chẳng là chúng ta phải rào lâm viên Anjanavana lại, làm một công lớn, đào một hồ nước và gieo cỏ mọc lên, rồi vào rừng cầm gậy trong tay, đập vào các bụi rậm, như thế đuổi được bầy nai ra và đưa chúng vào lâm viên ở như bầy bò trong chuồng? Sau đó chúng ta đóng công lại, trình đức vua việc ấy và đi làm công việc của chúng ta?

Đó là cách ta phải làm. Họ bảo nhau.

Và họ đồng ý chuẩn bị lâm viên sẵn sàng, rồi

vào rừng vào một khoảng rộng, mỗi bề một dặm. Lúc ấy Nandiya đã đem cha mẹ vào một bụi cây nhỏ và nằm xuống đất. Dân chúng cầm khiêng mộc, vũ khí bao vây bụi rậm kề sát nhau, một vài người bước vào tìm. Nai Nandiya thấy họ liền nghĩ: "Thật tốt là ta sẽ hi sinh tính mạng hôm nay để cứu cha mẹ". Như thế, nai đứng dậy cha mẹ và nói:

-Thưa cha mẹ, đám người này sẽ trông thấy cả ba chúng ta nếu họ vào trong bụi, cha mẹ chỉ có thể sống sót được bằng cách duy nhất, và mạng sống cha mẹ là tối thượng: con sẽ hi sinh tính mạng của con vì cha mẹ, bằng cách đứng bên bờ bụi cây và chạy ra ngay khi họ đập vào bụi, sau đó họ sẽ nghĩ rằng chỉ có một con nai nhỏ trong bụi cây nhỏ này thôi, và sẽ không bước vào trong. Vậy cha mẹ hãy cố hết sức thận trọng".

Thế là nai xin được phép đứng lên sẵn sàng chạy ra.

Ngay khi bụi cây bị đám người đứng bên bờ đập mạnh và la hét, nai vọt chạy ra nên bọn họ

nghĩ rằng chỉ có một con nai trong ấy và không bước vào trong. Nandiya cùng đi với đám nai kia, được đám người ấy xua vào trong lâm viên, rồi họ đóng cổng lại và trình lên đức vua xong xuôi, họ trở về nhà.

Từ đây, bao giờ vua cũng tự mình đi bắn nai và tự vua mang nai về hoặc truyền người đi tìm nó và mang về.

Bầy nai chuẩn bị chờ đến phiên mình, con nào đến phiên phải đứng sang một bên, rồi họ mang nó đi khi nó bị bắn chết. Nandiya cứ uống nước trong hồ và ăn cỏ, nhưng chưa đến phiên mình. Nhiều ngày sau, cha mẹ ngài mong muốn được gặp con, liền nghĩ: "Con ta Nandiya là lộc vương, mạnh khỏe như voi và hoàn toàn tráng kiện. Nếu còn sống chắc chắn nó sẽ nhảy rào về thăm chúng ta rồi".

Vì thế hai vị đứng bên vệ đường, vừa thấy một Bà la môn liền hỏi bằng giọng người:

-Thưa Tôn giả, Ngài đi đâu thế?

-Đi Sàketa. Vị ấy đáp.

Nghe vậy, hai vị muốn nhắn đôi lời cho con
bèn ngâm vần kệ đầu:

*Bà la môn, Ngài có vào ngự uyển,
Khi ngài đi qua xứ Oudh, kinh đô,
Xin tìm Nan-di yêu dấu của ta,
Và nhắn gửi một đôi lời chân thật,
Qua tháng năm cha mẹ vì kiệt lực,
Lòng khao khát mong mỗi đọi con
về.*

Vị Bà la môn bảo:

-Được lắm! Và nhận lời.

Ngày hôm sau, vị ấy đi đến Sàketa, vào vườn
ngự uyển hỏi lớn:

-Nai nào là Nandiya?

Nai chúa đến gần vị ấy, bảo:

-Ta đây.

Vị Bà la môn nói lại lời nhắn kia, Nandiya
nghe vậy đáp:

-Này Bà la môn, ta có thể ra đi. chắc chắn ta có
thể nhảy rào trốn đi. Song ta thọ hưởng thức ăn

nước uống của đức vua và việc ấy đối với ta như một món nợ. Ngoài ra, ta đã sống lâu nay với bầy nai này, thật không hợp lí nếu ta đi mà không làm lợi ích cho đức vua và bầy nai nữa, hoặc không chứng tỏ sức mạnh của ta. Vậy khi nào đến phiên ta, ta sẽ làm lợi ích cho cả người lẫn vật, rồi an vui trở về.

Đề giải thích điều này ngài ngâm hai vắn kệ:

*Ta đội ơn vua, ăn uống tràn trề,
Chưa đi được, chờ khi làm ích lợi
Trước cung vua, ta sẽ giơ sừng đọi,
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.*

Vị Bà la môn nghe lời này bèn bỏ đi.

Sau đó, vào ngày đến lượt nai chúa, vua cùng đoàn tùy tùng đông đảo vào vườn ngự uyển.

Bò tát đứng sang một bên. Vua bảo:

-Ta sẽ bắn nai này.

Và vua lấp một mũi tên nhọn vào dây cung.

Bò tát chẳng bỏ chạy như các con nai khác khi sợ chết, mà lòng đầy can đảm và lấy từ ái làm

kim chỉ nam. Ngài đứng yên phô bày bộ xương sườn thật cường tráng.

Do động lực của từ tâm, vua không thể thả mũi tên ra. Bồ tát bảo:

-Tâu đại vương, tại sao đại vương không bắn? Xin hãy bắn đi.

-Này lộc vương, trẫm không thể bắn được.

-Tâu đại vương, thế thì xin hãy xem các công đức của vị giữ giới hạnh.

Sau đó vua hoan hỉ với lời bồ tát, liền thả cung xuống và bảo:

-Khúc gỗ vô tri giác này không biết đức độ của người, chứ trẫm là người có tri giác lẽ nào lại không hiểu? hãy tha thứ cho trẫm, nay trẫm cho người được bình an.

-Tâu đại vương, ngài cho ta được bình an, song còn cả đàn nai trong ngự viên này thì sao?

-Trẫm cũng sẽ cho chúng bình an nữa.

Như vậy, sau khi tạo được bình an cho tất cả bầy nai trong lâm viên, chim muông trên trời

và bày cá dưới nước, theo cách được miêu tả trong tiền thân Nigrodhamiga (số 12), Bồ tát làm cho vua an trú vào ngũ giới và bảo:

-Tâu đại vương, tốt lành thay cho một đức vua cai trị quốc độ bằng cách từ bỏ mọi ác đạo, không xâm phạm "Thập vương pháp" (mười đức tính của vị vua) và hành động chân chánh:

Bố thí, nhân từ, đức hạnh, công bình,

Thân ái, nhu mì, ôn hoà, nhân nhục,

Ăn năn, bi mẫn là mười giới giới đức

Ta thấy luôn vững chắc ở trong tâm.

Từ đó khởi sinh cả một từ ân

Thật hoàn thiện và nội thân an lạc.

Cùng với những lời này, ngài nêu rõ mọi đức tính của vị vua hiền qua hình thức một bài kệ.

Sau vài ngày ở lại cùng nhà vua, ngài ra lệnh truyền một chiếc trống bằng vàng đi khắp kinh thành, công bố lời hứa bình an cho mọi loài.

Sau đó ngài bảo:

-Xin đại vương hãy cẩn trọng phòng hộ.

Rồi ngài ra về thăm cha mẹ.

*Xưa ta chính là lộc vương trong xứ
Oudh,
Tánh và danh Hoan hỉ, Nan-di
Muốn giết ta trong ngự uyển, ngày
kia
Đức vua đến, tên nằm yên trên dây
sấn,
Ta phời sườn trước tên vua đòi bắn
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.*

Đây là những vần thi kệ phát sinh từ Tội Thắng Trí của đức Phật.

*

Khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các thánh đế và nhận diện tiền thân. Lúc kết thúc các thánh đế, vị Tỳ kheo phụng dưỡng cha mẹ đã được an trú vào sơ quả(Dự lưu).

Thời ấy, song thân là phụ vương và mẫu hậu trong hoàng gia, vị Bà la môn là Sàriputta (Xá lợi phất), vua là Ànanda(A nan) và ta chính là

Lộc vương ấy.

-ooOoo-

Nhận xét:

Lòng hiếu thảo đối với cha mẹ là một trong những đề tài chính của bộ Jataka được đức Phật đề cao qua nhiều chuyện quá khứ lần hiện tại.

Thông thường, một Tỳ kheo xuất gia từ già gia đình không còn những hệ lụy của thế gian để vị ấy có thể chuyên tâm tu tập con đường giải thoát giác ngộ. Tuy nhiên, nếu vị ấy còn cha mẹ già không nơi nương tựa, thì vị ấy cũng có thể phụng dưỡng cha mẹ mình mà không bị đức Phật khiển trách như nhiều người lầm tưởng và đem rình ngài câu chuyện ấy. Trái lại, khi nghe thuật lại việc một Tỳ kheo còn phụng dưỡng cha mẹ già, Ngài còn tán thán hiếu hạnh ấy cùng khuyến can các vị đồng phạm hạnh của vị ấy chớ nên bất mãn, và sau đó, Ngài kể những chuyện quá khứ chứng minh hiếu hạnh là một trong những đức tính tốt đẹp nhất của các loài hữu tình có trí tuệ, và ngay khi còn ở

kiếp xúc sinh, Bồ tát cũng đã từng nêu tấm gương cao cả sáng ngời để cảm hoá mọi loài, đặc biệt là loài người.

Lòng hiếu thảo quả thật là đặc tính của những chúng sinh có trí tuệ, vì thế rất hiếm thấy ở loài vật thông thường chỉ có bản năng thương yêu con của chúng mà thôi. Tuy nhiên, Bồ tát tiền thân đực Phật với hạnh nguyện đại bi cứu độ muôn loài chúng sinh, đã thể hiện đặc tính ấy qua nhiều hình thức tái sinh khác nhau, điển hình là hình thức nai chúa Hoan Hỉ trong tiền thân này.

Với bản tính và danh xưng đều là hoan hỉ, Bồ tát sẵn sàng hi sinh thân mạng để cứu cha mẹ và muôn loài theo khả năng kì diệu của mình.

Khi nghe vua muốn bắt nai để ăn thịt, Bồ tát tìm cách đánh lừa thợ săn để cha mẹ được thoát nạn, còn ngài vẫn an vui đợi ngày bị hành hình chứ không bỏ trốn. Dù nai chúa có đủ tài trí và sức mạnh để thoát khỏi vòng vây trong ngự uyển, ngài vẫn ở lại đó để đợi dịp trả ân vua đã cho mình ăn uống trong một thời gian,

đồng thời có thể dùng tâm từ giáo hoá vua và cứu cả bầy nai.

Do động lực từ tâm của Bồ tát đối với muôn loài, Ngài tỏ ra vô cùng can đảm trước mũi tên của vua đang sẵn sàng lao tới, vua không thể nào bắn nai như đã dự định. Trái lại, vua cảm thấy ân hận vì ác tâm của mình đối với thú vật lâu nay, nên đã ra lệnh tha chết cho muôn loài ở trong quốc độ mình.

Sau đó vua được Bồ tát an trú vào ngũ giới, từ bỏ ác đạo, và vua được Ngài dạy Thập vương pháp để trị nước đúng tư cách của bậc minh quân suốt đời làm thiện sự để đem lại an lạc cho dân chúng tái sinh cõi lành đời sau.

Và câu chuyện kết thúc với sự trở về an toàn của Bồ tát bên cạnh cha mẹ mình trong niềm hoan hỉ của mọi loài.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ số 60, 03-2001)

Tiểu Bộ Kinh - Chuyện Tiền Thân
5. Chuyện Kiều nữ Sulasà
(số 419, Tiền thân Sulasà)

"Này đây là chiếc vòng vàng..."

Bậc đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại kì viên, về một nữ tì của ông Cấp Cô Độc.

Chuyện kể rằng vào một ngày lễ hội, khi nàng sắp đi cùng đám gia nhân đến một lạc viên, nàng xin nữ chủ nhân Phước Tướng cho nàng một món nữ trang để đeo. Bà chủ cho nàng một món nữ trang của bà trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Nàng đeo vào cổ và cùng đám gia nhân đi đến chỗ vui chơi.

Một tên trộm thèm món nữ trang kia, với dự định giết nàng để đoạt của, hấn lân la đến nói chuyện với nàng tại khu vườn kia. Hấn cho nàng ăn cá thịt và uống rượu mạnh. Nàng suy nghĩ: "Ta chắc chàng làm vậy vì thích ta". Vào buổi chiều tối khi mọi người nằm xuống nghỉ ngơi sau các cuộc vui chơi, nàng đứng dậy đi tìm hấn. Hấn bảo:

-Này cô nương, chỗ này không kín đáo, ta hãy đi xa hơn một chút.

Nàng suy nghĩ: "Bất cứ việc gì thâm kín đều có thể xảy ra nơi tại này, chắc chắn anh chàng muốn giết ta và đoạt món nữ trang ta đang đeo. Vậy ta sẽ dạy cho chàng ta một bài học". Vì thế nàng bảo:

-Thưa tôn ông, thiếp đang khát nước khô cổ họng vì uống rượu mạnh. Xin hãy kiếm cho thiếp một ít nước.

Rồi đưa hấn đến giếng, nàng vừa bảo hấn kéo nước vừa chỉ cho hấn sợi dây thừng và chiếc gàu. Tên trộm thả gàu xuống. Rồi ngay khi hấn cúi mình để kéo nước lên, cô nữ tì vốn rất lực lưỡng liền đẩy mạnh hấn với đôi bàn tay và hát hấn xuống giếng. Nàng bảo:

-Mi chẳng chết vì cách này đâu.

Rồi nàng ném một cục gạch lớn trên đầu hấn. Hấn chết liền tại chỗ. Khi nàng trở về thành và trả lại bà chủ món nữ trang, Nàng bảo:

-Con suýt bị giết hôm nay vì món nữ trang ấy.

Rồi nàng kể lại toàn thể câu chuyện. Bà chủ bèn kể chuyện lại với ông Cấp Cô Độc và ông

trình báo với đức Như Lai. Bậc đạo sư bảo:

-Này gia chủ, đây không phải lần đầu tiên nữ tỳ ấy có trí thông minh phát xuất kịp thời, mà ngày xưa cũng vậy. Đây không phải lần đầu nàng giết kẻ ấy, mà trước kia cũng đã từng giết kẻ ấy.

Và theo lời ông Cấp Cô Độc, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa khi vua Bramadatta trị vì tại Ba la nại, có một kiều nữ của kinh thành tên gọi là Sulasà, làm chủ một đoàn năm trăm kĩ nữ sang trọng, giá mỗi đêm hưởng lạc ở đó là một ngàn đồng tiền.

Cũng trong kinh thành này có một tướng cướp tên là Sattuka, khoẻ mạnh như voi, vẫn thường đột nhập vào các nhà giàu ban đêm để cướp của thoả thích. Dân trong thành tụ tập lại cáo trạng tâu với vua.

Vua ra lệnh canh đóng rải rác khắp nơi để bắt tướng cướp và xử trảm. Họ trối tay hấn ra sau

và vừa dẫn hắn đến pháp trường vừa đánh roi khắp mình mẩy. Lúc ấy nàng Sulasà đứng bên cửa sổ nhìn xuống đường, thấy tướng cướp bỗng nhiên đâm ra si tình hắn và suy nghĩ: "Nếu ta có thể giải nguy cho chàng chiến sĩ lực lưỡng này, ta sẽ từ bỏ cuộc đời xấu xa hiện nay của ta và sống chân chính với chàng".

Nàng lấy lại tự do cho hắn bằng cách gửi một ngàn đồng tiền vàng đến tặng ngài thị trưởng rồi sau đó sống hạnh phúc hoà hợp với hắn. Sau chừng ba bốn tháng, tướng cướp suy nghĩ: "Ta sẽ chẳng bao giờ có thể ở một nơi như vậy, song ta không thể ra đi tay không. Nữ trang của Sulasà trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Ta muốn giết nàng và lấy của".

Vì vậy một hôm hắn bảo nàng:

- Ái nương ơi! Khi ta đang bị quân lính của nhà vua kéo đi, ta hứa cúng lễ vật cho một thần cây trên đỉnh núi, nay vị ấy đang đe dọa ta vì không trả lễ. Vậy chúng ta hãy đi dâng lễ thần.

- Thưa lang quân! tốt lắm, chúng ta hãy chuẩn bị lễ vật gửi đi cúng thần.

- Này ái nương! gửi lễ vật cúng thần không công hiệu gì đâu. Chúng ta hãy cùng đi dâng lễ mang theo mọi món tư trang và đám hầu cận.

- Thưa lang quân! được rồi, chúng ta cùng làm vậy.

Hắn bảo nàng chuẩn bị lễ vật và khi họ đến chân núi, hắn bảo:

-Này ái nương, vị thần này thấy đông người sẽ không nhận lễ vật, vậy hai ta cùng đi lên núi dâng lễ.

Nàng thoả thuận và hắn bảo nàng mang chiếc bình. Phần hắn đã chuẩn bị hết sức chu đáo. Khi cả hai đến đỉnh núi, hắn đặt lễ vật xuống gốc cây mọc cạnh bờ vực cao gấp trăm lần một người thường và bảo:

-Này ái nương, ta không đến đây để dâng lễ vật, mà đến đây với ý định giết nàng rồi trốn đi với mọi tư trang của nàng, vậy hãy cởi ra hết và gộp thành một bó trong áo khoác của nàng kia.

-Này lang quân, tại sao chàng muốn giết thiếp?

-Vì tiền của nàng đấy.

-Lang quân ơi, hãy nhớ lại mọi việc tốt lành mà thiếp đã làm cho chàng: Khi chàng bị xiềng tay chân và kéo đi xử trảm, thiếp đã bỏ một anh chàng nhà giàu chỉ vì chàng và trả một số tiền lớn để cứu chuộc chàng. Dù thiếp có thể kiếm một ngàn đồng tiền mỗi ngày, thiếp cũng không nhìn đến một nam nhân nào khác. Thiếp đã làm ân nhân của chàng như vậy. Xin chàng đừng giết thiếp. Thiếp nguyện trao cho chàng thật nhiều tiền và làm nô tì cho chàng.

Cùng với những lời khẩn cầu này, nàng ngâm vãn kệ đầu:

*1. Nay đây là chiếc vòng vàng,
Nay đây ngọc bích cùng tràng hạt
trai,
Lấy đi tất cả chàng ôi
Xin chàng cho thiếp làm tỳ tở
chàng!*

Khi ấy Sattuka ngâm vãn kệ thứ hai phù hợp với mục đích của hẳn, đó là:

2. *Đề vàng ngọc xuống kiêu nương,
Và nàng đừng có khóc thương buồn
phiên
Ta nay muốn giết nàng liền
Vì ta không chắc hưởng tiền hồi
môn.*

Trí khôn của Sulasà xuất hiện kịp thời, nàng suy nghĩ: "Tên cướp này không muốn cho ta sống, vậy ta sẽ đoạt mạng hắn trước bằng cách ném hắn xuống vực sâu", và nàng ngâm hai vần kệ tiếp:

3. *Suốt bao năm tháng lớn khôn
Vớ bao hồi tưởng trong hồn thật
chân,
Thiếp thề giữa cõi phàm trần
Không người nào đã thiết thân hơn
chàng.*

4. *Đến đây lần nữa cuối cùng
Thiếp xin kính lễ trong vòng bàn tay
Chẳng bao giờ ở đời này
Đôi ta gặp mặt từ nay, hồi chàng!*

Sattuka không thể hiểu được mục đích của nàng, liền nói:

-Tốt lắm, này ái nương hãy đến ôm ta trong tay nàng.

Sulasà đi vòng quanh hấn cung kính đánh lễ ba lần, vừa hôn hấn vừa bảo:

-Này lang quân, bây giờ thiếp đánh lễ chàng từ phía.

Nàng đặt đầu nàng lên chân hấn, đánh lễ hai bên, xong đi vòng ra phía sau hấn như thế sắp đánh lễ hấn tại đó; rồi với sức mạnh như voi, nàng nắm hai cẳng hấn ném hấn lộn ngược đầu xuống vực thẳm của tử thần cao gấp trăm lần một người thường. hấn tan thân và chết tại chỗ.

Thấy việc này, vị thần trên đỉnh núi ngâm các vần kệ sau:

*5. Trí tuệ khôn ngoan cũng lắm khi
Không dành riêng với bọn nam nhi,
Nữ nhi có thể nhiều minh trí
Xuất hiện trong tình thế hiểm nguy.*

6. Trí tuệ khôn ngoan cũng lắm khi
Không dành riêng với bọn nam nhi
Nữ nhi nhanh trí nhiều mưu kế
Dự định làm công việc kịp kì.

7. Cô nàng bày tỏ trí khôn ngoan
Hiểu biết tinh thông mọi lối đường,
Đã giết anh chàng như lập hộ
Giết con nai với chiếc cung giương.

8. Người nào khi gặp cảnh cùng
đường,
Không thể vương lên để thoát thân
Sẽ ngã nhào như tên trộm ngốc
Ngã vào trong vực thăm tan xương.

9. Còn kẻ tinh nhanh thấy sự tình
Hiểm nguy đến với số phận mình,
Như nàng được thoát thân ra khỏi
Cừu địch bên mình đáng hãi kinh.

Như vậy Sulasà đã giết tên cướp nọ. Khi nàng xuống núi và đứng giữa đám hầu cận, hỏi chồng nàng đâu. Nàng bảo:

-Đừng hỏi ta nữa!

Rồi leo lên xe, nàng đi thẳng đến kinh thành.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: thời ấy hai kẻ đó chính là hai người bây giờ, và vị thân núi chính là Ta.

-ooOoo-

Nhận xét:

Hai chuyện tiền thân này đều liên hệ đến hai người thiếu phụ gặp tiếng sét ái tình với hai tướng cướp hung ác, những kẻ lãng tử giang hồ trong bước đường cùng mà hai nàng muốn cứu mạng để chung sống về sau. Nhưng cả hai nàng đều phải trả giá rất đắt cho hành động phiêu lưu mạo hiểm của mình dù mỗi người ở một hoàn cảnh, địa vị khác nhau.

Vợ chàng Tiểu xạ thủ vốn là một cô gái nề nếp gia phong được cha nàng là một vị giáo sư danh tiếng lấy lòng khắp thiên hạ dạy bảo từ nhỏ trong khuôn khổ lễ giáo để nàng trở thành người vợ hiền, và sau đó ông chọn chồng cho

con gái là người học trò xứng đáng nhất trong đám môn đồ của ông. Nhưng tính tình của nàng lại chóng thay đổi bất thường với nỗi khổ đam mê mãnh liệt mù quáng, quên mất đạo lý làm vợ, đã tàn nhẫn lập mưu giết chồng nàng để thoả mãn dục vọng nhất thời. Và nàng đã gặt hái kết quả tai hại do hành động khờ dại ấy ngay sau đó. Tuy thế, nàng vẫn không thấy được lỗi lầm của nàng trong cách xử thế và dự định tiếp tục sống theo tà hạnh, nên Sakka Thiên chủ, hiện thân của Bồ Tát, phải giả dạng xuống trần gian diễn một màn bi hài kịch để giáo hoá nàng cho nàng biết ăn năn tội lỗi và sửa mình về sau.

Còn nàng Sulasà trong chuyện này là một kỹ nữ thượng lưu vốn theo nếp sống buông thả dục tình, nhưng bất chợt nàng đem lòng say mê một tướng cướp mang tử tội và nàng tìm đủ mọi cách cứu y thoát chết để có thể chung sống với y từ giã nghề nghiệp xấu xa của nàng.

Nhưng tướng cướp kia vốn quen sống đời giang hồ phiêu bạt đó đây nên không thể gò bó mình vào cuộc sống bình thường trong gia đình

mãi được. Rồi bản tính hung bạo cũ nổi lên khiến y quên cả người vợ ấy, chính là ân nhân đã cứu mạng y không lâu trước đó. Và vì thế, y lập mưu giết nàng để đoạt tài sản trước khi cất bước phong trần một lần nữa. Ngay cả khi nàng hết lời van xin y tha mạng và sẵn sàng dâng hết tài sản của nàng cùng làm nô lệ cho y, y vẫn không từ bỏ ý định phản bội kia.

Đối với một kẻ tán tận lương tâm không hề biết lẽ phải như thế, nàng Sulasà chỉ còn cách duy nhất để tự cứu mình là giết y. Trí thông minh xuất hiện giúp nàng nghĩ ra mưu kế đánh lừa y để tránh được tai họa cho mình. Hành động khôn ngoan và can đảm kịp thời của nàng để trừ gian diệt bạo và tự giải thoát tình thế hiểm nghèo ấy đã được Bồ tát thời ấy là vị thần núi chứng kiến câu chuyện ngâm các câu kệ cảm hứng ca ngợi.

Cũng như trong chuyện tiền thân con báo trước kia, đối với những loài hung ác, không hề biết lẽ phải, Đức Phật cũng đã khen ngợi những người hay vật đầy đủ trí khôn và lòng can đảm chống cự lại chúng để tự bảo vệ mình.

Như vậy, nói chung, trong những trường hợp gian nguy gặp kẻ hung ác ý mạnh hiếp yếu để thỏa mãn cuồng vọng của chúng, Đức Phật vẫn khen ngợi cách xử thế khôn ngoan của những ai có đủ trí thông minh và can đảm để chống cự chúng và tự bảo vệ mình, nếu không họ sẽ bị những kẻ thù tàn bạo tiêu diệt ngay lập tức.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ số 69, 12-2001)

Tiểu Bộ Kinh - Chuyện Tiên Thân

6. Chuyện vua Dalha-dhamma

(409. Tiên thân Dalha-dhamma)

"Chính con khuôn vắc tự ngày xanh..."

Bậc đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại rừng Ghosita (Cù-sư-la) gần Kosambi (Kiều thương di), về Bhaddavatika, con voi cái của vua Udena.

*

Bấy giờ cách con voi này được trang điểm vàng ngọc và chuyện dòng họ vua Udena sẽ được nêu ra trong Tiên thân Mâtanga (số 497).

Một hôm con voi này ra ngoài thành sáng sớm gặp Đức Phật được Thánh chúng vây quanh, trong vẻ oai nghi tối thượng của một bậc Giác ngộ, đang vào thành khất thực, nó quỳ xuống chân Đức Như Lai, than khóc và cầu khẩn Ngài :

-Bạch Thế Tôn, bậc toàn tri kiến, vị cứu khổ toàn thế giới , khi con còn trẻ và có khả năng làm việc, vua Udena, một vị minh quân đã thương yêu con và bảo: "Đời sống của ta cùng vương quốc và hoàng hậu đều nhờ nó tất cả." Rồi ngài ban cho con đại vinh hiển bằng cách trang điểm mọi thứ vàng ngọc, ngài truyền trát chuồng voi với đất trộn hương liệu, treo các đồ vật có màu sắc rực rỡ chung quanh, thắp đèn với dầu thơm, đặt đĩa trầm xông tại đó, ngài lại truyền đặt một chậu bằng vàng tại chỗ con đại tiện, cho con đứng trên thảm màu và cho con ăn toàn cao lương thượng vị của vua. Nay con đã già và không làm việc được nữa, nên ngài tức bỏ mọi đặc ân ấy, con sống bơ vơ khôn khổ không ai bảo vệ chăm sóc, chỉ ăn toàn quả kataka trong rừng, con chẳng có nơi nương tựa

nào nữa. Xin Thế tôn nói cho vua Udena nghĩ lại các công đức của con và phục hồi mọi vinh quang cũ cho con.

Bậc đạo sư bảo :

-Người hãy đi về, rồi ta sẽ nói với nhà vua phục hồi mọi vinh quang cũ cho người.

Sau đó Ngài đi đến cửa hoàng cung.

Nhà vua mời Đức Phật vào, thiết đãi trọng thề tất cả hội chúng theo hầu Đức Phật. Khi buổi thọ thực đã xong, bậc Đạo Sư nói lời tùy hỷ công đức và hỏi :

-Thưa Đại vương, con voi Bhaddavatikà đâu rồi?

-Bạch Thế Tôn, Trẫm không biết.

-Thưa Đại vương, sau khi đã ban vinh hiển cho đám nô tỳ, ngài tức bỏ mọi ân huệ lúc chúng già yếu là không phải đạo, vậy cần tỏ lòng biết ân chúng mới hợp lý. Bhaddavatikà nay đã già, mòn mỏi vì tuổi tác và không được ai bảo vệ, chỉ sống bằng trái cây Kataka trong rừng. Đại vương để cho nó bơ vơ như vậy lúc già yếu là

không hợp lý.

Rồi kể các công đức của con voi Bhaddavatikà, ngài bảo:

-Đại vương hãy phục hồi mọi vinh quang cũ của nó.

Xong Ngài ra đi. Nhà vua làm theo lời ngài. cả kinh thành truyền tin rằng vinh quang cũ ấy đã được phục hồi nhờ đức Phật kể lại mọi công đức của nó.

Việc này được Tăng chúng biết chur vị bàn luận trong lúc hội họp. bậc Đạo sư bước vào và nghe đây là đề tài của chur vị, Ngài bảo:

-Này các Tì kheo, đây không phải là lần đầu Như Lai làm cho nó được phục hồi mọi vinh quang cũ bằng cách kể chuyện công đức của nó.

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa có một vị vua mệnh danh là Dalhadhamma cai trị tại Ba la nại. thời ấy Bồ tát được sanh vào gia đình một đại thần quan

trọng nhất trong triều. vua có một con voi cái rất dũng mãnh, lực lưỡng. Nó đi một trăm dặm một ngày, làm mọi phận sự sứ thần của vua, khi ra trận nó chiến đấu oanh liệt, dẫm nát quân thù. Vua thường bảo:

-Con voi này thật hữu ích đối với ta.

Rồi vua ban cho nó mọi đồ vật trang điểm và vinh quang giống như vua Udena ban cho Bhaddavatika ngày nay. Sau đó khi nó già yếu, vua tước hết mọi đặc ân trên.

Từ đó nó không được ai bảo vệ và chỉ sống bằng các thứ cỏ lá trong rừng. Một hôm, các loại đồ gốm sứ trong cung điện vua không đủ dùng, vua truyền thợ gốm lại phán:

-Đồ gốm không đủ dùng.

-Tâu đại vương, tiểu thần không có bò kéo xe để mang phân bò về nung đất sét.

Vua nghe chuyện liền phán:

-Con voi cái của ta đâu rồi?

-Tâu đại vương, nó đang phiêu bạt tùy ý.

Vua bảo đem nó cho người thợ gổm:

-Từ nay người buộc nó vào xe rồi đưa đi chở phân.

Người thợ gổm đáp:

-Tâu đại vương tốt quá.

Rồi gã làm theo lời dặn. một hôm, ra ngoại thành, voi cái chợt thấy Bò tát đi đến, liền quì xuống chân Ngài vừa than khóc vừa nói:

-Thưa tể tướng, thời con còn trẻ, đức vua xem con rất hữu dụng và ban cho con đại vinh hiển, nay con già yếu, ngài tước bỏ mọi đặc ân và không còn nghĩ đến con nữa, con không được ai bảo vệ và chỉ sống bằng cỏ lá trong rừng, con gặp cảnh khốn cùng thế này, ngài lại đem con cho người thợ gổm buộc vào xe chở phân; trừ tể tướng ra, con không còn nơi nương tựa nào cả, chính tể tướng đã biết mọi công lao con phục vụ đức vua, xin ngài cho con được phục hồi mọi vinh hiển đã mất.

Rồi voi cái ngâm ba vần kệ :

Chính con khuân vác tự ngày xanh

*Như vậy đức vua đã tha tình?
Vũ khí con mang đây trước ngực
Xông pha chiến trận, bước hùng
anh.*

*Con đã lập nên lắm chiến công.
Đức vua giờ hẳn có quên chăng.
Bao lần phục vụ nhiều công trạng
Như đã định cho các sứ thân?*

*Nay con cô độc, quá bơ vơ.
Chắc hẳn mạng chung đã đến giờ.
Phục vụ cho nhà người thợ gốm
Con đành làm vật kéo phân dơ.*

Bồ tát nghe chuyện, liền an ủi nó và bảo :

-Thôi đừng buồn khổ nữa, ta sẽ đi trình đức vua và phục hồi mọi vinh dự cho ngươi.

Vì thế khi vào thành, ngài đi đến chầu vua sau buổi điếm tâm và bắt đầu câu chuyện, ngài bảo :

-Tâu đại vương, có phải con voi cái mang tên kia đã ra trận chiến tại những nơi nọ với các vũ

khí buộc đầy ngực, rồi ngày khác nó lại mang quốc thư ở cổ đi cả trăm dặm làm sứ giả cho đại vương, và đại vương đã ban cho nó nhiều vinh hiển chẳng, nay nó đâu rồi?

-Trẫm đã giao nó cho người thợ gốm chở phân bò.

Bồ tát liền đáp :

-Có hợp đạo lý chẳng, tâu đại vương, khi giao nó cho người thợ gốm buộc vào xe chở phân?

Rồi để khuyến giáo, ngài ngâm bốn vần kệ :

*Do mong cầu ích kỷ cá nhân,
Người ta ban phát mọi vinh quang
Như ngài đối với con voi nọ,
Ném bỏ như nô lệ yếu tàn*

*Khi người quên hết các huân công.
Thiện sự ngày xưa hưởng trọn phần
Mọi việc mà lòng đang dự tính
Ngày sau chắc hẳn phải suy vong.*

*Khi người ghi nhớ các công ơn
Thiện sự ngày xưa hưởng trọn phần*

*Mọi việc mà lòng đang dự tính
Ngày sau chắc hẳn sẽ thành công*

*Ta nói điều chân lý trọn lành
Cho thần dân tụ tập chung quanh
Phải luôn ghi nhớ công ơn cũ
Thiên giới dành phần sống hiển vinh*

Với lời khởi đầu này, Bồ tát giáo giới toàn thể dân chúng đang tụ tập ở đó. Nghe vậy, vua liền ban cho con voi già mọi vinh hiển cũ. Và về sau được an trú vào lời dạy của Bồ tát, vua bỏ thí cùng thực hành nhiều thiện sự khác, nên được sanh lên cõi Thiên.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc đạo sư nhận diện tiền thân: "Thời ấy, voi cái là Bhaddavatikà, vị vua là Ànanda, vị đại thần chính là ta vậy".

-ooOoo-

Nhận xét :

Lòng biết ơn là một trong những đề tài quan trọng của bộ *Chuyện Tiền thân*. Lòng biết ơn

người hay vật đã làm công ích thiện sự cho ta được Đức Phật đề cao qua nhiều chuyện tiền thân và chuyện này là một ví dụ.

Nhân chuyện vua Udena bạc đãi và bỏ rơi con voi già yếu đã từng lập nhiều công lao hiển hách đối với nhà vua suốt thời kỳ nó còn trẻ và đã được vua ban nhiều vinh hiển bổng lộc, bậc Đạo Sư khuyên vua nên cho nó được phục hồi mọi vinh quang cũ, và Ngài lại kể một chuyện quá khứ chứng minh trong tiền kiếp, Ngài đã từng làm một chuyện tương tự.

Qua các chuyện này, ta thấy Đức Phật luôn ca ngợi sự đền ơn đáp nghĩa đối với bất cứ người hay vật làm công ích cho mình, ngay cả khi ta có thể bị hại vì hành vi cao đẹp ấy, như trường hợp Nai chúa Nandiyamiga muốn trả ơn vua đã cho nai ăn uống trong vườn ngự một thời gian bằng cách đem tính mạng mình ra thử thách lòng tốt của vua, chứ không muốn trốn đi để khỏi chết dưới mũi tên tàn bạo.

Đức Phật không chỉ khuyên dạy các đệ tử biết ơn cha mẹ, thầy hay bạn tốt, những người có

công lớn đối với đời ta mà còn phải nhớ ơn cả những gia công hầu cận hay các loài vật phục vụ ta như con voi già trong chuyện này.

Hơn nữa, Ngài còn dạy các đệ tử nhớ ơn tất cả loài cỏ cây có ích lợi chung quanh. Trong nhiều chuyện tiền thân khác, Ngài dạy rằng khi ta ngồi dưới một góc cây cho ta bóng mát dù chỉ trong chốc lát, ta cũng tỏ lòng biết ơn bằng cách không bẻ cành hái lá, vì chỉ người ác mới làm hại bạn lành.

Điều này được thể hiện ngay sau khi vừa thành đạo. Trong niềm hân hoan vô tận của giải thoát lạc, Ngài không ngừng chiêm ngưỡng cây cổ thụ Asattha, hay cây đa (Nigrodha), một loại cây sung, để tỏ lòng biết ơn đối với cây cao bóng cả đã cho Ngài một nơi an trú vững chắc suốt trong cuộc chiến đấu cuối cùng chống Ma Vương và Ma quân ào ạt tấn công Ngài như vũ bão trước khi Ngài trở thành bậc chiến thắng anh hùng. Theo Tôn giả Narada, một pháp sư danh tiếng trong thế giới Phật giáo, thái độ này của Đức Phật đã gián tiếp dạy cho loài người một bài học đạo đức vĩ đại. Về sau theo gương

Ngài, các đệ tử Ngài cũng tôn trọng cây cổ thụ ấy cùng con cháu của nó và chúng được mệnh danh là cây Bồ đề để tưởng niệm sự giác ngộ của Ngài.

Khi Đức Phật quyết định thuyết pháp độ sanh sau nhiều tuần thọ hưởng niềm an lạc của Niết bàn bất tử, Ngài nghĩ ngay đến hai vị đạo sư Àlara Kàlāma và Uddaka Rāmaputta đã từng hướng dẫn Ngài trên con đường học đạo; rồi tiếp theo là nhóm sáu vị khổ hạnh Komdanna, bạn đồng tu, đã từng phục vụ Ngài suốt thời kỳ Ngài thực hành những pháp môn khổ hạnh đệ nhất nhưng không đem lại giác ngộ giải thoát, và họ đã rời bỏ Ngài trước khi Ngài đơn thân theo con đường mới là thực hành thiền quán dưới gốc cây Bồ đề ấy.

Trong thời Ngài tại thế cũng như trong những chuyện đời xưa, Đức Phật luôn tán thành lòng biết ơn. Ngài bài bác hành động vong ân bội nghĩa, vì Ngài thấy rõ đó là ác nghiệp có thể đưa đến suy vong ở đời này và tái sanh đọa xứ, địa ngục; còn sự đền ơn đáp nghĩa là thiện nghiệp, sẽ đưa đến hưng thịnh thành công ở

đời này và tái sinh cõi lành ở đời sau. Lời dạy của Đức Phật về lòng tri ân đối với các thiện sự mà ta nhận được từ người hay vật và ngay từ cỏ cây thật vô cùng cao cả và có ích lợi thực tiễn cho loài người hiện nay.

Trong lịch sử, chưa bao giờ con người khắp thế giới ra sức tàn phá môi trường sống như trong thời hiện đại. Do lòng tham vô tận, con người tìm mọi cách làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên qua những việc đốn cây, phá rừng, làm cháy rừng... gây nên những trận lũ lụt nghiêm trọng cho từng vùng đất rộng lớn hoặc săn bắn các động vật quý hiếm để lấy lông, da, sừng, ngà, mật,... tạo nguy cơ tuyệt chủng cho một số loài vật giống như vị vua ở chuyện Đại Hải Vương đã dự định hủy hoại môi trường sống và làm tuyệt chủng cả dòng họ của 80.000 con khi, chỉ vì chút lòng tham vị ngon ích kỷ của mình! Trong khi muốn thỏa mãn dục vọng không cùng của cá nhân hay tập thể, họ không hề nghĩ đến hậu quả tai hại cho môi trường sống chung quanh cũng như cho bản thân mình ở đời này và đời sau.

Phát xuất từ lòng đại bi vô lượng đối với muôn loài, đạo đức Phật giáo là lý tưởng đối với đạo đức môi trường sinh thái. Chúng ta có thể khẳng định đời sống theo Phật đạo rất thân thiết với môi trường thiên nhiên. Chưa bao giờ như hiện tại, chúng ta cần áp dụng truyền bá lời dạy của Đức Phật về lòng biết ơn sâu rộng như trên để ngày càng có nhiều người ý thức sự cần thiết bảo vệ quả đất, một hành tinh thường được ví như bà mẹ hiền cung cấp nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú cho muôn loài sinh vật. Nếu loài người chúng ta không biết tôn trọng và bảo vệ môi trường sống hiện tại, thì hậu quả xấu sẽ không lường đối với các thế hệ tương lai và thảm họa cho môi trường sinh thái là điều tất yếu không thể tránh khỏi, vì cho đến nay, quả đất mẹ vẫn là hành tinh xanh duy nhất cung cấp nguồn sống cho muôn loài sinh vật theo sự khám phá của khoa học hiện đại.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 63, 06-2001)

7. Chuyện Đại Thọ Bồ Đề và Thánh đế Kàlinga

(Tiền thân Kàlinga - Bodhi)

Chuyện này Bạc Đạo Sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên, về việc Tôn giả Ananda cử hành lễ cúng dường cây Bồ đề.

Trong lúc Đức Như Lai đi du hành vì mục đích thân nhận những người đủ cơ duyên để thọ giới, dân chúng thành Xá Vệ tiến đến Kỳ Viên, tay cầm đầy vòng hoa thơm ngát, thấy không có nơi nào khác để tỏ lòng ngưỡng mộ sùng kính, bèn đặt hoa bên cổng vào Hương phòng (1) của Đức Phật rồi ra đi. Việc này đã gây được niềm hoan hỷ rất lớn. Song trưởng giả Cấp Cô Độc nghe được chuyện ấy; khi Đức Như Lai trở về, trưởng giả bèn đến thăm Tôn giả Ananda và nói với ngài: "Thưa Tôn giả, tinh xá này không được cúng dường trong lúc Đức Như Lai đi du hóa, và không có nơi nào cho dân chúng dâng hoa thơm để tỏ lòng sùng bái. Xin Tôn giả từ bi thưa với Đức Như Lai về vấn đề này để Ngài cho biết xem có thể tìm được nơi nào dùng vào mục đích này chăng?".

Vị Tôn giả kia sẵn sàng làm theo, liền thưa Đức Phật: "Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu loại Bảo tháp?".

- Nay Ànanda, có ba loại.

- Bạch Thế Tôn, đó là các loại nào?

- Bảo tháp thờ kim thân, Bảo tháp thờ các vật thường dùng hay mang trên người và Bảo tháp thờ các kỳ vật khác (2).

- Trong lúc Thế Tôn còn tại thế, có thể xây một Bảo tháp được chăng?

- Không được, nay Ànanda, không thể xây một Bảo tháp thờ kim thân, loại tháp đó chỉ được xây khi nào một Đức Phật nhập diệt. Một Bảo tháp thờ kỳ vật cũng không đúng đâu vì mỗi liên hệ chỉ hoàn toàn tùy thuộc vào tâm tưởng mà thôi. Còn cây Đại Bồ đề đã được chư Phật sử dụng, nên rất đáng làm nơi chiêm bái, dù chư Phật còn tại thế, hay diệt độ.

- Bạch Thế Tôn, trong thời gian Thế Tôn đi du hóa xa xôi, ngôi đại Tinh xá Kỳ Viên này không có nơi nương tựa, và dân chúng không

có nơi nào để có thể tỏ bày lòng quy ngưỡng. Xin Thế Tôn cho phép con trồng một hạt giống từ cây Đại Bồ đề (ở Bồ đề Đạo tràng) ngay trước cổng Tinh xá này được chăng?

- Dĩ nhiên nên làm như vậy lắm, này Ananda, và nó cũng sẽ là một nơi an trú cho Ta như trước kia.

Vị Tôn giả này nói lại chuyện ấy với Trưởng giả Cấp Cô Độc (3) và bà Visakkà (4) cùng vua Kosala. Sau đó tại cổng tinh xá Kỳ Viên, Tôn giả đào một lỗ để trồng cây Bồ đề và nói với vị Đại trưởng lão Moggallàna (Mục Kiền Liên):

- Tiểu đệ muốn trồng một cây Bồ đề trước tinh xá Kỳ Viên, xin tôn huynh kiếm cho tiểu đệ một quả Bồ đề có được chăng?

Trưởng lão kia rất sẵn sàng đồng ý, liền bay qua không gian đến tận vùng đất cây Bồ đề ấy. Ngài lấy đặt dưới tâm y một quả Bồ đề đang rụng ra khỏi thân cây nhưng không rớt xuống đất, và mang nó về giao cho Tôn giả Ananda. Tôn giả này báo tin cho vua Kosal biết là mình sắp trồng cây Bồ đề. Vì thế buổi chiều vua đến

cùng một đám tùy tùng đông đảo, sau đó, ông Cấp Cô Độc và bà Visàkà cũng đến cùng một đám người mộ đạo nữa.

Ở chỗ cây Bồ đề sắp được trồng, Tôn giả Ananda đặt một chiếc bình vàng, dưới đáy có lỗ, đựng đầy đất tẩm nước hương thơm ngát. Tôn giả bảo:

- Tâu Đại vương, xin hãy trồng hạt giống Bồ đề này.

Rồi trao hạt ấy cho vua. Song vua nghĩ rằng vương quốc này không ở trong tay mình mãi được nên để cho ông Cấp Cô Độc trồng, liền giao hạt giống cho vị Trưởng giả đại phú kia. Sau đó ông Cấp Cô Độc xới đất thơm lên và thả hạt giống vào. Vừa lúc hạt rơi ra khỏi tay ông, ngay trước mắt mọi người, vọt lên một cây Bồ đề con, to cỡ bằng đầu lưỡi cày, cao chừng năm mươi cubit (1 cubit = 0,45m) tứ phía nảy ra năm cành lớn dài 50 cubit, như thân cây ấy. Cây đứng sừng sững như thế, quả là một chúa tể rừng xanh, một phép lạ hy hữu thần kỳ! Vua tưới quanh thân cây những bình

bằng vàng, bằng bạc, tất cả tám trăm bình đựng đầy nước tỏa hương thơm ngát, tươi đẹp với vô số hoa sen xanh. Bao giờ cũng vậy, vua ra lệnh đặt một dãy dài bình bát đựng đầy thực phẩm và một sàng tọa làm bằng bảy báu vật, có lớp nhũ vàng rải lên, rồi dựng một bức tường bao quanh vùng ấy, lại xây một nhà canh cổng làm bằng bảy báu vật. Vua bày tỏ lòng sùng kính đặc biệt trọng thể như vậy đối với cây Bồ đề.

Trưởng lão Ànanda đến gần Đức Như Lai và thưa với Ngài:

- Bạch Đức Thế Tôn, vì lợi lạc của chúng sinh, xin Thế Tôn thị hiện ngay dưới cây Bồ đề con vừa mới trồng này sự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác mà Thế Tôn đã thành tựu dưới gốc cây Bồ đề trước kia.

- Nay Ànanda, ông nói gì thế? Không có nơi nào khác có thể chịu đựng nổi sức mạnh của Ta nếu Ta ngồi nơi đó để chứng đắc quả vị mà Ta đã chứng đắc trong khu vực có cây Đại Bồ đề trước kia cả đâu.

Tôn giả Ànanda lại nói:

- Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì lợi lạc của chúng sinh mà dùng cây Bồ đề này làm nơi nhập đại định, bao lâu mặt đất chốn này đủ sức chịu đựng sức mạnh của Thế Tôn.

Bậc Đạo Sư liền sử dụng nơi mới trồng cây Bồ đề ấy để nhập đại định suốt một đêm.

Tôn giả Ànanda liền báo tin với vua và mọi người khác, rồi gọi nó bằng tên "Hội Bồ đề" và cây này do Tôn giả Ànanda trồng nên được đặt tên là Cây Bồ đề của Ànanda.

Vào thời ấy, Tăng chúng bắt đầu nói đến việc trên tại Chánh Pháp đường:

- Nay hiền hữu, ngay Đức Như Lai còn tại thế, Tôn giả Ànanda đã xin trồng một cây Bồ đề và cử hành đại lễ cúng dường. Uy lực của Tôn giả ấy thật cao cả thay!

Bậc Đạo sư đi vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận điều gì. Các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

- Nay các Tỷ kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ànanda hướng dẫn hội chúng loài người trên khắp bốn châu thế giới cùng các đám tùy

tùng đông đảo mang đến vô số vòng hoa thơm và mở hội Bồ đề trong vùng đạo tràng quanh cây Bồ đề kia đây.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

-ooOoo-

Một thuở nọ, trong vương quốc Kàlinga tại kinh thành Dantapura, có một vị vua mệnh danh là Kàlinga cai trị. Vua có hai vương tử tên là Mahà-Kàlinga và Culla-Kàlinga. Thời ấy các nhà tiên tri đã đoán rằng vị thái tử sẽ cai trị sau khi vua cha băng hà, còn vị hoàng đệ sẽ trở thành nhà tu khổ hạnh, sống đời khát sĩ, tuy thế con trai vị sau này lại sẽ làm một đấng Chuyển luân Thánh vương (5).

Thời gian trôi qua khi vua cha băng hà, thái tử lên ngôi báu, còn hoàng đệ làm Phó vương. Vị hoàng đệ cứ nghĩ rằng con trai mình sau này sẽ là một bậc Chuyển luân Thánh vương, nên sinh lòng kiêu mạn về cố đó. Vua không chịu được chuyện này, liền ra lệnh cho một vị sứ thần truy bắt Phó vương Kalinga. Vị sứ giả kia đi đến bảo:

- Tâu Điện hạ, Đại vương muốn sai bắt ngài, vậy ngài hãy lo cứu mạng mình.

Vương tử liền chỉ cho vị sứ thần được giao trọng trách này thấy chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng của mình, một tấm thảm thật đẹp và một cây kiếm: Có ba bảo vật tất cả. Rồi vương đệ bảo:

- Khanh phải nhận ra được vương nhi ta nhờ những tín vật này và phò vương nhi lên ngôi báu.

Cùng với những lời dặn dò trên, vương tử ấy vội trốn vào rừng. Tại đó chàng dựng một am thất ở một nơi đẹp, vừa ý và sống như người tu khổ hạnh trên một bờ sông.

Lúc bấy giờ trong vương quốc Madda ở kinh thành Sagala, vua Madda vừa hạ sinh một công chúa. Về phần công chúa này, cũng như vương tử kia, các nhà tiên tri đoán rằng nàng sẽ phải làm nhà tu khổ hạnh, song con trai nàng lại sẽ thành một Chuyển luân Thánh vương. Các vị vua ở cõi Diêm phù đề (tức Ấn Độ) (6) nghe tin đồn ấy liền đồng một lúc đến bao vây kinh

thành.

Vua nghĩ thầm: "Nay ta gả con gái ta cho một quốc vương nào thì các vị vua kia sẽ nổi giận. Vậy ta phải cố gắng cứu mạng con gái ta". Vì thế vua cùng hoàng hậu và công chúa cải trang trốn vào rừng, và sau khi dựng một am thất hơi xa bờ sông, phía trên thảo am của vương tử Kàlinga, cùng sống tại đó như người tu khổ hạnh, ăn toàn những thứ cây trái lượm hái được.

Hai vị cha mẹ muốn con gái được an ổn, nên để nàng ở lại trong am, rồi đi ra hái trái rừng. Trong lúc hai vị đi vắng, nàng lượm hoa đủ các loại kết thành vòng hoa. Bấy giờ trên bờ sông Hằng có một cây xoài nở hoa đẹp, tạo thành một cái thang thiên nhiên. Nàng trèo lên đó, đùa chơi và tìm cách thả vòng hoa xuống nước.

Một ngày kia, vương tử Kàlinga vừa bước ra khỏi nước sau khi tắm thì vòng hoa nọ vướng lên tóc chàng.

Chàng nhìn hoa và tự bảo: "Một nữ nhân nào đã kết hoa này, song đó không phải là một

người đàn bà trưởng thành mà là một cô gái còn thơ dại. Ta phải đi kiếm nàng mới được". Thế là chàng đâm ra si tình, đi lên phía thượng lưu sông Hằng, cho đến khi chàng nghe nàng ca hát bằng một giọng ngọt ngào trong lúc ngồi trên cây xoài. Chàng đến gần gốc cây, vừa thấy nàng, liền bảo:

- Này giai nhân, nàng là loài gì thế?
- Thừa công tử, thiếp là người, nàng đáp.
- Thế thì hãy xuống đi, chàng bảo.
- Thừa công tử không được, vì thiếp thuộc dòng dõi Sát đế ly.
- Thừa cô nương, ta cũng vậy, xin nàng bước xuống.
- Thừa công tử, không được, thiếp không xuống đâu. Lời nói không làm nên một vị Sát đế ly; nếu quả thật ngài là một vị Sát đế ly hãy kể cho thiếp nghe những bí mật của nghi lễ truyền thống kia.

Sau đó hai người nói cho nhau nghe những chuyện truyền kỳ trong giòng họ. Rồi công

chúa bước xuống và hai bên kết giao với nhau.

Khi cha mẹ nàng trở về, nàng kể cho hai vị nghe chuyện vương tử của vua Kalinga, vì sao chàng đã phải vào rừng với đầy đủ mọi chi tiết.

Hai vị bằng lòng đem gả nàng cho chàng.

Trong thời gian sống chung sắt cầm hòa hợp, công chúa thụ thai và sau mười tháng, nàng hạ sinh một nam tử đầy đủ tướng mạo tốt lành, phúc đức và đặt tên là Kalinga. Cậu trai lớn lên, học tập đủ mọi nghệ thuật tài năng từ thân sinh và ngoại tổ chàng.

Về sau người cha chàng nhìn theo cách kết hợp của các ngôi sao mà biết được vương huynh đã băng hà. Vì thế ông gọi con trai vào và bảo:

- Nay con, con không nên phí cuộc đời trong rừng già buồn tẻ, vì vương huynh ta, Đại vương Kalinga ấy đã qua đời. Vậy con phải về Dantapura và kế vị vương quyền của giòng họ ta.

Sau đó, người cha trao cho con các vật mang theo mình: chiếc nhẫn có tín hiệu, tấm thảm và thanh kiếm rồi bảo:

- Này con, trong kinh thành Dantapura ở phía kia có một vị thần vốn là bề tôi thân tín của cha. Con hãy đến nhà vị ấy, đi thẳng vào phòng riêng, đưa cho ông thấy ba vật này rồi nói cho ông biết con là con của ta. Ông sẽ đưa con lên ngai vàng.

Chàng trai già từ cha mẹ và ông bà. Rồi nhờ thần lực công đức của chàng, chàng bay qua không gian, xuống nhà vị đại thần nọ, đi thẳng vào phòng riêng của ông.

- Công tử là ai?, vị quan hỏi.

Chàng đáp:

- Ta là con trai của Tiểu vương Kalinga.

Rồi rút ba tín vật ấy ra. Vị quan liền báo tin cho cả hoàng cung, các triều thần liền trang hoàng kinh thành và giương chiếc lọng hoàng gia lên đầu chàng. Sau đó vị Tế sư của triều đình tên là Kàlinga - Bhàadvàja dạy chàng Mười pháp mà một vị Chuyển luân Thánh vương phải thành tựu và chàng học tất cả mười pháp ấy. Thế rồi vào một ngày rằm tức ngày Trai giới, từ Cakkadaha xuất hiện cho nhà vua

Bánh xe báu, từ giòng Uposatha xuất hiện Voi báu, từ giống quý tộc Valàha xuất hiện Ngựa báu, từ Veppulla xuất hiện Bảo châu, kể là Nữ vương báu cùng đám cung phi thị nữ và Vương tử báu dần dần xuất hiện.

Sau đó nhà vua thống trị toàn cõi địa cầu.

* * *

Một ngày kia ngài được đám tùy tùng hộ tống suốt ba mươi sáu dặm đường, ngự trên bảo tượng toàn trắng, cao như đỉnh núi Kelasa. Trong cảnh uy nghi lộng lẫy, ngài trở về thăm song thân ở chốn cũ. Nhưng khi muốn vượt qua vùng đất quanh cây Đại Bồ đề, bảo tọa vinh quang của chư Phật, nơi đã trở thành trung tâm điểm của vũ trụ, thì voi báu không thể nào qua được: vua cứ thúc voi mãi, song voi vẫn không thể nào vượt qua.

Để giải thích việc này, bậc Đạo Sư ngâm vần kệ đầu:

1. Kha Linh Thánh đế

Chuyển luân vương,

Chân chánh, ngài cai trị cõi trần,

*Một thuở đến Bồ đề đại thọ,
Trên mình voi báu đại oai thần.*

Do đó, vị Tế sư của triều đình cùng du hành với đức vua thâm nghĩ: "Trên không gian chẳng có gì cản trở cả, tại sao đức vua không giục voi qua được? Ta muốn đến xem sao". Từ trên không hạ xuống, vị này chiêm ngưỡng bảo tọa vinh quang của chư Phật, và khu quanh cây Đại Bồ đề.

Thời ấy tương truyền rằng trong khoảng chừng một dặm vững ấy không bao giờ có một ngọn cỏ mọc, dù chỉ bằng một sợi lông nhỏ, mặt đất như thể cát mịn, bốn bề là thảo mộc, cát trắng và đại thọ chẳng khác nào các chúa tể sơn lâm sừng sững như đang chiêm ngưỡng, đầu quay mặt về hướng Bảo tọa Bồ đề. Khi vị Bà la môn Tế sư quan sát chỗ này, lại suy nghĩ: "Đây là nơi chư Phật đã đoạn tận mọi dục tham của trần thế nên không ai có thể vượt qua được, dù cho đó chính là Đế Thích Thiên chủ đi nữa". Và tiến về phía đức vua, vị Tế sư tâm với ngài các đặc tính của địa phận quanh cây Bồ đề, cùng thỉnh cầu Thánh vương ngự xuống voi.

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo Sư ngâm các vần kệ sau:

2. Vị Tế sư tâu với Thánh vương,
Là con nhà khổ hạnh hiền hơn,
Khi ngài chuyển vận xa luân báu,
Đánh lễ ngài xong, hướng dẫn đường:

3. Đây chốn thi nhân vẫn tán dương,
Xin ngài ngự xuống, tâu Hùng vương,
Nơi đây chư Phật Đà vô thượng
Chánh giác viên thành tỏa ánh quang.

4. Tương truyền rằng ở cõi phàm trần
Đây chính là linh địa thánh thần,
Thảo mộc, cát đặng, cùng đại thọ,
Đứng quanh trong dáng điệu tôn sùng.

5. Xuống đây, xin đánh lễ trang nghiêm,
Vì đến miền xa tận hải biên,
Trên đại địa cầu nuôi vạn vật,
Nơi này là đất thánh thiêng liêng.

6. Đại vương đây đủ các loài voi
Thuần chủng nhờ cha mẹ tốt đời,
Ngự giá đến đây, voi vẫn muốn
Nhưng không thể tiến bước gần nơi.

7. Ngự trên mình bảo tượng thuần nòi,
Thánh ý tùy nghi, cứ thúc voi,
Song chẳng cách nào voi bước được,
Đến đây, voi phải đứng yên thôi.

8. Vua nghe lời nói vị tiên tri,
Vừa phán truyền cho bảo tượng đi,
Vừa thúc gậy sâu vào bảo tượng:
"Nếu vậy, ta sẽ thấy liền khi".

9. Bị thúc, voi kêu thét tựa kèn,
Như cò lạnh lạnh, hạc vang rền
Chuyển rung, liền ngã vì hùng lực
Đè nặng sườn, không thể đứng lên.

Vì cứ bị thúc vua thúc mãi, thúc mãi, con voi không thể nào chịu được cơn đau đớn, nên phải chết ngay. Song đức vua không biết là voi đã chết, cứ điềm nhiên ngự trên lưng voi. Một lát sau, Tế sư Kàlinga - Bhàradvàja nói:

- Muôn tâu Thánh thượng, vương tượng đã chết rồi, xin Thánh thượng ngự qua voi khác.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười để giải thích việc này:

10. Quốc sư lo sợ lúc nhìn voi

Đã chết, lòng kinh động thốt lời:

"Xin tìm voi khác, tâu Hoàng thượng,

Bảo tượng ngài nay bỏ mạng rồi!".

Nhờ công đức và thần lực của vị Thánh vương,

một con voi khác thuộc chủng loại Uposatha

xuất hiện trước đức vua và đưa lưng ra mời.

Đức vua ngự lên lưng nó. Lúc ấy thi thể vương

tượng kia liền ngã xuống đất và biến mất.

Bậc Đạo Sư ngâm vần kệ để giải thích việc

này:

11. Vua hãi kinh nghe tâu việc này,

Ngự lên voi khác, bỗng liền ngay

Thi hài bảo tượng kia nhào xuống.

Lời thật tiên tri đã hiển bày.

Sau đó đức vua ngự xuống từ trên không gian,

và chiêm ngưỡng vùng đất quanh cây Bồ đề.

Trước sự việc thần kỳ kia vừa thị hiện xong,

đức vua tán thán quốc sư Bhàradvāja qua vần

kệ:

12. Thế này, với vị Tể sư mình,

Đại đế Kha Linh bảo: "Thực tình

*Mọi việc khanh am tường thấu suốt,
Hiền khanh thấy trước mọi duyên sinh"*

Song bấy giờ vị Bà la môn kia không muốn nhận lời tán thán trên, mà vẫn giữ vững nguyên vị trí khiêm tốn của mình, vị ấy tán thán công đức chư Phật hết lời:

Bậc Đạo Sư lại ngâm kệ để giải thích vấn đề:

*13. Quốc sư từ chối sự tuyên dương
Và tấu như vậy với Thánh vương:
"Thần chỉ biết điem cùng tướng triệu,
Còn chư Phật giác ngộ hoàn toàn.*

*14. Phật Đà tri kiến đạt toàn chân,
Điêm triệu, các Ngài chẳng chú tâm,
Chư Phật toàn tri nhờ tuệ quán,
Thần là học giả chẳng uyên thâm".*

Vua nghe nói về công đức của chư Phật, nên lòng đầy hoan hỷ, liền ban lệnh cho người trần thế đem thật nhiều vòng hoa thơm đến cúng dường vùng đất quanh linh thọ Bồ đề suốt bảy ngày đêm liền.

Bậc Đạo Sư ngâm đôi vần kệ để giải thích việc

này:

*15. Thánh thọ Bồ đề, chúa cúng dường
Với bao âm nhạc thật du dương,
Các vòng hoa đẹp thơm ngào ngạt,
Ngài lại xây quanh một bức tường.*

*16. Thế rồi Thánh đế ngự ra về,
Mang đến hoa đây sáu vạn xe,
Làm lễ cúng dường, vì Đại đế,
Kha Linh sùng Thánh địa Bồ đề.*

Sau khi đã làm lễ cúng dường trọng thể Đại thọ Bồ đề như trên, đức vua đến thăm song thân, rồi rước hai vị về thành Dantapura sống cùng ngài. Tại đây ngài chuyên bố thí và làm các phận sự khác, cho đến khi mạng chung thì tái sinh vào cõi Trời Ba mươi ba.

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo Sư bảo: "Này các Tỷ kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ânanda làm lễ cúng dường cây Bồ đề, mà ngày xưa cũng vậy.

Rồi ngài nhận diện tiền thân:

Vào thời ấy Ânanda là Thánh đế Kàlinga, và

Ta chính là quốc sư Kàlinga-Bhàradvàja.

Nhận xét:

Bồ Đề đạo tràng là Thánh địa thiêng liêng đã được biết bao áng văn thơ ca tụng từ ngàn xưa đến nay, và chuyện Tiên thân này là một ví dụ.

Sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài thọ hưởng giải thoát lạc và Niết bàn lạc trong nhiều tuần tại vùng đất đã chứng kiến sự giác ngộ của Ngài dưới gốc cây Assatha (một cây thuộc họ sung) và Ngài đã không ngừng chiêm ngưỡng cây cổ thụ vĩ đại để thâm cảm ơn cây cao bóng cả đã che chở Ngài suốt thời gian Ngài chiến đấu quyết liệt để đạt Phật quả.

Theo gương Ngài, các đệ tử Phật cũng tỏ lòng tôn quý cây cổ thụ này và đặt tên nó là cây Bồ đề để tượng trưng nơi Đức Phật đã chứng đắc trí tuệ tối thượng. Hơn nữa, Tăng chúng và giới đệ tử tại gia thời ấy đồng lòng thỉnh cầu Đức Phật cho phép các vị đem một hột giống của cây Bồ đề ấy về trồng ngay tại Kỳ Viên để làm

biểu tượng của sự giác ngộ. Và trong những lúc Ngài đi du hóa xa, các đệ tử ở đó cũng có một nơi tượng trưng đặc biệt để chiêm bái Ngài.

Từ đó, lễ Hội Bồ đề do Tôn giả Ànada đề xướng đã đáp ứng nhu cầu tâm linh của các hàng đệ tử Phật. Nhân dịp Tôn giả Ànanda được hội chúng Tỷ kheo tán thán công đức, Đức Phật kể một chuyện Tiền thân cho biết trong quá khứ chư Phật cũng đã viên thành Chánh giác tại Thánh địa Bồ đề, cho nên nó đã trở thành một địa điểm đặc biệt mà tất cả mọi loài từ cỏ cây cho đến sinh vật đều bày tỏ thái độ tôn sùng.

Trong tiền kiếp xa xưa ấy, Bồ tát tiền thân Đức Phật là một vị Tể sư Bà la môn cũng đã khuyên vị Chuyển luân Thánh vương, tiền thân của Tôn giả Ànanda, đến chiêm bái Thánh địa này, vì không một loài nào có thể vượt qua vùng đất này mà không tỏ lòng tôn kính.

Vị Chuyển luân vương muốn thử xem sự thật ra sao, nên cứ tiếp tục thúc voi thần tiến lên,

nhưng con voi đã ngã nhào và chết tại chỗ.

Trước sự kiện thần kỳ ấy, vị Thánh vương đã hết lời khen ngợi vị quốc sư thông thái của mình và ra lệnh thần dân cử hành đại lễ cúng dường Thánh địa Bồ đề.

Bồ Đề Đạo tràng ngày nay là nơi quy tụ chùa đền của các Phật tử khắp thế giới tỏ lòng tôn sùng nơi đã chứng kiến sự giác ngộ vô thượng của Đức Phật đem lại ánh sáng từ bi và trí tuệ cho toàn thể nhân loại.

Nhân dịp lễ Phật thành Đạo và cũng là dịp đầu Xuân, tôi xin gửi đến các vị đạo hữu gần xa câu chuyện Tiên thân đầy hương đạo cao quý này để kỷ niệm một trong bốn Thánh tích quan trọng mà Đức Phật đã để lại dấu chân trong thời Ngài tại thế mà ngày nay tất cả Phật tử bốn phương đều tỏ lòng tôn sùng: Lumbini (Lâm Tỳ Ni) nơi Đức Phật đản sinh; Bồ Đề đạo tràng, nơi Ngài thành đạo Giác ngộ; Lộc Uyển, nơi Ngài sơ chuyển Pháp luân và Kusinara (Câu Thi Na) nơi Ngài diệt độ trong Niết bàn tối hậu.

Ngoài ra, các học giả phương Tây còn nhận thấy sự tương tự trong các chi tiết của việc công chúa Madda thả vòng hoa xuống dòng suối đưa đến mỗi kỳ duyên giữa nàng và vương tử Kalinga, cũng như các chi tiết về các tín hiệu vương quyền để nhận ra vương tước sau này trong các chuyện cổ tích châu Âu. Như vậy, một lần nữa, chúng ta lại thấy rõ ảnh hưởng của các chuyện tiền thân Đức Phật này lan rộng đến nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới./.

Ghi chú:

- (1) Phòng của Đức Phật trong Tinh xá Kỳ Viên
- (2) Các tranh tượng Phật
- (3) và (4) Đây là hai vị nam và nữ cư sĩ đệ nhất của Đức Phật
- (5) Thuật chiêm tinh ngày xưa đoán biết vận mệnh con người theo cách luân chuyển các vì sao. Một vị Chuyển luân Thánh vương (Ràja Cakkavatti) là một vị Thánh vương thống trị toàn cõi địa cầu bằng Chánh pháp chứ không dùng đao trượng hình phạt.

Sự xuất hiện của vị Chuyển luân Thánh vương được miêu tả chi tiết trong kinh *Trường Bộ* số 17: *Kinh Đại Thiện Kiến Vương*.

(6) Jambudīpa (Diêm phù đề): xứ Hồng Đào: tên của nước Ấn Độ thời cổ đại, vì xứ này trồng nhiều cây Hồng đào nên lấy cây ấy làm biểu tượng của nước (Anh dịch: The country of Rose Apples)./.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 70-71, 01-02/2002)

8. Chuyện Đại Anh Vũ (429. Tiền thân Mahāsuka)

"Bất cứ khi nào cây trái sinh"

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ kheo.

Chuyện kể rằng vị ấy sống trong rừng gần một làng biên địa ở Kosala và nhận được lời giáo huấn từ bậc Đạo Sư theo các đề tài Thiên quán. Dân chúng làm cho vị ấy một an thất trong một nơi họ thường lui tới, cung cấp nơi

cur trú cả ngày lẫn đêm và phụng sự vị ấy rất tận tâm chu đáo. Ngay tháng đầu tiên vị ấy an cư mùa mưa, làng ấy bị đốt sạch và dân chúng không còn một hạt thóc nên không thể cúng dường thực phẩm thơm ngon vào bình bát vị ấy, cho nên mặc dù vị ấy ở trong một nơi thoải mái, vị ấy lại buồn khổ vì thiếu thực phẩm đến độ không thể nhập vào Thánh Đạo hay Thánh Quả được.

Vì vậy khi hết ba tháng mưa, vị ấy đến yết kiến bậc Đạo Sư, sau những lời ân cần chào hỏi, bậc Đạo Sư bày tỏ hy vọng lạ mặc dù khó khăn về thực phẩm cúng dường, vị ấy cũng có được một nơi an trú dễ chịu. Vị Tỷ kheo trình Ngài về tình hình đã diễn tiến ra sao. Khi nghe vị ấy có được một trú xứ an lạc, bậc Đạo Sư bảo:

- Nay Tỷ kheo, nếu sự tình là như vậy, một vị tu khổ hạnh nên dẹp bỏ các thói tham đắm, và tri túc với những thức ăn gì mình nhận được để hoàn thành phận sự của người xuất gia. Các bậc trí ngày xưa khi được sinh vào loài súc vật, dù chỉ sống bằng bụi bặm trong cây hư mục mà mình cư trú, cũng đã bỏ mọi tham dục,

tự biết sống đủ để ở lại nơi kia và hoàn thành đạo lý về ân tình. Thế thì tại sao ông lại bỏ một nơi cư trú đầy an lạc chỉ vì thức ăn nhận được quá ít ỏi thô sơ? Và theo lời thỉnh cầu của vị này, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

* * *

Ngày xưa có vô số chim anh vũ (két) sống ở vùng Tuyết Sơn trên bờ sông Hằng trong một rừng sung. Vua anh vũ ấy gặp lúc trái trên cây mình cư trú đã hết mùa, phải ăn bất cứ cái gì còn sót lại, dù là mầm, lá, vỏ cây hoặc giác cây và uống nước sông Hằng, vẫn thấy an lạc và tri túc nơi mình sống.

Do tâm trạng an lạc tri túc này, chiếc gai của Sakka Thiên chủ rung động. Sakka tìm hiểu nguyên nhân và thấy anh vũ này, rồi muốn thử thách công hạnh của chim, ngài dùng thần lực làm cho cây héo tàn, trở thành một khúc thân cây mục đầy lỗ hổng đứng trơ vơ bị mưa gió vùi dập, và bụi bặm bay ra từ các lỗ ấy!

Anh vũ chúa vẫn ăn bụi cây và uống nước sông Hằng, không đi đâu khác và vẫn đậu trên ngọn

cây, chẳng quan tâm gì đến nắng gió.

Sakka Thiên chủ nhận thấy anh vũ sống rất tri túc, liền tự bảo: "Sau khi nghe chim nói về đức tính của tình bằng hữu, ta sẽ đến ban cho chim một đặc ân và làm phép để cây sung sinh trái bất tử".

Vì thế Ngài giả dạng một thiên nga cùng với hoàng hậu của ngài là Suja (1) đi trước, biến hình thành một nữ thần Asura (A tu la). Ngài đến rừng sung kia, đậu trên một khóm cây gần đó và ngâm vần kệ bắt đầu đàm thoại với anh vũ:

*1. Bất cứ khi nào cây trái sinh,
Bầy chim đói lại đến đầy cành,
Song khi cây đã thành khô héo,
Lập tức bầy chim bỏ chạy nhanh.*

Sau lời này, ngài lại ngâm vần kệ thúc giục chim đi chỗ khác:

*2. Này ông Mỏ đỏ, hãy đi mau
Ông vẫn ngồi mơ mộng, có sao?
Hãy nói ta nghe, xuân diệu hời,
Sao ông bám khúc gỗ khô nào?*

Chim anh vũ đáp:

- Nay thiên nga, do ân nghĩa, ta không rời bỏ cây này.

Rồi chim ngâm hai vần kệ:

*3. Những ai thân thiết tự ngày xuân,
Biết rõ mọi điều thiện, chánh chân,
Dầu sống, chết hay khi khổ lạc,
Đều không hề bỏ mặc thân bằng.*

*4. Ta muốn ân cần, giữ thiện tâm
Với cây kết bạn đã lâu năm,
Ta mong sống, dầu lòng không nở
Rời bỏ cây khô đã chết dần.*

Sakka nghe chim nói, rất hoan hỷ, vừa ca ngợi chim vừa muốn ban chim một điều ước, liền ngâm hai vần kệ:

*5-6. Ta biết chim giao hữu thật tình,
Trí nhân chắc chắn phải hoan nghênh,
Ta ban chim thứ gì mong muốn,
Anh vũ, ước cho thỏa ý mình.*

Nghe vậy, anh vũ vương ngâm vần kệ thứ bảy nói lên điều ước:

7. Thiên nga, nếu bạn muốn ban ân,
Mong ước cho cây sống lại dân,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon tươi mát mọc đầy thân.

Rồi Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tám ban
đặc ân này:

8. Bạn nhìn! Cây quý quả sai đây,
Thích hợp cho chim ở chốn này,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả lành ngon ngọt mát tươi thay!

Cùng với các lời này, Sakka bỏ lột ngỗng, thị
hiện phép thần thông cùng hoàng hậu Sujà, lấy
tay múc nước sông Hằng rảy vào thân cây
sung. Lập tức cây mọc lên cành lá xum xuê,
đầy trái ngọt như mật, tạo thành một cảnh
tượng kỳ diệu như đỉnh núi Ngọc Bích lồ lộ.

Anh vũ thấy vậy, vô cùng hoan hỷ ngâm vần
kệ thứ chín tán thán Thiên chủ Sakka:

9. Ước mong Thiên chủ, mọi Thiên thần,
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng
Khi nhìn cảnh tượng đẹp huy hoàng.

Sau khi ban điều ước cho anh vũ, và làm phép để cây sung mọc trái bất tử, ngài cùng hoàng hậu Sujà trở về cõi của ngài.

* * *

Để minh họa chuyện này, các vần kệ phát xuất từ trí tuệ Tối thắng của Đức Phật được thêm vào đoạn cuối:

*10. Ngay khi anh vũ chừa cầu mong,
Lần nữa cây kia trở trái dân,
Đế Thích cùng bà hoàng biến mất
Về vườn Thiên lạc (2) cõi Thiên thần.*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy, này Tỷ kheo, các bậc trí ngày xưa dù sanh làm súc vật cũng dứt bỏ tham ái. Thế tại sao nay ông đã được thọ giới vào Giáo pháp tối thượng này, lại còn theo các thói tham lam? Hãy về ở lại chỗ ấy.

Và Ngài trao cho vị này một đề tài Thiên quán, rồi nhận diện Tiền thân:

- Vị Tỷ kheo trở về và nhờ Thiên quán đã đắc Thánh quả - "Thời ấy Sakka là Anuruddha (A

Na Luật Đà) và anh vũ chúa chính là Ta".

Nhận xét:

Thiếu đức tri túc là một trong những đức tính căn bản của đời Phạm hạnh mà Đức Phật luôn khuyến giáo các Tỷ kheo thực hạnh trên con đường đưa đến Giác ngộ giải thoát.

Nhân dịp một Tỷ kheo đến hầu thăm Đức Phật và trình bày mọi nỗi khó khăn của mình trong một trú xứ nọ, Đức Phật khuyến vị ấy nên kham nhẫn chịu đựng hoàn cảnh ở một nơi đầy ân tình của những người bạn lành đã hết lòng phục vụ vị ấy trước đây, cho dù về sau họ phải chịu thiếu thốn và gây trở ngại cho việc tu tập của vị ấy vì không có thực phẩm đủ để cúng dường như ý.

Đức Phật xem sự thiếu thốn vật chất là điều phụ, việc quan trọng là vị ấy phải tập tri túc với những gì có được để trọn ân tình với một nơi có nhiều người mộ đạo tín thành đã từng tạo điều kiện tốt cho vị ấy trước đây vừa tu tập bản

thân vừa làm lợi lạc người khác.

Rồi Ngài kể một chuyện Tiên thân chứng minh hạnh thiếu dục của Ngài khi được sinh vào loài chim két. Ngài giữ trọn ân tình với cây sung đã từng nuôi sống cả đàn chim, nay cây bị hư hoại, Ngài vẫn không muốn rời nó, dù chỉ còn đôi chút gỗ mục, trong khi cả bầy chim đã bay đi kiếm ăn nơi khác.

Đức hạnh sáng ngời của chúa chim anh vũ làm rung động chiếc gai của Thiên chủ Sakka và Ngài muốn đi tìm hiểu lý do và khi nghe chim trình bày đức tính cao thượng của sự tri túc và tình bằng hữu, Thiên chủ làm phép thần cho cây sung trở lại tươi tốt như chim mong ước.

Không những chỉ ở chuyện đời xưa, mà khi Đức Phật còn tại thế, Đức Phật vẫn đề xướng hạnh thiếu dục tri túc và Ngài đã có lần biểu lộ đức tính ấy đến cao độ trong thời Ngài an cư ở Veranôja và sự kiện này được ghi lại trong Luật tạng. Thuở ấy Ngài được vị Bà la môn ở Veranôja mời Ngài đến an cư tại trú xứ ấy. Nhưng vì mất mùa, vị ấy không thể cúng

dường thực phẩm tốt lành như dự định. Đức Phật đã kham nhẫn ở lại đó suốt mùa an cư ba tháng và chỉ sống bằng cám xay để trọn ân tình với người bạn tốt gặp cơn hoạn nạn.

Trong kinh *Thừa Tụ Pháp* (Trung Bộ), Đức Phật cũng dạy các vị Tỷ kheo nỗ lực trở thành những kẻ Thừa tụ pháp chứ không thừa tụ tài vật dù phải chịu đựng hoàn cảnh khó khăn. Và trong nhiều kinh khác, Đức Phật cũng khuyên các đệ tử chỉ ở lại những trú xứ nào thuận lợi cho việc tu tập bản thân dù phải thiếu thốn vật chất, và phải xa lánh ngay những trú xứ dồi dào phương tiện vật chất nhưng không thuận lợi cho việc tu hành thoát tục. Và đây chính là lời khuyên giáo đầy ích lợi thực tiễn cho các đệ tử Phật muốn tu tập Thánh đạo của Ngài trong mọi thời đại.

Ghi chú:

(1) Sujà: con gái của vua các thần Asura, được Thiên chủ Sakka giả dạng một Bà la môn cướp về cõi trời và phong làm chánh hậu, vì thế Sakka còn có biệt hiệu Sujampati: phu nhân

của Sujà.

(2) Nandana: vườn Thiên lạc ở cõi trời Ba mươi ba của Sakka./.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 73, 04-2002)

9. Chuyện Voi hiếu dưỡng mẹ (455. Tiền thân Mài-Posaka)

"Cho dù voi chúa phải đi xa"

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Ty kheo còn mẹ phải cấp dưỡng.

Hoàn cảnh của chuyện này cũng giống như chuyện Sàma (số 540 tập VI). Trong dịp này, bậc Đạo Sư nói chuyện với chúng Tăng. Ngài bảo:

- Nay các Ty kheo, chớ giận Ty kheo này. Ngày xưa, bậc hiền nhân, ngay cả lúc sinh ra từ bụng của loài vật, và cách xa mẹ mình, cũng không chịu ăn uống gì trong bảy ngày, cứ gầy héo mỗi mòn. Dù được cung cấp đồ ăn vương giả, vị ấy cũng chỉ đáp: "Không có mẹ ta thì ta không muốn ăn". Tuy thế, lúc gặp lại mẹ, vị ấy

mới chịu ăn như trước.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

* * *

Một thuở nọ, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba La Nại, Bồ tát được sinh làm Đại tượng vương ở vùng Tuyết Sơn. Toàn thân voi màu trắng rất hùng vĩ, là chúa đàn gồm tám mươi ngàn con voi vây quanh ngài, song mẹ ngài bị mù. Ngài thường đưa cho bầy voi những quả rừng thật ngon để đem về dâng mẹ, tuy thế chúng chẳng đem gì về dâng voi mẹ, mà chúng ăn hết. Khi ngài hỏi thăm và biết được việc ấy, ngài bảo:

- Ta muốn rời đàn để nuôi mẹ ta.

Thế là một đêm thuận lợi, bầy voi không hay biết, ngài đưa mẹ đi đến đỉnh núi Candorana (Chiên Đồ Gia), tại đó ngài để mẹ ở trong một hang dưới đồi, gần một hồ nước và nuôi nấng mẹ rất chu đáo.

Bấy giờ, một người thợ rừng ở Ba La Nại đi lạc đường và không thể nào tìm lối ra được nên bắt đầu than khóc âm ỉ. Nghe tiếng này, Bồ tát

thâm nghĩ: "Đó là một người đang cơn hoạn nạn, khi ta đang ở đây mà gã gặp tai họa thật chẳng phải lẽ". Vì vậy ngài đến gần gã, song gã bỏ chạy vì quá sợ hãi; thấy thế, chúa voi bảo gã:

- Này người kia, anh không cần phải sợ ta, đừng chạy trốn, hãy nói tại sao anh vừa đi vừa khóc thế?

- Tâu chúa tể, kẻ hèn này bị lạc đường đã bảy ngày qua.

Chúa voi đáp:

- Anh đừng sợ nữa, và ta sẽ đưa anh ra đường đi của dân chúng.

Sau đó ngài bảo người ấy leo lên ngòi trên lưng ngài và đưa gã ra khỏi rừng, xong ngài quay về.

Còn con người độc ác kia quyết vào thành phố báo tin cho vua biết. Vì thế gã đánh dấu các cây cối, các ngọn đồi, rồi tiến về Ba La Nại. Lúc ấy vương tượng của hoàng đế vừa từ trần. Ngài cho truyền lệnh bằng một hồi trống.

- Nếu kẻ nào thấy ở đâu có con voi xúng đứng để hoàng thượng ngự du thì hãy báo ngay.

Sau đó gã kia đến triều kiến vua và tâu:

- Tâu Chúa thượng, tiểu thần đã thấy một con voi tuyệt mỹ, toàn thân màu trắng, một vật tối trắng xúng đáng để Chúa thượng ngự lên. Tiểu thần xin chỉ đường. Song xin đưa các người quản tượng đi theo để bắt voi.

Vua chấp thuận, bảo một người thợ rừng cùng đi với gã ấy và một đoàn tùy tùng lên đường.

Người thợ cùng đi với gã và trông thấy Bò tát đang ăn uống trong một hồ nước. Khi Bò tát thấy gã thợ rừng, ngài nghĩ: "Hiểm họa này chắc chắn không phát xuất từ ai khác, ngoài kẻ kia. Song ta rất mạnh, ta có thể đánh tan tành cả ngàn voi trong lúc thịnh nộ, ta lại đủ sức tiêu diệt cả đàn voi ra trận của một vương quốc. Tuy nhiên, nếu ta bị lòng phần nộ chi phối thì công đức của ta sẽ bị tổn hại. Vì vậy hôm nay ta sẽ không nổi giận, cho dù có bị gươm giáo đâm vào da thịt". Với quyết định này, ngài cúi đầu đứng bất động.

Người thợ rừng bước xuống hồ sen, khi thấy vẻ tuyệt mỹ của cái chóp ngà voi, gã bảo:

- Này con hãy đến đây.

Rồi nắm lấy cái vòi giống như sợi dây thừng bằng bạc, gã dẫn voi về thành Ba Na Nại trong vòng bảy ngày.

Khi mẹ Bò tát thấy con mình không trở về, bà đoán chắc hẳn ngài bị quan quân nhà vua bắt rồi, bà than khóc:

- Giờ đây cây cối vẫn mọc, song con ta đã đi xa rồi.

Và bà đã ngâm hai vần kệ sau:

*1. Dù cho voi chúa phải đi xa,
Dược thảo nhũ hương vẫn mọc ra,
Lúa cỏ, trúc đào, cùng súng trắng,
Kèn xanh chỗ khuất vẫn đơm hoa.*

*2. Tượng vương hẳn đến tận phương nao
Sung túc nhờ bao kẻ tước cao,
Trang điểm ngọc vàng vua chúa cõi,
Oai hùng thắng địch thủ mang bào.*

Bây giờ người luyện voi kia, đang lúc còn

đang đi đường đã gửi về triều một tờ sớ dâng vua. Nhà vua liền ra lệnh cả kinh thành trang hoàng thật long lẫy. Người luyện voi dẫn Bồ tát vào một cái chuồng được tô điểm bằng các dây tua, tràng hoa và vây quanh mỗi bức màn đủ màu rực rỡ, xong đến trình nhà vua. Vua mang các món cao lương mỹ vị ra bảo đưa cho Bồ tát, nhưng ngài không ăn chút gì cả: "Nếu không có mẹ ta, ta không muốn ăn gì đâu".

Vua van nài ngài ăn và ngâm vần kệ thứ ba:

*3. Nào ăn đi một miếng, voi này,
Đừng có buồn chi, chớ héo gầy,
Để phụng sự vua, còn lắm việc
Mà voi sẽ đảm trách sau này.*

Nghe vậy Bồ tát ngâm vần kệ thứ tư:

*4. Không, trên đỉnh núi Chiên Đồ Gia
Khốn khổ bà kia, mắt lại lòà,
Dậm một chân vào góc cổ thụ
Vì không voi chúa, ấy con bà.*

Vua ngâm vần kệ thứ năm để hỏi ý nghĩa lời ngài:

5. *Ai ở trên đồi Chiên Đô Gia
Nào ai khốn khổ, lại mù lòa?
Dậm chân vào một gốc cây nọ,
Vì chẳng chúa voi, con của bà?*

Voi đáp lời qua vắn kệ thứ sáu:

6. *Mẹ ta trên núi Chiên Đô Gia
Khốn khổ, mù lòa thật xót xa,
Dậm một chân vào gốc cổ thụ,
Bởi vì voi chúa ấy là ta.*

Khi nghe nói vậy, vua liền cho ngài được tự do, và ngâm vắn kệ thứ bảy:

7. *Voi hùng phụng dưỡng mẫu thân mình,
Nên thả tự do, cứ mặc tình,
Thôi để voi đi về với mẹ
Và cùng sum họp với gia đình.*

Vắn kệ thứ tám và thứ chín là xuất phát từ Trí tuệ Tối thắng của Đức Phật:

8. *Khỏi cảnh giam cầm được thoát thân,
Hết dây ràng buộc, chúa voi rùng,
Vài lời khuyên nhủ cùng vua ấy (*),
Voi trở về nơi chốn núi ngàn.*

9. Rồi xuống hồ kia mát lạnh trong,
Nơi này voi vẫn tới bao lần,
Dùng vòi hút nước từ hồ ấy
Tung vẩy khắp mình của mẫu thân.

Song mẹ của Bồ tát tưởng là trời bắt đầu mưa,
nên ngâm vần kệ thứ mười để trách con mưa:

10. Ai đó đem mưa thật trái thời
Thần nào độc ác quá, trời ơi!
Vì nay con trẻ đã đi vắng,
Con trẻ xưa thường phụng dưỡng tôi.

Lúc ấy Bồ tát ngâm vần kệ thứ mười một để
trấn an mẹ:

11. Sao mãi nằm kia vậy, mẹ ơi!
Này đây con mẹ đã về rồi,
Ca Thi Đại đế, ngài Thông Tuệ
Cho trẻ bình an được tái hồi.

Bà mẹ liền đáp lời, cảm tạ vua qua vần kệ cuối
cùng:

12. Vạn tuế trường tồn, đáng Đại vương!
Cầu ngài đem lại nước hùng cường,
Tự do ngài trả cho con đó,

Với mẹ, con tròn vẹn kính thương!

Vua rất hoan hỷ vì đức độ của Bồ tát nên ra lệnh xây một thị trấn không xa hồ ấy và nhà vua thường đến phụng sự Bồ tát cùng mẹ ngài. Sau đó, khi mẹ ngài từ trần, ngài đi thật xa đến một tỉnh xá tên là Karandaka. Tại đây có năm trăm bậc trí giả an trú và vua thường đến cúng dường các vị ấy. Vua lại truyền tạc một tượng bằng đá có hình Bồ tát và thường đến chiêm bái để tỏ lòng ngưỡng mộ ngài. Dần dần dân chúng khắp cõi Diêm phù đề (Ấn Độ) tụ tập lại đó cùng nhau cử hành ngày hội gọi là Hội Voi.

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các Sự thật và nhận diện Tiên thân. (Bấy giờ lúc kết thúc các Sự thật, vị Tỷ kheo phụng dưỡng mẹ đã an trú vào Sơ quả (Dự lưu):

- Vào thời ấy Ananda là nhà vua, mẫu hậu là Mahà Màyà là mẹ voi và chính Ta là chúa voi đã nuôi dưỡng mẹ mình.

Nhận xét:

Hiếu hạnh là một trong những đức tính được Đức Phật đề cao ngay trong đời hiện tại cũng như trong các Tiền thân của Ngài.

Mỗi khi nghe nói có một Tỷ kheo nào phải cấp dưỡng cha mẹ già dù đã xuất gia theo đạo giải thoát, Ngài đều tán thán vị ấy và kể một chuyện Tiền thân để chứng minh lòng hiếu thảo là một trong những đức tính mà Bồ tát, tiền thân của Ngài đã thể hiện của nhiều hình thức tái sinh: chim muông, thú vật, hay loài người: Bồ tát đã từng làm chim anh vũ hiếu thảo trong *Tiền thân Cánh đồng lúa* (số 484), là nai hiếu thảo trong *Tiền thân Lộc vương hoan hỷ* (số 385), là con trai hiếu thảo trong *Tiền thân Sàma* (số 540), và voi hiếu thảo trong Tiền thân này.

Qua các Tiền thân trên, Bồ tát đã thể hiện lòng hiếu thảo cao độ ngay khi bị bắt vào thòng lọng hay khi sắp bị bắn hoặc đã bị trọng thương, ngài không hề nghĩ đến nỗi đau khổ của chính bản thân, mà chỉ nghĩ đến nỗi đau

khô của cha mẹ già yếu hoặc mù lòa không thể tự kiếm sống nếu ngài phải chết trước.

Chính lòng hiếu thảo đặc biệt ấy đã cảm hóa được những vị chủ nhân hoặc vị vua bắt ngài, khiến cho lòng họ tràn đầy xuốc động liền thả ngài được tự do, rồi từ đó về sau họ chuyên tâm thực hành Ngũ giới và Thập thiện để được tái sinh cõi trời.

Nhân dịp lễ Vu Lan, tượng trưng ngày Báo hiếu của người con Phật và của truyền thống dân tộc, tôi xin gởi đến các đạo hữu gần xa câu chuyện Tiên thân đầy đạo vị này, là một trong những chuyện cổ tích khích lệ mọi người thực hành một đức tính mà Bồ tát, tiên thân Đức Phật, đã thể hiện qua biết bao đời sống trước khi thành Phật./.

Ghi chú:

(*) Bồ tát khuyên nhủ vua hành trì Ngũ giới và Thập thiện trước khi từ giã.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 77, 08-2002)

10. Chuyện Thái tử Yuvanjana

(460. Tiên thân Yuvànjana)

"Con xin đánh lễ đấng Quân vương..."

Chuyện này Bạc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Đại sự Xuất thế của Ngài. Một ngày kia, các Tỷ kheo tụ họp trong Chánh Pháp đường:

- Nay Hiền hữu - một vị Tỷ kheo bảo vị kia - Đấng Thập Lực trước kia hẳn có thể sống tại gia, có thể làm một vị Chuyển luân Thánh vương ở giữa Đại thế giới đầy đủ báu vật, vinh quang với bốn Thần lực siêu phàm, được đấng vương tộ vây quanh hơn ngàn vị. Tuy thế, Ngài đã từ bỏ mọi cảnh vinh quang ấy khi Ngài nhận thấy mối nguy hiểm nằm trong tham dục. Nửa đêm, cùng với Xa Nặc (Channa), Ngài cỡi vương mã Kiên Trắc (Kanthaka) của Ngài và ra đi. Trên bờ sông Anomà, dòng sông vẻ vang ấy, Ngài từ giã thế tục và suốt sáu năm liền, Ngài sống khổ hạnh ép xác, sau đó Ngài tự tu tập và chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác.

Tăng chúng nói với nhau như vậy về công hạnh của Đức Phật. Bậc Đạo Sư bước vào hỏi:

- Này các Tỷ kheo, trong lúc ngồi đây, các ông đang nói về vấn đề gì?

Tăng chúng thưa với Ngài. Bậc Đạo sư bảo:

- Này các Tỷ kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai làm Đại sự Xuất thế. Ngày xưa, Ngài đã từ bỏ ngai vàng ở vương quốc Ba La Nại rộng đến mười hai dặm.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

* * *

Một thuở nọ, có một vị vua mệnh danh là Sabbadatta cai trị thành Ramma. Kinh thành mà nay ta gọi là Ba La Nại đã được gọi là Surundhana trong *Tiền thân Udaya* (số 488) cũng là Sudassana trong *Tiền thân Cullasutasoma* (số 525) hay là Brahmavaddhana trong *Tiền thân Sonandana* (số 530), và lạ Pupphavati trong *Tiền thân Khandahàla* (số 542). Còn trong *Tiền thân*

Yuvanjana này, nó lại có tên là thành Ramma. Như vậy tên đó thay đổi theo nhiều hoàn cảnh.

Thời ấy vua Sabbadatta có một ngàn vương tử, và ngài phong chức Phó vương cho thái tử *Yuvanjana*.

Một sáng sớm kia, thái tử ngự lên vương xa lộng lẫy của chàng trong quang cảnh cực kỳ uy nghi, chàng nhàn du trong vườn thượng uyển. Khắp các đỉnh cây, ngọn cỏ, đầu cành, trên các mạng nhện giăng tơ qua các đầu ngọn lau, chàng thấy các giọt sương lũng lẳng như vô số râu chuỗi ngọc trai. Chàng hỏi:

- Này Hiền hữu quản xa, cái gì đây?

- Tâu Điện hạ, đây là chất lỏng rơi xuống trong mùa lạnh, mà người ta gọi là sương mai.

Thái tử tiếp tục du ngoạn vui chơi trong ngự viên trọn ngày hôm đó. Về chiều, khi chàng quay lại lối cũ, chàng không còn thấy hạt sương nào nữa. Chàng hỏi:

- Này Hiền hữu quản xa, những hạt sương đâu rồi? Nay ta không còn thấy chúng nữa.

Vị kia đáp:

- Tâu Điện hạ, khi mặt trời lên cao, sương tan hết và chìm xuống đất.

Nghे vậy thái tử thất vọng bảo:

- Đòi người ta cũng được tạo thành chẳng khác gì các giọt sương mai trên ngọn cỏ. Ta cần phải thoát khỏi gánh nặng bức bách của bệnh tật, tuổi già và chết chóc. Ta phải từ giã song thân và rời thế tục.

Như vậy là do nhân duyên các giọt sương mai, chàng nhận thức ba cõi sinh hữu (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới) như thể đang ở trong ngọn lửa cháy bùng. Khi chàng về cung, chàng vào yết kiến phụ vương trong Đại pháp đình nguy nga của ngài. Đánh lễ vua cha xong, chàng đứng sang một bên và ngậm vắn kệ đầu để xin phép vua cha được rời thế tục:

*1. Con xin đánh lễ đấng Quân vương,
Giữa ngự quan, bằng hữu, đại thần,
Hoàng thượng, con mong rời thế tục,
Xin hoàng thượng chẳng chối từ con.*

Kể đó vua ngâm vần kệ thứ hai để khuyên can chàng:

*2. Con có mơ gì, hỡi Dũ Vân,
Cha ban tròn vẹn mọi cầu mong,
Nếu ai làm hại, cha che chở,
Con nhớ làm tu sĩ ẩn thân.*

Nghe thế, thái tử ngâm vần kệ thứ ba:

*3. Chẳng có ai làm hại đến con,
Ước mơ con đạt được vuông tròn,
Song con muốn kiếm nơi an trú
Mà tuổi già không phá mối mòn.*

Bậc Đạo sư ngâm nửa vần kệ để giải thích vấn đề này:

*4. Thái tử tâu vầy với phụ vương,
Vua cha liền phán bảo cùng con,*

Nửa khúc sau do đức vua ngâm:

*Đừng rời thế tục, này vương tử,
Dân chúng kinh thành thấy khóc thương.*

Vương tử lại đáp vần kệ này:

5. Đại đế, đừng làm trẻ phải xa

*Cuộc đời không tục lụy phù hoa,
Con e say đắm nhiều tham dục
Sẽ hóa môi ngon của tuổi già.*

Khi nghe nói điều này, vua cha phân vân do dự. Sau đó, mẫu hậu được tin:

- Tâu lệnh bà, thái tử đang xin phép hoàng thượng để xuất gia.

Bà hỏi:

- Người nói gì thế?

Tin ấy khiến bà ngạt thở, liền ngự vào chiếc kiệu bằng vàng, bà bảo đi nhanh đến Đại Pháp đường và ngâm vần kệ thứ sáu:

*6. Mẹ van con đó, hỏi con thân,
Và mẹ mong con phải ở gần,
Mẹ muốn gặp con hoài, thái tử,
Con đừng rời bỏ chốn phàm trần.*

Khi nghe vậy, thái tử ngâm vần kệ thứ bảy:

*7. Như đầu ngọn cỏ, đong hơi sương,
Khi mặt trời lên rực ánh dương,
Cũng vậy là đời người thế tục,
Xin đừng cản bước, mẹ hiền thương.*

Chàng nói vậy xong, bà vẫn van xin chàng mãi, với mục đích ngăn cản chàng. Sau đó, bậc Đại sĩ tâu với vua cha vắn kệ thứ tám:

*8. Bảo người khiêng kiệu, hãy cùng nâng!
Đừng để mẹ già cứ cản ngăn,
Con trẻ muốn đi vào Thánh đạo,
Xa đời sinh diệt (1), tấu Minh quân!*

Khi vua cha nghe con nói, ngài phán:

- Này ái hậu, hãy lên kiệu về cung Thường Lạc của ta mà an nghỉ.

Trước lệnh của vua, đôi chân vương hậu quy xuống, rồi bà được đám cung nữ vây quanh dìu bà ra về. Khi bước vào hậu cung, đứng nhìn về phía Đại Pháp đường, bà băn khoăn hỏi tin tức con mình. Sau khi mẫu hậu đi rồi, Bồ tát lại xin phép vua cha lần nữa. Vua không thể từ chối chàng được, liền phán:

- Này thái tử thân yêu, cứ làm theo ý nguyện của con và từ bỏ thế tục.

Khi vừa nghe vua chấp thuận điều này, tiểu hoàng đệ của Bồ tát là vương tử Yudhitthila,

đến đánh lễ vua cha, và cũng xin phép theo đòi xuất gia như thế, vua liền bằng lòng ngay.

Cả hai vị vương tử từ biệt vua cha và giờ đây, sau khi từ bỏ mọi dục lạc thế gian, hai vị ra đi từ Đại Pháp đường giữa đại chúng. Chánh hậu nhìn theo bậc Đại sĩ và than khóc:

- Thái tử đã từ giã thế tục, kinh thành Ramma này sẽ trống rỗng.

9. Nhanh lên, cầu hạnh phúc, con ôi!

Ta chắc Ram-ma trống vắng thôi,

Đại đế Sab-ba vừa chấp thuận

Dũ-vân thái tử xuất gia rồi.

10. Thái tử, đại huynh giữa cả ngàn,

Hoàng nhi trông dáng thật như vàng,

Từ đây vương tử oai hùng đã

Đắp chiếc y vàng bỏ thế gian.

Bồ tát không đi ngay lên đường tu hành.

Không, trước tiên ngài đến từ biệt song thân, rồi cùng với tiểu đệ là vương tử Yudhitthila, ngài rời kinh thành và bảo đám đại chúng đang theo sau hai vị phải quay về, còn hai vị tiến lên vùng Tuyết Sơn. Tại đó, hai vị dựng lên một

thảo am ở một chốn đầy an lạc và hành trì cuộc đời của bậc hiền nhân thanh tịnh tu tập thiền định hướng thượng. Hai vị sống suốt đời bằng các củ, quả rừng rồi được sinh lên cõi Phạm Thiên.

Vấn đề này được giải thích qua vần kệ cuối cùng phát xuất từ trí tuệ Tối thắng của Đức Phật:

*11. Vương tử Dũ-thi với Dũ-vân
Sống đời thanh tịnh của hiền nhân,
Giã từ vương phụ và vương mẫu,
Chặt đứt làm đôi xích Tử thân (2).*

* * *

Khi Bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:

- Nay các Tỷ kheo, đây không phải lần đầu Như Lai từ bỏ vương quốc để đi theo đời tu hành, mà ngày xưa cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài nhận diện Tiên thân:

- Thuở ấy, song thân trong hoàng tộc ngày nay là vương phụ và mẫu hậu, Ananda là tiểu đệ

Yudhitthila và thái tử Yuvanjana chính là Ta.

Nhận xét:

Đại sự Xuất thế là đề tài quan trọng nhất của bộ chuyện Tiên thân Đức Phật.

Bồ tát, tiên thân Đức Phật, có thể ra đi từ hoàn cảnh cao sang của vua chúa, Bà la môn đại phú, hay tiện dân nghèo hèn. Ta đã từng đọc nhiều tiên thân trong ấy Bồ tát xuất thân từ hoàng gia và rời cung điện để tu hành như chuyện vua Susimà ra đi nhân thấy sợi tóc bạc đầu tiên xuất hiện.

Trong tiên thân này, thái tử Yuvanjana đang độ hoa niên tràn đầy sức sống và hy vọng về một tương lai huy hoàng trên ngôi vua giữa cả ngàn vương tử khác. Nhân một chuyến du ngoạn từ sáng sớm, thái tử nhìn thấy các hạt sương mai giăng mắc trên cây cỏ, nhưng về chiều chúng đều biến mất. Chàng thất vọng và ví đời người sinh diệt như những giọt sương kia. Rồi chàng quyết định đi tìm đạo thoát ly sinh tử. Từ đó

chàng thấy cả ba cõi thế giới như đang bị thiêu đốt trong lửa cháy bùng, thúc giục chàng nhanh chân lên đường. Chàng liền đi tìm gặp phụ vương và mẫu hậu để trình bày lý do xuất gia của mình và thuyết phục hai vị đồng ý cho phép chàng toại nguyện.

Nhận thức cuộc đời như giọt sương mai và ba cõi thế gian đang bị thiêu đốt trong lửa là quan niệm phát xuất từ ba Pháp ấn (vô thường, khổ và vô ngã) xuyên suốt toàn bộ giáo lý của Đức Phật.

Thế giới quan này được Đức Phật trình bày ngay trong bài kinh thứ ba về "lửa bốc cháy" được Ngài thuyết giảng sau ngày Thành đạo cho hội chúng của ba Tôn giả Kassapa (Ca Diếp) khiến cả ngàn vị đệ tử này vốn là các đạo sĩ thờ lửa đều đắc Thánh quả A la hán. Ta cũng thường gặp quan điểm nhìn đời như giọt sương và thế giới bị thiêu đốt bởi lửa tham, sân, si trong nhiều bài kệ *Pháp Cuở*.

Hơn nữa, quan niệm này cũng được nêu bật như những nét đặc sắc qua hai quyển kinh tiêu

biểu của Phật giáo Đại thừa (Phát triển) là kinh *Kim Cương* và kinh *Pháp Hoa*. Như vậy ta có thể nhìn thấy quan điểm nhất quán về Ba pháp ấn của mọi sự hiện hữu trên thế gian trong các hệ thống giáo lý của đạo Phật từ xưa đến nay.

Đặc biệt trong Tiên thân này, Bồ tát không xuất gia một mình, mà còn có tiểu đệ của Ngài là Yudhitthila, tiên thân của Tôn giả Ananda, người bạn đồng hành cùng chia sẻ mọi nỗi vui buồn trong cuộc sống bên Ngài qua vô lượng kiếp./.

Ghi chú:

(1) Đấng Thập Lực (Dasabala): một danh hiệu của Đức Phật vì Ngài có đủ mười thần thông lực.

(2) Tarati (lánh xa thành hoại diệt): lánh xa cuộc đời đượ ví như kinh thành của sự hoại diệt, Anh dịch là: Flee from the City of Destruction.

(3) Tu tập thiền định đưa đến giải thoát sinh tử, như chặt đứt làm đôi cái vòng luân hồi ràng buộc mọi loài chúng sinh vào ba cõi sinh hữu

nói trên.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 74, 05-2002)

11. Chuyện Sàla, Cổ thụ cát tường (465. Tiền thân Bhadda - Sàla)

"Ngài là ai đứng giữa không gian..."

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về việc làm thiện sự đối với quyền thuộc của mình.

Thời ấy vua Vidudabha vừa kế vị vua cha là Pasenadi ở Kosala, đã quyết định đem quân sĩ đi sát hại dòng họ Thích Ca để trả mối thù cũ đối với ngoại tộc. Đức Phật hay tin liền đi đến thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) để ngăn cản nhà vua tiến quân vào đó.

Vào ngày bậc Đạo Sư ra đi lần thứ ba đã trở về, sau khi du hành khát thực, và đã thọ thực xong, Ngài đang nằm nghỉ trong Hương phòng, Tăng chúng từ mọi nơi tụ tập trong Chánh pháp đường. Khi ngồi lại với nhau, Tăng chúng bắt đầu nói đến công hạnh của

bậc Đạo Sư.

- Nay các Hiền giả, bậc Đạo Sư chỉ cần xuất hiện và khiến cho vua lui về, là giải quyết cho thân tộc Ngài khỏi nỗi sợ chết. Bậc Đạo Sư thật là một người bạn lành, hay cứu giúp gia tộc.

Bậc Đạo Sư đi vào, hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì trong khi ngồi tại đó. Tăng chúng thưa lại với Ngài. Sau đó, Ngài bảo:

- Nay các Tỷ kheo, không phải chỉ bây giờ Như Lai mới hành động vì lợi ích của các người thân tộc, mà ngày xưa Như Lai cũng đã làm như thế.

Cùng với lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

* * *

Một thuở nọ, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba La Nại, và thực hành Thập vương pháp (Mười đức tính của vua hiền), ngài nghĩ thầm: "Khắp cõi Diêm phù đề này, vua chúa đều sống trong các cung điện có nhiều cột trụ chống đỡ. Vậy một cung điện được nhiều cột trụ chống đỡ

chẳng kỳ diệu gì, song nếu ta xây một cung điện chỉ có một trụ chống đỡ thì sao?... Lúc ấy ta sẽ thành vị đế vương bậc nhất giữa các vị vua!". Do vậy ngài triệu tập các nhà kiến trúc lại, bảo họ xây cất cho ngài một cung điện nguy nga chỉ dựng trên một cột trụ thôi. Họ thưa:

- Xin tuân lệnh

Rồi họ đi sâu vào rừng.

Tại đó, họ ngắm nghía nhiều cây thẳng tắp, cao lớn xứng đáng làm cây cột trụ duy nhất của một cung điện sang trọng như thế. Họ bảo nhau:

- Đây có đủ các cây loại này, song đường sá gồ ghề, ta chẳng bao giờ chở chúng theo được, vậy ta phải thỉnh ý đức vua về chuyện đó.

Khi họ tâu như vậy, vua đáp:

- Hãy dùng cái móc hay neo mà kéo chúng về, thế càng nhanh nữa.

Song họ thưa:

- Chẳng cái móc nào làm được việc này cả.

Vua phán:

- Vậy thì hãy tìm một cây trong thượng uyển của trẫm.

Các nhà xây dựng đi vào vườn ngự, tại đó họ nhìn thấy một cây Sàla dáng vương giả cao quý, thẳng tắp, cành lá xum xuê, vẫn được dân làng, thị trấn tôn sùng, ngay cả hoàng tộc cũng thường đến chiêm bái, và dâng lễ vật. Họ liền tâu lại với vua. Ngại phán:

- Trong vườn ngự của trẫm kia, các khanh đã tìm ra cho trẫm một cây đại thụ, ồ tốt lắm, vậy hãy đi dẫn nó xuống ngay.

Họ đáp:

- Xin tuân lệnh.

Họ đến khu vườn ngự, đôi tay cầm đầy các tràng hoa thơm và các hương liệu khác, sau đó treo lên cây một tràng hoa năm chùm, cuộn quanh thân cây một sợi dây thừng, buộc vào đó một bó hoa thơm, rồi vừa thắp hương đèn, vừa chiêm bái vừa khấn rờ:

- Từ nay đến bảy ngày nữa, chúng tôi sẽ dẫn

cây xuống theo lệnh vua truyền. Cầu xin các Thần cư ngụ trên cây này hãy đi nơi khác, và đó không phải lỗi chúng tôi.

Vị thần sống trên cây nghe nói vậy, nghĩ thầm: "Những người xây dựng này quyết đốn cây xuống và phá hoại chỗ cư ngụ của ta. Nay đòi ta chỉ kéo dài bao lâu còn nơi cư trú này. Tất cả các cây Sàla non ở chung quanh cây này, có các thần quyền thuộc của ta cư trú thật đông, cũng sẽ bị phá hủy. Sự hủy hoại thân ta không quan trọng bằng sự tiêu diệt đám con cháu ta. Vậy ta phải bảo vệ sinh mạng chúng".

Thế là vào lúc nửa đêm, với trang phục huy hoàng, uy nghi, vị Thần cây bước vào cung thất lộng lẫy của vua, chiếu sáng rực rỡ khắp phòng và đứng khóc cạnh chiếc gối của vua. Ngài rất kinh hãi khi thấy vị thần, liền thốt lên vắn kệ đầu:

*1. Ngài là ai, đứng giữa không gian,
Mình khoác xiêm y tựa thánh thần,
Sao nổi kinh hoàng kia phát khởi,
Mắt ngài sao đẫm lệ tuôn tràn?*

Nghe vậy, vị chúa tể Thần cây ngâm hai vắn kệ:

2. Ở trong quốc độ, hỡi quân vương,
Người biết danh cây: Đại Cát Tường,
Đã sáu mươi ngàn năm vẫn đứng,
Toàn dân đều cúng bái ta luôn.

3. Dù chúng dựng xây lăm thị thành,
Lâu đài vương xá, các cung đình,
Tuy nhiên, chúng chẳng hề phiền nhiễu,
Cũng chẳng gây tai hại đến mình,
Vì chúng tôn sùng ta đến thế,
Xin ngài, Chúa thượng cũng tôn vinh!

Tiếp theo, vua ngâm hai vắn kệ khác:

4. Song một thân cây vĩ đại này,
Trẫm chưa hề thấy tự xưa nay,
Chu vi đẹp cả chiều cao nữa,
Hùng mạnh, một cây vững chắc thay.

5. Trẫm muốn xây nên mỹ lệ cung,
Chỉ cần độc nhất trụ làm chân,
Trẫm muốn đặt ngài vào chỗ đó,
Đời ngài không ngăn ngui đâu thần.

Nghe vậy, vị Thần chúa ngâm hai vần kệ:

6. Vì ngài mong muốn dẫn cây thân,
Xin hãy chặt ta nhỏ mỗi phần,
Và xẻ thân này từng mảnh một,
Hoặc đừng gì cả, tấu Anh quân.

7. Hãy chặt trước tiên lấy đỉnh đầu,
Kế là phần giữa, góc về sau,
Nếu ngài đón được ta như thế,
Cái chết chẳng còn tạo khổ sầu.

Sau đó, vua lại ngâm hai vần kệ:

8. Trước hết chân tay, kế mũi tai,
Khi người lâm nạn chữa tàn hơi,
Cuối cùng thủ cấp này rơi xuống,
Cái chết này đau đớn rụng rời.

9. Cát Tường cô thụ! Chúa sơn lâm!
Lạc thú gì ngài cảm thấy chẳng?
Sao, lý do gì ngài ước muốn
Thân cây được xẻ nhỏ từng phần?

Đại thụ Cát Tường liền đáp lời qua hai vần kệ:

10. Vì lý do này cao cả thay,
Cớ sao ta muốn xẻ thân này,

*Phân ra từng mảnh, tâu Hoàng thượng,
Xin lắng nghe lời ta nói đây.*

*11. Quanh ta phồn thịnh đấm thân bằng,
Sinh trưởng nhờ nơi trú vẹn toàn,
Nếu ta ngã mạnh, đè tan chúng,
Nỗi đờn đau kia sẽ ngập tràn.*

Vua nghe vậy xong, lòng đầy hoan hỷ: "Vị Thần này thật cao cả thay, ngài không muốn quyền thuộc mình phải mất nơi trú ẩn do việc ngài mất chốn cư ngụ của riêng ngài. Thế là ngài hành động vì lợi ích của thân tộc mình".

Và vua ngâm kệ cuối cùng:

*12. Cát Tường cổ thụ, Chúa rừng xanh!
Tu tưởng ngài cao cả thật tình,
Ngài muốn giúp thân bằng quyền thuộc,
Vây trãm cho ngài thoát hãi kinh.*

Vị Thần chúa, sau khi thuyết giáo vua xong, liền ra đi. Còn vua an trú vào lời khuyên nhủ của ngài, bỏ thói và làm nhiều thiện sự khác cho đến khi vua mạng chung, đi lên cộng trú với các hội chúng ở cõi Trời.

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo Sư bảo:

- Đây các Tỷ kheo, như thế là Như Lai vẫn hành động vì lợi ích của thân bằng quyến thuộc mình.

Rồi Ngài nhận diện Tiên thân:

- Vào thời ấy Ananda là vua kia, hội chúng của Đức Phật là các thần trú thân trong các cây con của cây Sàla, và Ta chính là cô thụ Cát Tường, vị Thần chúa.

Nhận xét:

Lòng từ bi là một trong những đức tính quan trọng nhất của Đức Phật và vì thế đạo Phật được gọi là Đạo của Từ bi và Trí tuệ.

Đức Phật dạy các đệ tử tu tập lòng thương xót đối với muôn loài và giới bất sát là giới cấm đầu tiên của hàng đệ tử tại gia. Không chỉ với các loài sinh vật, Ngài còn trải rộng lòng từ

đến muôn loại cỏ cây. Ngài khuyên các đệ tử không làm hại cây cối, nhất là các khu rừng, vốn là nơi trú ẩn, là bạn lành của những khát sĩ xuất gia. Ngài khuyên mọi người phải tỏ lòng biết ơn các cây cao bóng cả đã che chở họ bằng cách không chặt cành hái lá, thậm chí Ngài còn dặn các Tỷ kheo thận trọng khi đem đồ thức ăn thừa vào chỗ trống để tránh làm hại cây cỏ.

Trong một số bài kinh *Tương Ưng Bộ*, Đức Phật dạy quần chúng làm các thiện sự như xây cầu cống, đắp đường, trồng công viên, trồng rừng, đào giếng... đem lại lợi ích chung ở đời này và tái sinh cõi lành ở đời sau.

Câu chuyện Tiên thân này là một ví dụ về lòng từ của Bồ tát, tiên thân Đức Phật, khi Ngài là một vị chúa thân cây.

Vị vua trong chuyện này có tham vọng làm chủ một cung điện nguy nga độc đáo nhất thiên hạ, nên dự định chặt cây Sàla đệ nhất cổ thụ trong vườn ngự uyển. Đó là việc từ xưa đến giờ chưa một vua chúa nào nghĩ đến vì cây này vẫn được dân chúng toàn thành tôn sùng cúng bái

hàng ngàn năm nên có thể đã tạo thành một mỹ quan đặc biệt ở vườn thượng uyển đem lại an lạc cho du khách mỗi khi đến viếng cảnh này.

Sự chặt ngã cây cổ thụ này sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cả vùng cây cỏ chung quanh. Nhưng với năng lực khiêm tốn của một vị thần cây, Bồ tát không thể làm gì để che chở quyền thuộc thân bằng của mình hơn là đến van xin nhà vua ngừng việc tàn phá tai hại ấy.

Rồi khi thấy không thể ngăn cản được ý định của vua, ngài đề nghị vua cho chặt nhỏ cây cổ thụ ra từng phần để bớt gây tổn thất cho đám cây cối chung quanh.

Trước nghĩa cử hy sinh cao đẹp của vị thần cây, vua chợt tỉnh ngộ và từ bỏ ý định đốn cây để bảo vệ khu rừng như cũ. Và cũng từ đó, vua theo lời khuyên của vị thần cây làm các thiện sự nên được sinh lên cõi trời.

Chưa bao giờ lời khuyên của Đức Phật về sự bảo vệ môi trường thiên nhiên lại mang tính thực tiễn và cần thiết như ở thời hiện đại, trong khi khắp nơi trên thế giới, hàng ngày vẫn diễn

ra nạn phá rừng, nhất là các khu rừng nguyên sinh, gây sức tàn phá có ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự sống của muôn loài và có nguy cơ đe dọa luôn cả sự tồn tại của loài người trên hành tinh xanh này. Tất cả các sự kiện ấy đều phát xuất từ những tham vọng vị kỷ của những người không hề biết nghĩ đến ích lợi và quyền sống của người khác, nói gì đến muôn loài sinh vật.

Phải chăng đã đến lúc các tổ chức hòa bình xanh cần khuyến giáo toàn thể nhân loại phải bảo vệ môi trường sống thiên nhiên để tự cứu mình theo tinh thần vô ngã vị tha của Đức Phật từ ngàn xưa?

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 75, 06-2002)

12. Chuyện Đại vương Bhallàtiya (504. Tiền thân Bhallàtiya)

"Ngày xưa có đại đế Bhallà ...",

Câu chuyện này Bạc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về hoàng hậu Mallikà

(Mạt Lợi) tức Nương tử Vũ Quý Hoa.

Một buổi kia, chuyện kể rằng có việc xích mích giữa hoàng hậu và vua Pasenadi của xứ Kosala, về quyền lợi trong đời sống nội cung, vua nổi giận và không muốn nhìn mặt bà. Bà suy nghĩ: "Ta chắc Đức Như Lai không biết đức vua đang giận hờn ta".

Khi Bạc Đạo Sư biết chuyện ấy, ngày hôm sau, Ngài đi vào khất thực tại Ba La Nại có Tăng chúng theo hầu, rồi đến tận cung môn. Vua bước ra đón Ngài và cầm lấy bình bát của Ngài, vừa rước Ngài lên thượng lầu, mời Tăng chúng ngồi theo thứ tự thích hợp, rồi dâng nước chào mừng cùng thực phẩm thượng vị. Sau buổi thọ thực, vua ngồi xuống một bên. Bạc Đạo Sư hỏi:

- Tại sao hoàng hậu Mallikà không đến?

Vua đáp:

- Chỉ vì lòng kiêu mạn ngu si về cảnh vinh quang của bà ta đấy.

Bạc Đạo Sư bảo:

- Nay Đại vương, xưa kia, đã lâu lắm rồi, khi Đại vương còn là một tiên nam, Đại vương rời xa bạn đời của mình chỉ một đêm thôi, mà về sau cứ mãi thương tiếc cả bảy trăm năm đó.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

* * *

Một thuở nọ có một vị vua tên là Bhallàtiya trị vì tại Ba La Nại. Do nổi say mê món thịt nai rừng bốc khói trên hỏa lò lôi cuốn, ngài giao phó vương quốc cho các đại thần, rồi trang bị đủ năm thứ vũ khí cùng một bày chó săn thông minh tinh luyện, ngài lên xa giá rời kinh tiên về vùng Tuyết Sơn. Ngài cứ du hành dọc theo sông Hằng mãi tận nơi không còn lên cao được nữa, bèn đi theo một phụ lưu thêm vài đoạn đường, vừa giết nai, lộn rừng vừa thưởng thức món thịt nướng kia, cho đến khi ngài trèo tận một đỉnh cao.

Nơi đó có một con suối đầy thi vị chảy xuống khắp vùng, nước cao lên tận ngực, song vào các mùa khô ráo chỉ gần đến đầu gối. Lúc ấy

các đàn cá rùa, đủ loại tung tăng, dải cát dưới nước sáng loáng như bạc, cây cối hai bên bờ rữ xuống nặng trĩu hoa trái, chim chóc, ong bướm say sưa hút nước trái chín và mật ong, bay lượn dưới bóng cây râm mát, nơi đây từng đàn hươu nai đủ loại vẫn lai vãng luôn. Bấy giờ trên bờ suối xinh đẹp này có đôi tiên đang ôm chặt nhau, âu yếm vuốt ve nhau rồi bỗng cất tiếng khóc than rên rĩ vô cùng thảm khiết (1).

Trong lúc vua trèo lên đỉnh Gandhamàdana (Hương Sơn) men theo dòng suối này, ngài chợt nhận thấy đôi tiên kia. "Tại sao họ cứ khóc than rên rĩ như thế này?", ngài suy nghĩ, "Ta muốn hỏi xem sao". Ngài chỉ cần liếc bầy chó săn và búng ngón tay, bầy chó thuần chủng thấy dấu hiệu này là hiểu ngay phần việc của chúng, liền bò vào dưới bụi rậm và nằm sát đất. Vừa khi ngài thấy chúng đã khuất dạng, ngài đặt cung tên cùng các vũ khí kia cạnh gốc cây gần đó và rón rén đi nhẹ nhàng đến gần đôi tiên để khỏi ai nghe lọt bước chân, rồi ngài cất tiếng hỏi:

- Tại sao các ngươi than khóc?

Để giải thích việc này, Bạc Đạo Sư ngâm ba vần kệ:

1. Ngày xưa có đại đế Bhalla,
Ngài vẫn đi săn bắn thật xa,
Trèo tận Hương Sơn và chợt thấy
Đầy hoa nở rộ với yêu ma.

2. Ngài truyền bày chó thấy nằm yên
Đặt các cung tên xuống đất liền
Tiến bước để đưa lời ước hỏi
Chón kia vừa thấy cặp thần tiên:

3. "Đông đã qua, sao lại trở về
Hàn huyên tâm sự cạnh sơn khê?
Các người sao giống phàm nhân quá,
Người gọi loài gì, nói trẫm nghe".

Nghe vua hỏi, vị tiên nam không nói gì, nhưng tiên nữ đáp lại như sau:

4. Tam đỉnh, Hoàng Sơn, núi Mã Lai (2),
Chúng thần men suối mát, băng qua,
Thú rừng cứ tưởng là người thật,
Song bọn đi săn gọi quý ma.

Kê đó vua ngâm ba vần kệ:

5. Các người âu yếm tựa tình nhân,
Song lại khóc than thật nã nùng,
Tiên chúng giống như người thế tục,
Cớ sao than khóc, hãy phân trần!

6. Các người môn trón tựa uyên ương,
Song khóc đây ai oán thảm thương,
Đôi lứa khác nào người thế tục,
Sao sầu đau thế? Nói cho tường!

7. Như các tình nhân, cứ vuốt ve,
Song lời than khóc thật lê thê,
Các người trông giống người trần tục,
Sao quá bi ai? Nói trâm nghe!

Các vần kệ sau là do đôi bên đối đáp nhau:

Tiên nữ:

8. Chàng, thiếp một đêm cách biệt nhau,
Không tình ân ái, nặng u sầu,
Tương tư, song chẳng bao giờ có
Đêm ấy trở về được nữa đâu.

Quân vương:

9. Sao nằm đêm ấy quá cô đơn
Đã khiến người rên rĩ tiếc thương?

*Đôi trẻ giống như người thế tục,
Mắt tiên, hay lão phụ từ trần?*

Tiên nữ:

*10. Đẳng kia, bóng mát, suối tuôn ra
Giữa đá, rồi cơn bão thổi qua,
Vì quá lo âu tìm kiếm thiếp
Nên tình quân đã lộn qua bờ.*

*11. Trong lúc đôi chân thiếp rộn ràng,
Thiếp đi tìm cỏ nội hoa ngàn
Làm vòng đeo, tặng chàng yêu dấu
Và thiếp, vừa khi gặp lại chàng.*

*12. Két bó chuông vàng, đồng thảo xanh,
Thủy tiên trắng mát đượm sương lành
Cho chàng yêu dấu vòng hoa cô
Cùng thiếp, vừa khi gặp bạn tình.*

*13. Rồi sau thiếp hái bó hoa hồng
Là thứ hoa xinh đẹp nhất vùng,
Để kết liền cho chàng với thiếp
Vòng hoa đeo cổ, lúc tương phùng.*

*14. Ké hoa là lá, thiếp đi tìm
Về trái đầy trên mặt đất mềm,*

Nơi suốt đêm trường chung gói mộng,
Uyên ương thêm thiếp giấc nồng êm.

15. Gõ quế, trầm hương kế tiếp liền,
Đặt trên hòn đá, thiếp đấm nghiền,
Làm hương tâm khắp chàng yêu dấu
Và thiếp, mùi hương cực diệu huyền!

16. Đứng bên bờ suối chảy tuôn dòng,
Thiếp hái hoa sen mãi đến cùng:
Chiều xuống, suối kia tràn khắp chốn,
Muốn sang bờ nọ, hết chờ mong!

17. Đành đứng cả hai ở mỗi bờ,
Nhìn nhau tha thiết, ngóng ngang qua,
Ôi, bao tiếng khóc cười đôi ngả,
Đêm ấy cùng đau đớn xót xa!

18. Sáng lại, vừng đông đã mọc cao,
Khi nhìn con suối cạn khô mau,
Thiếp, chàng vội bước, ôm nhau chặt,
Lập tức cùng cười, khóc với nhau!

19. Gần bảy trăm năm chỉ thiếu ba,
Từ khi chàng, thiếp phải chia xa,
Tim yêu tan nát sâu ly biệt
Dằng dặc tưởng chừng trọn kiếp qua!

Quân vương:

*20. Đòi người kỳ hạn đến bao giờ?
Nếu chuyện này truyền lại thuở xưa,
Hoặc giả theo lời nhiều trưởng lão,
Thì đừng sợ hãi, nói cùng ta.*

Tiên nữ:

*21. Một ngàn mùa hạ thắm, an khương,
Chẳng chịu nhiều đau khổ đoạn trường,
Ít gặp ưu sầu, đây cực lạc,
Suốt đời ngập hạnh phúc yêu đương!*

Khi vua nghe vậy, ngài suy nghĩ: "Các sinh vật này thấp kém còn hơn loài người, thế mà vẫn khóc than mãi suốt bảy trăm năm ròng chỉ vì một đêm xa cách nhau, hưởng hồ ta đây, chúa tể cả một quốc độ rộng ba trăm dặm, lại đành bỏ hết cảnh vinh quang huy hoàng ấy đằng sau để phiêu bạt trong chốn núi rừng hoang dã. Thật là một sai lầm nghiêm trọng".

Ngài liền quay về ngay lập tức. Khi đến thành Ba La Nại, triều thần hỏi ngài có thấy việc gì hy hữu ở vùng Tuyết Sơn chẳng, ngài kể cho hội chúng nghe toàn thể câu chuyện kỳ dị kia,

rồi từ đó về sau ngài thực hành bổ thí và an hưởng cảnh vinh hoa của mình.

Để giải thích việc này, Bạc Đạo Sư ngâm vần kệ sau:

*22. Nhờ được đôi tiên khuyến bảo vậy,
Đại vương trở lại bước đường ngay,
Bỏ sân, cấp dưỡng người nghèo túng,
An hưởng tháng ngày lướt nhẹ bay.*

Và Ngài ngâm thêm hai vần kệ nữa:

*23. Rút ra bài học của tiên kia,
Đừng cãi nhau, mà sửa thói lễ,
Kéo các ngài sàu như bọn chúng
Suốt đời, vì chính bởi làm mê.*

*24. Lấy ngay bài học tự đôi tiên,
Đừng khâu tranh, mà sửa thói quen,
Kéo chịu đau buồn như bọn chúng
Suốt đời, vì chính lỗi làm riêng.*

Bấy giờ hoàng hậu Mallikà đứng dậy từ bảo tọa khi bà nghe Đức Như Lai thuyết giáo, rồi bà chấp hai tay đánh lễ Ngài rất cung kính, trong lúc bà ngâm vần kệ cuối cùng:

25. Giờ đây kính bạch Thánh nhân,
Với lòng nhu thuận phục tuân sẵn sàng,
Con nghe được các lời vàng
Tràn đầy thiện ý, chứa chan nhân từ,
Muôn vàn phước đức Tôn Sư!
Ngài vừa khuyên nhủ, ưu tư trút liền!

Từ đó về sau, vua xứ Kosala chung sống sắt
cầm hòa hợp với hoàng hậu mãi mãi.

* * *

Khi Pháp thoại này chấm dứt, Bạc Đạo Sư
nhận diện Tiên thân:

- Vào thời ấy, vua xứ Kosala là vị tiên nam,
hoàng hậu Mallikà là tiên nữ và Ta chính là
vua Bhallàtiya.

Nhận xét:

Đời sống hòa hợp giữa mọi người trong gia
đình và ngoài xã hội là một trong những đề tài
quan trọng của bộ *Chuyện Tiên thân Đức Phật*.

Trong kinh *Singalovada* (Giáo giới Thi Ca La

Việt) của *Trường Bộ*, Đức Phật đã nêu rõ những tiêu chuẩn đạo đức dành cho một người chân chính ở thế gian qua ảnh dụ lễ bái sáu phương trong luật của bậc Thánh.

Bài kinh này nêu rõ sự quan tâm của Đức Phật đối với đời sống tại gia. Ngài khuyên dạy mọi người sống tiết độ đối với bản thân và giữ mối liên hệ thân ái hòa hợp tôn trọng lẫn nhau giữa thầy - trò, cha mẹ - con cái, vợ - chồng, bạn - hữu, chủ - tớ, gia chủ và giới tu sĩ.

Đây là bài kinh đề xướng những đặc tính đạo hạnh của nếp sống tại gia. Và những đặc tính này được triển khai qua nhiều hình thức phong phú sinh động trong bộ *Chuyện Tiên thân* này. Tất cả các sợi dây thân ái kết hợp mọi người trong gia đình và ngoài xã hội đều được tán dương. Đặc biệt tình cảm hòa hợp trong cuộc sống lứa đôi cũng được Đức Phật khuyến giáo qua nhiều chuyện Tiên thân như: số 223: *chuyện Thức ăn đi đường*, số 320: *chuyện Dẽ cho*, số 333: *chuyện Con tắc kè*, số 489: *chuyện Hoàng hậu Suruci*, và 519: *chuyện Hoàng hậu Sambulà*... dành cho đủ hạng người

từ bình dân đến hàng vua chúa.

Trong trường hợp này, Đức Phật hòa giải sự tranh chấp giữa vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) và hoàng hậu Mallikà (Mạt Lợi) bằng cách kể chuyện vua Bhallàtiya, một vị vua quá thờ ơ đối với việc nước lẫn việc nhà, nên đã bỏ triều đình và mãi mê rong chơi với thú săn bắn trong rừng già cho đến một hôm tình cờ vua gặp một đôi tiên vốn là loài đa tình luôn sống bên nhau, nên chỉ xa cách một đêm, họ đã than khóc khổ đau trọn đời sống kéo dài cả ngàn năm!

Sự gặp gỡ kỳ dị này đã khiến vua nhận ra lỗi lầm của mình khi xao lãng việc triều chính là quốc gia đại sự cùng với đại gia đình ở nội cung ngày đêm mong đợi ngài trở về làm tròn phận sự của vị vua đối với muôn dân.

Từ đó, vua thực hành nếp sống chân chính phù hợp với vị quốc vương, trị nước đúng pháp, bố thí cúng dường và cấp dưỡng người nghèo khó, nên được hạnh phúc an lạc suốt đời.

Để kết luận, Đức Phật còn khuyên răn vua Pasenadi và hoàng hậu Mallikà bỏ thói tranh

cãi gây tổn thương cho nhau và học thói nhường nhịn đem lại an lạc cho mình và mọi người chung quanh. Rồi đôi vợ chồng vương giả này đã bày tỏ sự ăn năn của mình bằng cách thực hành nếp sống hòa hợp đúng với phương ngôn tự ngàn xưa:

"Một sự nhịn bằng chín sự lành".

Như vậy chúng ta có thể thấy ngoài nguyên tắc Lục hòa mà Đức Phật dạy Tăng chúng phải luôn thực hành trong đời phạm hạnh, bài kinh *Singalovada* và những chuyện Tiên thân đầy tình người và hương đạo đề cao sự quan tâm sâu sắc của Đức Phật đối với đời sống trong gia đình và ngoài xã hội, khác hẳn với những quan niệm sai lầm cho rằng đạo Phật chủ trương xa lìa thế tục và xem nhẹ cuộc sống đời thường với tất cả các vấn đề trọng yếu của nó.

Ghi chú:

(1) *Kinnara* (Khẩn na la): một loài thần tiên ở miền núi rừng, nổi tiếng đa tình luôn quấn quít bên nhau trong cuộc sống.

(2) *Mallangiri, Tikùta, Pandaraka*: tên ba ngọn

núi ở dãy Hymalaya (Tuyết Sơn).

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 80, 11-2002)

13. Chuyện Trí giả Suppàraka (463. Tiền thân Suppàraka)

"Những người kia mũi nhọn như dao..."

Chuyện này Bạc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự viên mãn của Trí tuệ Tối thắng.

Một ngày nọ, chúng ta nghe kể rằng, về buổi chiều tối, các Tỷ kheo đang đợi Đức Như Lai đến thuyết pháp cho Tăng chúng, và trong lúc ngồi tại Chánh pháp đường, các vị nói với nhau:

- Nay Tỷ kheo, quả thật Bạc Đạo Sư có trí tuệ vĩ đại! Trí tuệ quảng bác! Trí tuệ mãn tiệp, Trí tuệ linh hoạt! Trí tuệ tinh xảo! Trí tuệ uyên thâm! Trí tuệ Ngài đáp ứng đúng nơi đúng lúc! Trí bao la như thế giới, như đại dương vô tận, như bầu trời trải rộng mênh mông: khắp cả xứ Diêm phù đề [1] không một bậc trí nhân nào có thể sánh bằng Đấng Thập Lực [2], như một đợt sóng nổi lên trên đại dương không thể

chạm đến bờ được, hay nếu chạm vào bờ, sóng kia sẽ vỡ tan. Cũng vậy, không một người nào có thể đạt trí tuệ bằng Đấng Thập Lực, hoặc nếu kẻ ấy đến chân Bạc Đạo Sư thì sẽ vỡ tan.

Bằng những lời ấy, Tăng chúng tán thán Tối thắng trí của Đấng Thập Lực. Bạc Đạo Sư bước vào, và hỏi:

- Nay các Tỷ kheo, các ông đang nói gì trong khi ngồi đây?

Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ trí tuệ. Ngày xưa ngay khi trí tuệ chưa viên thành Chánh giác, Ngài cũng đã sáng suốt thông minh. Mặc dù mù lòa, Ngài cũng biết qua các dấu hiệu của mỗi đại dương là ở trong đại dương ấy có các loại châu ngọc này nọ ẩn mình.

Sau đó Ngài kể một chuyện quá khứ.

** * **

Một thuở nọ một vị vua mệnh danh Bharu trị vì trong quốc độ Bharu. Có một thị trấn bên hải

cảng được đặt tên là Bharukacha hay là Đầm Bharu. Vào thời ấy, Bò tát sinh ra trong gia đình một thuyền trưởng ở tại đó, ngài rất khả ái, với làn da màu vàng nâu. Cha mẹ đặt tên ngài là Suppàraka - Kumàra.

Ngài lớn lên với năng lực xuất sắc khác thường, và ngay khi chỉ mới được mười sáu tuổi, ngài đã hoàn toàn tinh thông nghệ thuật hàng hải. Sau đó khi thân phụ mất, ngài cầm đầu đám thủy thủ và miệt mài với nghề hàng hải, ngài thật thông minh sáng suốt, khi ngài lên tàu rồi thì không hề có chiếc tàu nào đến làm hại được.

Theo thời gian, ngài bị thương vì nước mặn nên đôi mắt ngài mất cả thị giác. Sau chuyện ấy, dù ngài là thuyền trưởng của đám thủy thủ, ngài không còn đeo đuổi sự nghiệp thương mại nữa, mà quyết định về phục vụ vua. Ngài đến yết kiến vua với mục đích ấy, và vua phong cho ngài chức hội thẩm đánh giá các báu vật. Từ đó ngài định giá trị các voi báu, ngọc báu và châu báu.

Một hôm, một con voi được đem trình lên vua, da voi màu đá đen, nên có thể được làm vương tượng. Vua liếc nhìn voi rồi ra lệnh đem nó đi đến trình diện với bậc trí giả. Quân hầu dẫn con vật đến gặp ngài. Ngài sờ tay lên khắp mình voi và bảo:

- Con voi này không xứng đáng làm quốc tượng. Nó có đặc tính của một con vật bị dị tật ở phía sau. Khi voi mẹ sinh ra nó, đã không đủ sức mang nó lên vai, nên để nó ngồi xuống đất, vì vậy nó bị tật nguyên ở chân sau.

Họ chất vấn những người đem voi đến, và bọn ấy trả lời rằng bậc trí giả đã nói đúng sự thật. Khi vua nghe nói chuyện kia, lòng rất hoan hỷ và ra lệnh ban cho bậc trí giả tám đồng tiền vàng.

Một ngày khác, người ta đem một con ngựa dâng lên để làm vương mã. Con vật này cũng được dẫn đến bậc trí giả. Ngài lấy tay sờ khắp mình ngựa rồi nói:

- Con vật này không thích hợp để làm vương mã cho đức vua ngự. Vào ngày nó sinh ra,

ngựa mẹ chết đi, nên do thiếu sữa mẹ, nó không lớn lên đầy đủ.

Lời nói này của ngài cũng đúng sự thật nữa. Khi nghe được việc ấy, vua rất đẹp ý, phán bảo đem tặng ngài tám đồng tiền nữa.

Vào một ngày khác, một chiếc xe được đem đến để làm vương xa. Vua cũng đưa xe này đến ngài. Ngài lấy tay sờ khắp xe và bảo:

- Chiếc xe này được làm bằng gỗ rỗng, nên không thích hợp với đức vua.

Lời nói này của ngài cũng đúng như các lời khác. Vua lại một phen hài lòng khi nghe chuyện này, nên ban thêm cho ngài tám đồng nữa. Một lần nữa có người dâng vua một tấm thảm quý có giá trị lớn, vua liền đưa nó đến ngài như lần trước. Ngài sờ khắp tấm thảm, rồi bảo:

- Ở đây có một chỗ mà con chuột đã cắn một lỗ.

Họ xem kỹ và thấy chỗ đó, liền tâu với vua. Vua đẹp ý lại bảo cho ngài tám đồng tiền nữa.

Lúc bấy giờ bậc trí giả suy nghĩ: "Chỉ được có tám đồng vàng để xem những việc kỳ diệu như thế đấy. Đây là món tiền tặng cho thợ hớt tóc, chắc hẳn vua này là cậu bé thường hớt tóc! Tại sao ta phải phụng sự một vị vua như thế chứ? Ta sẽ trở về nhà riêng của mình". Thế là ngài trở về hải cảng Bharukaccha và sống tại đó.

Lúc ấy có vài thương nhân chuẩn bị một chiếc thuyền và đang đi tìm một thuyền trưởng. Họ suy nghĩ: "Ngài Suppàraka thông minh kia là một bậc trí giả tài ba, có ngài trên tàu thì không con tàu nào đến hại nữa. Dù ngài mù lòa, bậc trí giả Suppàraka vẫn là người tuyệt hảo". Vì thế họ đi đến ngài và mời ngài làm thuyền trưởng.

- Này các Hiền hữu - Ngài đáp - ta mù rồi làm sao lái thuyền các bạn được?

- Thưa Tôn giả, quả ngài mù thật đấy - Các thương nhân bảo - song ngài là người tài giỏi nhất.

Vì họ cứ năn nỉ ngài mãi không ngớt nên cuối cùng ngài chấp thuận.

- Như các bạn đã nói với ta việc này, ngài bảo - thì ta sẽ làm thuyền trưởng của các bạn.

Sau đó, ngài bước lên chiếc thuyền của họ.

Họ lái thuyền ra giữa đại dương. Suốt bảy ngày liền, thuyền đi không gặp rủi ro nào, rồi một ngọn gió trái mùa nổi lên. Thuyền trôi dạt bốn tháng trên vùng đại dương hoang dã, cho đến lúc vào được một nơi gọi là biển Khuramàla (Bãi dao nhọn hoắt). Tại đây loài cá có thân như người với mõm nhọn hoắt như lưỡi dao, nhào lộn dưới nước. Các thương nhân quan sát loài cá này, vừa hỏi bậc Đại sĩ biển này tên gì, vừa ngâm vần kệ đầu:

*1. Đám người kia mũi nhọn như dao,
Vừa nhảy lên cao lại lộn nhào
Hãy nói. Suppà, cho chúng bạn,
Biển này được biết với tên nào?*

Bậc Đại sĩ nghe câu nói này, liền ôn lại trong trí các kiến thức thủy thủ của ngài, rồi đáp qua vần kệ thứ hai:

*2. Nay các thương nhân cảng Bharka
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,*

*Đây là biển cả Khura đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Lúc bấy giờ đại dương này có nhiều kim cương. Bậc Đại sĩ suy nghĩ rằng nếu ngài bảo chúng bạn đây là biển kim cương, họ sẽ làm chìm tàu vì tham hốt nhiều kim cương, vì thế ngài không nói gì cả; song sau khi đưa thuyền đến, ngài lấy một sợi dây thừng và thả lưới xuống như thể bắt cá. Với dây này ngài đã hốt được một mớ kim cương và giấu trong thuyền, rồi ngài lựa những thứ ít giá trị quăng xuống biển.

Chiếc thuyền đi qua vùng biển này, đến một biển khác tên là Aggimàla (Vùng lửa cháy). Biển này tỏa ra ánh sáng như thể một ngọn lửa đang bùng cháy, như mặt trời đúng Ngọ. Các thương nhân hỏi ngài qua vần kệ này:

*3. Kia đại dương như ngọn lửa hồng,
Như vàng nhật chiếu, chúng ta trông,
Suppa, xin nói cho bè bạn,
Biển ấy tên gì có được không?*

Bậc Đại sĩ đáp lại họ qua vần kệ tiếp theo:

4. *Này các thương nhân ở Bharka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Aggi đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bây giờ biển này chứa đầy vàng, cũng như trước, ngài lấy lên một mớ vàng và cất lên thuyền. Qua khỏi biển này con thuyền đi đến một biển cả tên là Dadhimàla (Vũng sữa đông), óng ánh như sữa tươi hay sữa đông. Các thương nhân lại hỏi tên của biển qua vắn kệ:

5. *Kìa biển trắng phau giống sữa tươi,
Trắng như nhìn vũng sữa đông rồi,
Suppà, xin nói cùng bè bạn,
Tên gọi là gì của biển khơi?*

Bậc Đại sĩ đáp lại chúng bạn bằng vắn kệ tiếp theo:

6. *Này các thương nhân ở Bharka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Dadhi đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Trong biển này có rất nhiều bạc. Ngài lấy bạc theo cách như trước, rồi cất lên tàu. Chiếc

thuyền đi qua biển này và đến một đại dương tên là Nilavannakusamàla (Thảm cỏ Kusa), có hình dáng một thảm cỏ kusa đen nhánh (cỏ cát tường) hay một cánh đồng lúa. Các thương nhân lại hỏi tên biển qua vắn kệ:

*7. Kìa, biển xanh như cỏ cát tường,
Tưởng như nhìn đám lúa nàng hương,
Suppà, hãy nói cho bè bạn,
Tên gọi là gì của đại dương?*

Ngài đáp lời qua vắn kệ tiếp theo:

*8. Nay các thương nhân xứ Bharka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đại dương đây chính Kusa đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bây giờ trong biển này có rất nhiều ngọc bích quý. Cũng như trước, ngài lấy một mớ và cất trên thuyền. Qua khỏi biển này, con thuyền đi đến một biển tên gọi là Nalamàla (Bãi lau sậy), có hình dáng một bãi lau sậy hay một rừng tre. Các thương nhân hỏi tên biển qua vắn kệ:

*9. Kìa đại dương như một khóm lau,
Khác nào ta thấy rừng tre đâu,*

*Suppà, hãy nói cho bè bạn,
Biển cả này tên gọi thế nào?*

Bậc Đại sĩ đáp lại qua vần kệ sau:

*10. Đây các thương nhân xứ Bharka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Biển này tên gọi Nala đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bây giờ biển này đầy san hô với màu khóm tre, ngài lại hốt một mớ và cất lên tàu. Sau khi đi qua biển Nalamala, các thương nhân đến một biển có tên là Valabhàmukha (Lòng chảo). Ở đây nước rút đi và dâng lên một phía, và như vậy nước rút đi ở mọi phía và dâng lên trên các vách đá thẳng đứng để lại một vùng như thế cái hố sâu. Một đợt sóng dâng tràn lên một phía, khác nào một bức tường: ta lại nghe một tiếng gầm thét khủng khiếp, tưởng chừng làm thủng màng tai hoặc vỡ cả tim ta. Khi thấy cảnh này, các thương nhân kinh hoàng và hỏi tên biển qua vần kệ:

*11. Đây nghe tiếng thét thật kinh hoàng,
Từ biên cả kia thật dị thường!*

*Hồ thẳm, hãy nhìn, nhiều đợt sóng
Đâng lên dốc đứng tựa sườn non,
Suppà, hãy nói cho bè bạn,
Đây gọi tên gì của đại dương?*

Bồ tát đáp lại qua vần kệ:

*12. Nay các thương nhân xứ Bharka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Valabhà đại dương này đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Ngài nói tiếp:

- Nay các Hiền hữu, một khi thuyền vào trong biển Valabhàmukha này thì không thể nào trở về được. Nếu thuyền này vào đó, nó sẽ chìm và tan nát.

Bây giờ có cả bảy trăm mạng người trên thuyền này, họ đều sợ chết; nên họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu vô cùng thảm thiết, chẳng khác nào tiếng kêu la của những kẻ đang bị đốt cháy trong địa ngục sâu thẳm nhất. (Vô gián địa ngục). Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Trừ ta ra, không ai có thể cứu mạng họ được. Ta quyết cứu họ bằng một lời thề chân lý". Rồi

ngài nói lớn:

- Này các Hiền hữu, hãy mau mau tắm cho ta bằng nước hương thơm, mặc y phục mới cho ta, dọn ra một chén nước đầy và đưa ta đứng trước con thuyền.

Cả bọn vội làm như vậy. Bậc Đại sĩ cầm chén nước đầy bằng cả hai tay, vừa đứng trước mũi thuyền, thực hiện một lời nguyện cầu chân lý, vừa ngâm vãn kệ cuối cùng:

*13. Từ khi ta nhớ rõ về thân,
Trí tuệ đầu tiên phát khởi dần,
Không một người nào ta sát hại
Là điều ta đã biết tinh tường,
Nếu lời cầu nguyện này chân chánh,
Mong ước thuyền về chốn vạn an.*

Bốn tháng qua con thuyền đã du hành trong những vùng biển xa xôi nay dường như được ban thần lực siêu phàm, nên chỉ trong một ngày nó trở lại hải cảng Bharukaccha, vào tận trên đất liền cho đến khi dừng lại trước cửa nhà của vị thuyền trưởng kia, sau khi nhảy vọt qua một khoảng chừng một ngàn một trăm cubit (1

cubit = 45cm). Bậc Đại sĩ phân phát cho đám thương nhân tất cả vàng bạc, trân châu, san hô, kim cương và bảo:

- Số châu báu này là đủ cho các bạn rồi, vậy đừng du hành đường biển nữa.

Sau đó ngài thuyết pháp cho họ và đến khi đã làm xong các việc bố thí và các thiện sự suốt đời, ngài đi lên cộng trú với hội chúng cõi trời.

* * *

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, Bậc Đạo Sư bảo:

- Nay các Tỷ kheo, ngày xưa Như Lai cũng rất thông thái như bây giờ vậy.

Và Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời bấy giờ Hội chúng của Đức Phật là hội chúng thương nhân và Ta chính là Trí giả Suppàraka.

Nhận xét:

Trí tuệ viên mãn của Đức Phật là một trong những đề tài quan trọng nhất của bộ chuyện

Tiền thân.

Trí tuệ siêu việt của Ngài được trình bày dưới những hình thức thật đơn giản như trong số 387 - Chuyện Cây kim, khi Bồ tát là một chàng trai bán kim nghèo khó có tài làm một cây kim tinh xảo vô song; hoặc trong số 515 - Chuyện Nam tử Sambhava, khi Ngài chỉ là một cậu bé bảy tuổi đã biết giải thích vấn đề Chân Thiện cho cả một triều đình vua quan và dân chúng. Dần dần trí tuệ của Bồ tát đạt cao độ khi ngài so tài hùng biện chân chính với một số vua chúa và trí giả ngoại đạo cho đến cuối cùng ngài giành được sự cảm phục của các đối thủ như trong các số 545 - Chuyện Trí giả Vidhura, và số 546 - Chuyện Đường hầm vĩ đại, đó là những chuyện dài đặc sắc nhất của bộ chuyện Tiền thân.

Riêng trong Tiền thân này, Bồ tát là một thủy thủ tinh thông nghệ thuật hàng hải, nên dù đã mù lòa, ngài vẫn được bạn hữu tín nhiệm và mời ngài làm thuyền trưởng cùng họ vượt biển tìm vàng bạc.

Sau cơn bão, thuyền họ trôi giạt vào các đại dương xa lạ đầy nguy hiểm nhưng ngài vẫn biết rõ đặc tính và tên của mỗi vùng biển cùng các loại châu báu khác nhau của mỗi vùng. Tuy vậy, lúc nào ngài cũng biết vừa đủ không muốn lấy nhiều báu vật kéo sợ bất trắc xảy ra.

Và cuối cùng khi thuyền bị trôi vào vực xoáy tưởng chừng phải tan tành thì ngài đã đem hết uy lực của một người sống chân chính suốt đời để phát nguyện lời thề chân lý cứu nguy cho cả đoàn thủy thủ ấy.

Sau chuyến trở về bình an, ngài đã phân phát hết số tài sản cho họ và khuyên họ giải nghệ để sống cuộc đời trong gia đình thực hành các thiện sự ích lợi cho mọi người và bản thân.

Ghi chú:

[1] Jambudipa (Diêm phù đề): Xứ sở của cây Hồng Đào, tên nước Ấn Độ cổ đại.

[2] Dasabala (Thập Lực): một danh hiệu của Đức Phật, vì Ngài có mười thần thông lực.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 81, 12-2002)

14. Chuyện Đôi Ca thần Canda (999. Tiên thân Canda Kinnara)

"Chắc hẳn đời ta sắp sửa tàn...",

Chuyện này Bạc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Bồ Đề Lâm gần Kapilapura, về thân mẫu của Ràhula (La Hầu La) khi bà còn ở trong cung.

Đang lúc Ngài ngồi trong cung phụ vương, suốt buổi ăn Bạc Đạo Sư kể Tiên thân Mahàdhammàpàla (số 447) và sau khi buổi ăn đã xong, Ngài nói:

- Ta muốn tán thán những đức tính cao quý của mẹ Ràhula (La Hầu La) ngay ở nội thất bà bằng cách kể Tiên thân Canda Kinnara này.

Rồi vừa trao bình bát cho vua cha, Ngài cùng hai vị Đại đệ tử bước qua cung thất của mẫu thân La Hầu La. Thời ấy, có bốn mươi ngàn cung nữ giỏi ca múa hay đến bầu bạn với bà, trong đó có một ngàn chín mươi nàng là con gái dòng Sát đế ly. Khi bà nghe báo tin Đức

Như Lai đến viếng, bà ra lệnh tất cả đám cung nữ này đắp y vàng và hội chúng tuân lệnh.

Bạc Đạo Sư bước vào, ngồi xuống chỗ đã được dành sẵn cho Ngài. Lúc ấy cả hội chúng nữ nhân đều kêu lên một tiếng và than khóc rền rĩ. Sau khi để mặc dòng lệ tuôn tràn, bà mẹ của La Hầu La có đẹp nổi sâu riêng, đứng lên đánh lễ Bạc Đạo Sư và ngồi xuống với vẻ vô cùng tôn kính dành cho một vị vua. Lúc ấy phụ vương Ngài bắt đầu kể đức hạnh của bà:

- Bạch Thế Tôn, xin hãy nghe đây. Khi nàng hay tin Thế Tôn đã đắp y vàng, nàng cũng đắp y vàng, Thế Tôn bỏ hết các vòng hoa và đồ trang sức, nàng cũng bỏ hết mọi thứ và chỉ nằm ngồi dưới đất. Khi Thế Tôn đã xuất gia, nàng liền trở thành cô phụ và từ chối mọi tặng vật mà các vương tử khác gửi đến nàng. Lòng nàng bao giờ cũng trung thành với Thế Tôn.

Như thế, phụ vương của Ngài đã kể hết đức hạnh của nàng trong nhiều cách. Bạc Đạo Sư liền bảo:

- Thưa Phụ vương, thật không lạ gì ngày nay

trong đời cuối của Như Lai, công chúa này đã yêu thương, gìn giữ lòng trung thành đối với Như Lai và chỉ muốn được một mình Như Lai dìu dắt mà thôi. Quả vậy, ngay cả khi được sinh làm loài phi nhân, bà cũng giữ dạ thủy chung với phu quân mình mà thôi.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua cha, Ngài kể một chuyện quá khứ.

* * *

Một thời, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba La Nại, Bậc Đại sĩ được sinh trong vùng Tuyết Sơn làm một vị Tiên Kinnara (Khẩn Na La: Ca thần) tên là Canda hay Nguyệt Lang, vợ ngài là Candà hay Nguyệt Nga. Cả hai vị sống cùng nhau trên một hòn núi bạc tên là Candapabbata hay Nguyệt Quang.

Thời ấy vua Ba La Nại giao phó việc triều chính cho các quan đại thần, một mình vua khoác hai chiếc hoàng bào, trang bị năm thứ vũ khí và tiến về vùng Tuyết Sơn nọ.

Trong lúc đang thưởng thức món sơn hào, vua chợt nhớ nơi có con suối nhỏ, nên bắt đầu leo

lên đồi. Thời bấy giờ đôi tiên sống trên đỉnh Nguyệt Sơn thường ở trong núi vào mùa mưa, và chỉ xuống núi vào mùa nắng. Vừa lúc ấy tiên nam Canda cùng vợ hạ sơn và đi quanh quẩn. Đôi tiên tắm nước hoa, ăn phấn hoa, mặc xiêm y bên trong lẫn bên ngoài đều bằng thứ lụa sa dệt từ bông hoa, vừa lắc lư trong đám cây cát đằng (dây leo), vừa vui đùa ca hát bằng một giọng ngọt ngào như mật.

Vị tiên nam tiến dần đến con suối này và tại một chỗ dừng chân bên suối, chàng bước xuống cùng vợ rắc hoa khắp mặt suối vừa vui đùa dưới nước. Khi cả hai vị đã mặc lại xiêm y bằng hoa xong, trên một khoảng cát trắng, sáng loáng như một tấm bạc, hai vị trải hoa làm sàng tọa và nằm xuống. Vừa lượm được một khúc cây trúc, vị tiên nam bắt đầu thổi sáo, vừa ca hát ngọt ngào như mật rót vào tai, trong lúc tiên nữ uốn lượn đôi tay mềm mại, vừa nhảy vừa hát ca gần đó.

Nhà vua nghe tiếng hát, liền đi rón rén để đừng ai nghe lọt bước chân, vừa đến gần ngắm nghĩa đôi tiên từ một nơi nấp kín đáo. Vua bỗng

nhiên sinh ra si tình tiên nữ và nghĩ thâm: "Ta muốn bắt chàng kia và sống ở đây với vợ chàng". Sau đó vua liền nhắm bắt trọng thương vị tiên nam Canda. Chàng đau đớn thốt lên bốn vần kệ:

*1. Chắc hẳn đời ta sắp sửa tàn,
Máu ta đang chảy xiết, tuôn tràn,
Ta dần mất hết nguồn sinh lực,
Hơi thở đang thoi thóp, hơi nàng!*

*2. Ta đang chìm ngập với đau thương,
Lòng dạ ta đang đốt cháy bùng,
Song bởi chính nàng sâu, Nguyệt hỡi,
Mà tim ta cảm xúc khôn lường.*

*3. Như cỏ cây, ta cứ lụi tàn,
Héo hon như sỏi sạn khô dân,
Lòng đầy xúc cảm, Can-dà hỡi,
Vì nỗi buồn đau của chính nàng.*

*4. Dòng lệ tuôn từ cặp mắt ta
Như mưa chân núi chảy vào hồ,
Bởi vì lòng dạ đầy thương cảm,
Cho nỗi sâu nàng, hỡi Nguyệt Nga!*

Bậc Đại sĩ than khóc như vậy qua bốn vần kệ

trong khi quần quai trên sàng tọa bằng hoa, rồi bất tỉnh quay mặt đi. Nhà vua vẫn đứng ở nơi đã nấp. Còn tiên nữ không biết Bạc Đại sĩ vừa bị thương, ngay khi ngài than khóc như thế, nàng cũng không hay biết, vì nàng đang say sưa với niềm hoan lạc của mình. Nhưng khi thấy ngài quay đi và nằm bất động, nàng bắt đầu tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với vị phu quân. Vội đến quan sát chồng, nàng thấy máu đang chảy ra từ miệng vết thương, nên không thể nào chịu đựng nổi cơn đau đớn khủng khiếp trước tình cảnh phu quân yêu quý của mình, nàng kêu gào thất thanh.

"Vị tiên nam ắt hẳn đã chết", vua thầm nghĩ và bước ra lộ diện. Khi tiên nữ Candà thấy vua, nàng nghĩ thầm: "Đây hẳn là kẻ cướp đã giết chồng yêu quý của ta", và nàng run rẩy chạy trốn. Khi đã đứng trên đỉnh đồi, nàng kết tội vua quyết liệt qua năm vắn kệ:

*5. Ôi khổ thân ta, chúa bạo tàn!
Nhà người đã bắn trọng thương chàng,
Nay chàng nằm đó, trên đất lạnh,
Dưới một góc cây, giữa núi ngàn.*

6. Vương tử! Sâu đau xé ruột này,
Ta mong thái hậu phải đền thay!
Mối sầu đang bóp tim tan nát,
Khi thấy chàng yêu đã chết đây.

7. Vương tử! Sâu đau xé ruột này,
Ta mong vương hậu phải đền thay!
Mối sầu đang bóp tim tan nát
Khi thấy chàng yêu đã chết đây.

8. Mong thái hậu nay khóc phụ hoàng,
Và sau lại phải khóc hoàng nam,
Kẻ vì tham dục đang làm ác
Cho chính chồng ta thật uổng oan.

9. Ước mong vương hậu phải chờ trông
Tình cảnh mắt con lẫn mắt chồng
Là kẻ vì tham, làm việc ác
Cho chàng vô tội, chính phu quân.

Sau khi nàng kêu gào than khóc như vậy qua năm vắn kệ trên, nhà vua vừa đứng trên đỉnh núi cất tiếng an ủi nàng qua một vắn kệ khác:

10. Thôi đừng than khóc, chớ sầu thương,
Ta chắc rình đêm quáng mắt nàng:
Cung điện vua ban nàng diễm phúc,

Nàng làm hoàng hậu của quân vương!

- Người vừa nói gì thế?

Tiên nữ Candà thét lên khi nghe lời này, và nàng cất giọng sư tử hồng hùng hồn đáp lời:

11. Không, ta đành kết liễu cuộc đời!

Ta chẳng bao giờ muốn lấy người,

Người giết chồng ta nào có tội,

Tất cả vì tham ái ta thôi!

Khi nghe lời này, lòng say mê của vua đổi với nàng đều tan hết, sau đó, vua liền ngâm một vần kệ khác nữa:

12. Sống cho thỏa nguyện, hỡi tiên nương,

Thôi hãy quay về đỉnh Tuyết Sơn,

Ta biết có nhiều loài thú vật

Ăn toàn cỏ hoa, mền rừng hoang.

Cùng với những lời này, vua bình thản bỏ đi. Ngay khi Candà biết vua đi rồi, nàng bước đến ôm lấy Bạc Đại sĩ đem tận đỉnh đồi và đặt ngài nằm trên một chỗ đất bằng phẳng tại đó; vừa kê đầu ngài lên lòng nàng, nàng vừa than thở qua mười hai vần kệ sau:

13. Đây giữa vùng đôi núi, đỉnh cao,
Trong nhiều thung lũng, dưới hang sâu,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì bóng chàng nay thiếp thấy đâu?

14. Thú rừng lang bạt khắp nơi nơi,
Lá trái trên nhiều chón đẹp tươi,
Thiếp phải làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì nay chàng vắng bóng trên đời?

15. Dã thú tung hoành, hoa ngát hương
Lan tràn bao chón đẹp hoang đường,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn đâu thấy bóng chàng?

16. Trong veo, nhiều suối chảy ven đồi,
Hoa dại muôn ngàn, phủ khắp nơi,
Thiếp phải làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì nay chàng bỏ thiếp đơn cô?

17. Xanh thẳm là đôi núi Tuyết San,
Khi nhìn, đôi núi đẹp vô vàn,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn đâu thấy bóng chàng?

18. Bao đỉnh Tuyết Sơn nhuộm ánh vàng,
Nhìn xem đôi núi đẹp huy hoàng,

Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì thiếp còn đâu thấy bóng chàng?

19. Đồi núi Tuyết Sơn đỏ rực lên,
Núi đồi tuyết diệu lúc nhìn xem!
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì thiếp còn đâu thấy bóng tiên?

20. Tuyết Sơn đỉnh nhọn vút trời cao,
Đồi núi nhìn xem đẹp biết bao!
Thiếp sẽ làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì nay thiếp chẳng thấy chàng đâu?

21. Láp lánh, Tuyết Sơn đỉnh trắng ngàn,
Nhìn xem đồi núi đẹp muôn phần!
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn trông thấy Nguyệt quân?

22. Tuyết Sơn lại đổi sắc cầu vòng,
Tuyết diệu là khi đứng ngắm trông!
Thiếp phải làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì không còn được thấy lang quân?

23. Đồi Hương thân thiết với yêu ma,
Khắp chốn phủ đầy vạn cỏ hoa,
Thiếp phải làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì đâu còn thấy bóng Canda?

24. *Thần tiên yêu mến ngọn đôi Hương, [1]
Cây cỏ bao quanh khắp nẻo đường,
Thiếp sẽ làm gì, chàng Nguyệt hời,
Vì đâu còn thấy bóng chàng thương?*

Nàng cứ than thở mãi như vậy, rồi khi cầm tay Bạc Đại sĩ đặt lên ngực nàng, nàng thấy tay ngài còn ấm. Nàng nghĩ thầm: "Canda còn sống đây, ta quyết khiêu khích các thần linh cho đến khi chàng được sống lại!". Rồi nàng lớn tiếng quở trách các thần:

- Chẳng có vị thần nào cai trị cõi trần hay sao? Các ngài đi ngao du ở đâu cả rồi? Chắc hẳn các ngài chết hết rồi nên chẳng còn ai cứu mạng chồng yêu quý của ta đây!

Vì uy lực nổi khổ đau thống thiết của nàng, chiếc gai của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nóng rực lên. Khi xét kỹ, ngài thấy rõ nguyên nhân, liền giả dạng một vị Bà la môn đến gần nàng, cầm bình nước thần d泼 rảy lên mình Bạc Đại sĩ. Trong chốc lát, thuốc độc mất công hiệu, sắc mặt ngài trở lại tươi tỉnh, ngài cũng không còn biết gì đến chỗ bị thương nữa. Bạc

Đại sĩ đứng dậy hoàn toàn hồi phục.

Khi Candà thấy vị phu quân muôn vàn yêu quý của mình đã hoàn toàn bình an, nàng hân hoan quì xuống chân của Đế Thích Thiên chủ, tán thán ngài qua vần kệ:

*25. La môn Thánh giả đáng tôn vinh!
Cho phận thiếp đây kém phước lành
Được thấy phu quân đây ái kính,
Rảy lên chàng thánh được hồi sinh!*

Sau đó Đế Thích Thiên chủ khuyên như:

- Từ rày về sau hai vị đừng xuống khỏi đỉnh Nguyệt Sơn ra giữa đường đi của loài người nữa, mà cứ ở chốn đây thôi.

Ngài lặp lại câu này hai lần rồi trở về cõi của ngài. Còn Candà hỏi chồng nàng:

- Nay phu quân, sao ta lại ở chốn đây nguy hiểm này? Ta hãy mau về đỉnh Nguyệt Sơn.

Rồi nàng ngâm vần kệ cuối cùng:

*25. Ta hãy lui về đỉnh Nguyệt san,
Nơi khe suối diễm lệ tuôn tràn,
Suối khe phủ ngập đầy hoa lá,*

*Mãi mãi chốn kia, gió nhẹ nhàng
Thầm thì len qua ngàn cỏ thụ,
Mãi mê trò chuyện, phút bình an.*

* * *

Khi Bạc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này,
Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ, mà ngày xưa cũng thế, Công chúa luôn luôn tận tụy và giữ lòng trung thành với Ta.

Rồi Ngài nhận diện Tiên thân:

- Vào thời ấy, Anuruddha (A Na Luật Đà) là vua, mẹ của La Hầu La (Ràhulamàtà) là tiên nữ Candà và Ta chính là vị tiên nam.

Nhận xét:

Đây là một trong những chuyện tình lãng mạn gây xúc động nhất trong bộ Chuyện Tiên thân.

Theo truyền thuyết kinh điển, khi vị đạo sĩ Sumedha (Thiện Tuệ), tiên thân Đức Phật Thích Ca, được Đức Cổ Phật Dipankara

(Nhiên Đăng) thọ ký để thành Phật, có một thiện nữ phát đại nguyện làm bạn đời của Ngài qua vô lượng kiếp cho đến ngày Ngài đắc quả Vô thượng Giác ngộ.

Đại nguyện này đã được thể hiện qua những mối tình chung thủy giữa nàng và Bồ tát, tiền thân Đức Phật dưới nhiều hình thức khác nhau: từ đôi chim bồ câu, thiên nga hay quạ, cho đến đôi vợ chồng vương giả trong cung điện, bao giờ nàng cũng nêu bật những đức tính cao đẹp của nàng bên cạnh Bồ tát trong suốt cuộc sống ấy.

Đặc biệt ở đây, Bồ tát và nàng là đôi ca thần Kinnara (Khẩn Na La), một loài thần tiên ở núi rừng có giọng ca tuyệt vời nhất trên thế gian và luôn sống quấn quít bên nhau không rời ngay cả trong hiểm nguy hoạn nạn.

Đức Phật đã kể chuyện Tiền thân này trong lúc Ngài trở về thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) để thăm gia đình lần đầu tiên khoảng năm năm sau ngày Ngài thành đạo.

Khi nghe phụ vương Ngài (Suddhodana: Tịnh

Phạn) ca ngợi đức hạnh của công chúa Yasodhara tức bà mẹ của Tôn giả Rahula, Đức Phật xác nhận không chỉ đời này, mà trải qua vô lượng đời trước, dưới nhiều hình thức tái sinh, bà cũng đã giữ lòng chung thủy đối với Ngài và chỉ muốn Ngài dìu dắt trên đời mà thôi. Câu chuyện này là một ví dụ để minh chứng điều ấy.

Phải chăng lời nói ấy của Ngài ngụ ý rằng qua vô lượng đời trước, bà đã thực hiện lời nguyện cao cả của bà là hỗ trợ Bồ tát trong mọi cảnh đời trên con đường tâm cầu chân lý qua mọi nẻo luân hồi, đến nay sứ mạng ấy đã được hoàn mãn, Ngài đã đắc quả Vô thượng Giác ngộ và trở thành Bạc Đạo Sư hướng dẫn mọi loài ở cõi trời và cõi người, thì phần bà cũng nên đi theo con đường do Ngài khám phá ấy để được giác ngộ, thoát ly sinh tử như Ngài?

Chắc hẳn về sau bà cũng đã nhận thức được lời gợi ý sâu xa kia, cho nên khi Tôn giả Rahula đã xuất gia theo Đức Phật, bà cũng đã cùng nhiều vị Thích nữ trong hoàng tộc xuất gia tu tập Thánh đạo và đắc quả Giác ngộ ngay đời

hiện tại này.

Nhân dịp Xuân về, cũng là dịp lễ Đức Phật Thành đạo theo truyền thống Bắc tông, tôi xin gửi đến các đạo hữu gần xa câu chuyện Tiên thân đặc biệt này để tưởng niệm hồng ân Đức Phật đã hy sinh cuộc sống đời thường để đi tìm chân lý và chỉ đường cho những ai muốn tu tập giải thoát giác ngộ như Ngài.

Ghi chú:

[1] Gandha-madana (đồi Hương): tên một ngọn núi ở dãy Hymalaya (Tuyết Sơn), nơi có nhiều hoa thơm cỏ lạ và nhiều loài thần tiên ma quỷ cư ngụ.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 82, 01-2003)

15. Chuyện Cây Kim (Số 387- Tiên thân Suci)

"Xâu nhanh, trơn láng, thẳng ngay" ...

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, về sự thành tựu Tối thẳng trí [1]. Hoàn cảnh câu chuyện sẽ được kể trong Tiên thân

Mahàummagga, số 546. Bạc Đạo Sư bảo chư Tăng: Nay các Tỳ kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai [2] trí tuệ và nhiều phương tiện thiện xảo. Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadata (Phạm Thọ) trị vì tại Benares (Ba La Nại), Bồ tát [3] được sinh ra ở quốc độ Kàsi (Ca Thi) trong nhà một thợ rèn và khi lớn lên, ngài rất tinh thông nghề này. Cha mẹ ngài rất nghèo. Không xa làng này có một làng khác gồm một ngàn nhà. Người trưởng nghiệp đoàn của cả ngàn thợ rèn này là người được vua ân sủng, giàu tiền của và thế lực. Con gái vị này cực kỳ diễm lệ, chẳng khác nào một thiên nữ, đầy đủ mọi hảo tướng cát tường của một mệnh phụ phu nhân. Nhiều người từ các làng chung quanh đến nhờ rèn dao kiếm, rìu búa, lưỡi cày, gậy nhọn... đều trông thấy nàng...

Khi họ trở về làng, họ ca tụng sắc đẹp của nàng ở những nơi có đàn ông tụ tập và nhiều nơi

khác. Chỉ mới nghe nói về nàng thêu, Bồ tát đã cảm thấy say mê và nghĩ thầm: "Ta sẽ lấy nàng làm vợ". Vì thế, ngài lựa thứ sắt tốt nhất, làm một cây kim thật cứng và mảnh có thể đâm thủng con súc sắc và nổi trên nước. Rồi ngài làm một cái bao bọc ngoài nó cùng thứ sắt ấy và cũng đâm thủng con súc sắc với bao kim kia.

Theo cách ấy, ngài làm bảy cái bao kim, phương pháp ngài làm chúng ra sao không được tiết lộ, vì việc ấy thành tựu nhờ trí tuệ hiểu biết vĩ đại của ngài. Sau đó ngài đặt kim vào ống và để ống vào một cái hộp, ngài đi vào làng kia, hỏi đường đến nhà người trưởng phường thợ rèn. Rồi đứng tại cửa nhà ấy, ngài hỏi:

-- Ai muốn mua cây kim loại đặc biệt này của tôi đổi lấy tiền chằng?

Và vừa đứng cạnh nhà ông trưởng phường thợ rèn, ngài ngâm vần kệ đầu tiên miêu tả cây kim:

1. Xâu nhanh, trơn láng, thẳng ngay

*Được bôi lóng nhoáng bột mài xanh xanh,
Đầu kim sắc nhọn, thanh thanh,
Kim đây, ai muốn mua mình bán cho?*

Sau đó ngài lại ca tụng cây kim lần nữa qua vần kệ thứ hai:

*2. Xâu nhanh, vững mạnh, thẳng ngay,
Thân kim khéo luyện tròn đầy đẹp sao!
Sắt kia cũng sẽ xuyên vào.
Kim đây! Ai muốn mua nào ai ơi!*

Lúc ấy cô gái đang quạt cho cha bằng chiếc quạt lá thốt nốt trong lúc ông nằm trên chõng tre để được thoải mái sau buổi điếm tâm. Khi nghe giọng ngọt ngào của Bồ tát, nàng đã cảm thấy buồn nôn như thể nuốt một miếng thịt sống, và phải làm cho sự khó chịu ấy tan biến bằng cả ngàn ấm nước, nàng bảo:

-- Người nào đây lại có thể rao bán kim với giọng ngọt ngào như thế trong một làng thợ rèn? Người ấy đến đây vì việc gì? Ta phải tìm xem sự việc ra sao.

Vì thế, nàng đặt cây quạt xuống và bước ra nói chuyện với ngài bên ngoài, đứng ở hành lang.

Mục đích của chú Bồ tát luôn đạt thành tựu: chính vì nàng mà ngài đã đến ngôi làng này. Nàng bảo ngài:

-- Nay cậu, dân chúng trong nước đều đến làng này mua kim và các vật dụng tương tự. Còn cậu lại muốn bán kim trong làng thợ rèn thật là điên rồ! Dù cậu có ca tụng kim của cậu suốt ngày, cũng không ai mua hàng của cậu đâu! Nếu cậu muốn được giá thì qua làng khác. Thế rồi nàng ngâm hai vần kệ:

*3. Móc câu ta đã bán rồi,
Làng trên xóm dưới ai người chẳng hay,
Thợ rèn ta ở thành này,
Còn ai bán được kim may nữa à?*

*4. Nghề rèn nổi tiếng chúng ta,
Việc làm khí cụ ai mà sánh ngang?
Thợ rèn ta ở trong làng,
Ai còn đem bán kim mang tới mình?*

Bồ tát nghe lời nàng, vội đáp:

-- Thừa cô nương, cô nói vậy là do không hiểu biết gì cả đó.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ tiếp theo:

*5. Thợ rèn ở cả trong thành,
Nhưng người tài bán kim mình mới hay!
Tổ sư nghề sẵn trong tay,
Món hàng đệ nhất mua ngay kéo hoài!*

*6. Một khi nghiêm phụ biết rồi
Cây kim này đã do tôi tự làm,
Tôn ông chắc chắn sẽ ban
Gia tài sản nghiệp cùng nàng cho tôi.*

Người trưởng phường rèn nghe toàn thể câu chuyện, bèn gọi con gái vào hỏi:

-- Con đang nói chuyện với ai đó?

-- Thưa cha, một cậu trai bán kim.

-- Thế cho gọi cậu ấy vào đây.

Nàng ra gọi ngài vào. Bỏ tất cung kính chào vị trưởng phường rèn xong, đứng sang một bên.

Vị ấy hỏi:

-- Cậu ở làng nào?

-- Thưa tôn ông, tôi ở làng nọ, là con trai gia đình thợ rèn kia.

-- Tại sao cậu đến đây?

-- Thưa, để bán kim.

-- Nào, đưa ta xem thử kim của cậu.

Bồ tát mong muốn công bố mọi đặc tính của ngài giữa nhiều người, bèn nói:

-- Một vật được nhiều người xem lại chẳng tốt hơn chỉ được một người xem hay sao?

-- Này anh bạn, đúng lắm.

Vì thế, vị phùng trưởng tập họp tất cả thợ rèn lại, và đứng giữa đám đông, ông bảo:

-- Nào anh bạn, hãy lấy kim ra đây.

-- Thưa tôn ông, xin hãy bảo lấy một cái đe và một cái đĩa bằng đồng đựng đầy nước ra đây.

Việc ấy được thực hiện ngay. Bồ tát lấy cây kim ra khỏi hộp đưa cho đám kia xem. Ông trưởng phùng rèn cầm lấy và hỏi:

-- Đây là cái kim chẳng?

-- Không, đó không phải là cái kim, mà là cái cái bao.

Ông phờng trưởng quan sát kỹ cũng không thấy đầu đuôi gì cả. Bò tát lấy lại, dùng móng tay rút cái bao ra và chỉ cho mọi người:

-- Đây là cây kim, đây là cái bao.

Ngài đặt cây kim trong tay ông phờng trưởng và cái bao dưới chân. Ông phờng trưởng lại bảo:

-- Ta chắc đây là cây kim rồi.

Ngài đáp:

-- Đây cũng chỉ là cái bao kim.

Rồi ngài lấy móc tay đánh bật nó ra và cứ thế ngài đặt sáu cái bao liên tiếp dưới chân vị phờng trưởng và nói:

-- Đây là cây kim, và đặt kim vào tay vị kia.

Cả ngàn người thợ rèn búng ngón tay một cách thích thú và bắt đầu vẩy khăn tung hô. Sau đó vị trưởng phờng hỏi:

-- Này anh bạn, thế cây kim này có sức mạnh thế nào?

-- Thưa tôn ông, hãy bảo một người lực lưỡng

nâng nghiêng cái đe này lên và đặt chậu nước dưới cái đe. Sau đó đâm thẳng cây kim vào đe.

Vị ấy bảo làm đúng như vậy và đâm đầu nhọn của kim vào cái đe. Cây kim xuyên thủng cái đe và nằm ngang mặt nước không nhích lên hay lệch xuống tí nào dù chỉ bằng một sợi tóc.

Mọi người thợ rèn đồng thanh bảo:

-- Chúng ta chưa từng bao giờ nghe, thậm chí qua lời đồn đại, rằng hiện có những người thợ rèn như thế này!

Như thế họ lại búng ngón tay và tung vẩy cả ngàn chiếc khăn.

Ông phường trưởng gọi cô con gái vào, và đứng giữa đám đông, ông bảo:

-- Đây là cô gái xứng đôi với cậu.

Ông liền rót nước giao kết trên tay hai vị và trao nàng cho ngài đem đi.

Về sau, khi vị trưởng phường qua đời, Bô tát trở thành trưởng phường rèn trong làng ấy.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Thánh đế và nhận diện tiền thân: "Thời ấy, con gái người trưởng phùng rên là mẫu thân Ràhula [4], chàng thợ rên thông minh chính là Ta vậy."

-ooOoo-

NHẬN XÉT:

Đây là truyện tiền thân rút ra từ tập III, chương 6 với sáu bài kệ.

Nhân một buổi họp tại Chánh pháp đường, chư Tăng ca ngợi trí tuệ viên mãn tối thượng của Đức Phật và trình đề tài ấy lên Ngài. Sau đó, theo lời yêu cầu của chư vị, Ngài kể chuyện quá khứ này để chứng minh trí tuệ đặc biệt phi thường của Ngài trong các đời trước.

Trong tiền thân ấy, Bồ tát chỉ là một người thợ rên nghèo khó ở địa vị hèn kém trong xã hội, nhưng nhờ có trí thông minh khác người, ngài đã lập được một kỳ công là làm một cây kim có sức mạnh đặc biệt nằm trong sáu bao kim. Khi rút ra, cây kim có thể đâm thủng hòn đe và đứng thẳng trên mặt nước trước sự thán phục

của mọi người thợ rèn, và sau đó Bồ tát được vị trưởng phường rèn gả cô con gái tuyệt sắc đã từng làm mọi chàng trai mơ ước, trong số đó có Bồ tát. Người con gái ấy chính là tiền thân của mẫu thân Tôn giả Ràhula, thường được gọi là công chúa Yasodharà (Da Du Đà La). Theo truyền thống kinh điển, khi bồ tát còn là vị đạo sĩ Sumedha được thọ ký thành Phật dưới chân Đức Phật Dipankara (Nhiên Đăng), có một thiện nữ nhân đã phát nguyện làm bạn đời của Bồ tát qua vô lượng kiếp sinh tử luân hồi cho đến khi Ngài thành đạo Vô thượng Giác ngộ. Về sau, chính nàng cũng được cảm hóa vào đạo pháp của Ngài và chứng đắc Thánh quả A la hán.

Mối nhân duyên tốt đẹp phi thường giữa Bồ tát và mẫu thân Ràhula đã là một trong những đề tài chính của bộ truyện tiền thân và truyện này là một ví dụ chứng minh.

Nhân dịp đầu Xuân Tân Tỵ, tôi xin gửi đến chư vị đạo hữu một chuyện đời xưa, nêu rõ trí tuệ phi thường của Bồ tát tiền thân Đức Phật lòng trong một mối kỳ duyên giữa đôi trai tài gái

sắc đầy nét thơ mộng lãng mạn, diễn tả một chàng trai si tình đã yêu say đắm dù chưa gặp mặt cô gái, đó là một đặc điểm rất phù hợp với tình người muôn thuở và đã đem lại niềm hy vọng nhẹ nhàng cho người học đạo qua mọi thời đại.

-ooOoo-

Ghi chú:

[1] *Tối thắng trí*: trí tuệ viên mãn tối thượng của Đức Phật sau khi Ngài thành đạo dưới cội bồ đề.

[2] *Như Lai*: (Tathagata): nguyên nghĩa: vị đến như vậy, tức là vị đã đạt chân lý. Đây là tiếng Đức Phật dùng để xưng mình.

[3] *Bồ tát* (Bodhisattva): nguyên nghĩa: vị hữu tình hướng đến giác ngộ giải thoát. Ở đây chỉ nhân vật tiền thân của Đức Phật trong các đời trước của Ngài, dù là thần tiên, người hay thú vật v.v...

[4] *Mẫu thân Ràhula* (Ràhulamàtà): tên gọi công chúa Yasodharà hay Bimbadevi trong

kinh điển Pàli.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 59, 02-2001)

16. Chuyện Ác Hạnh *(Số 396. Tiền thân Kukku)*

"Cái nóc nhà này cao thước rưỡi..."

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khuyên giáo một quốc vương.

Hoàn cảnh này sẽ xuất hiện trong Tiền thân Tesakuna, số 521.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba La Nại, Bô tát là quốc sư về thế sự cũng như thánh sự. Vua ấy đi theo tà đạo, cai trị bất chánh và thô góp tài sản bằng cách đàn áp dân chúng. Bô tát muốn khuyên giáo vua, liền đi quanh quần tìm một ví dụ.

Bấy giờ, nội thất trong cung làm chưa xong, nên mái nhà trên ấy chưa hoàn chỉnh. Các cây rui chống đỡ nóc nhọn chỉ vừa mới được đặt vào đúng vị trí. Vua đã du ngoạn trong ngự

viên, khi trở về cung, vua nhìn lên và thấy nóc nhà hình tròn, sợ nó sẽ rớt, vua bước ra đứng bên ngoài, rồi lại nhìn lên và suy nghĩ: "Làm thế nào nóc nhà này đứng yên như vậy? Các rui này ra sao?"

Vua liền ngâm vần kệ đầu hỏi Bồ tát:

*1. Cái nóc nhà này cao thước rươi,
Tám cây kèo lớn đỡ quây quần
Bằng sim-sa với sà-ra [1] nữa,
Bởi vậy nóc nhà đứng vững chăng?*

Nghe vậy, Bồ tát suy nghĩ: "Ta đã có được một ví dụ để khuyên giáo vua." Ngài liền ngâm các vần kệ sau:

*2. Ba mươi rui nhỏ gỗ sà-ra
Được xếp đầu quanh dưới mái nhà,
Áp sát vào nhau nâng thật vững,
Cho nên nóc nhà đứng thẳng ngay mà.*

*3. Vậy người có trí được quây quần
Với quốc sư hiền, bạn tận trung,
Sẽ chẳng sa cơ lúc mặt vận,
Như rui đỡ nóc mái thẳng bằng.*

Trong lúc Bồ tát đang nói, vua xem xét kỹ hành vi xử thế của mình: "Nếu không có nóc nhà thì các cây rui không đứng vững; nóc nhà cũng không đứng vững nếu không được các cây rui nâng đỡ. Nếu các cây rui gãy thì nóc nhà sụp đổ. Cũng vậy, một vị vua ác hạnh không tập hợp các thân bằng, đại thần, quân đội, Bà la môn và gia chủ lại với nhau, và nếu đám quân thần tan rã, vua không được nâng đỡ sẽ mất hết quyền lực, vì thế vua phải sống công chính."

Ngay lúc ấy, đám thị nữ đem dâng vua một quả bưởi. Vua bảo Bồ tát:

-- Này hiền hữu, hãy ăn bưởi này.

Bồ tát cầm bưởi và thưa:

-- Tâu Đại vương, người nào không biết cách ăn bưởi sẽ làm cho nó đắng hoặc cay. Song người có trí biết cách lấy chất đắng ra, và không bỏ chất chua, hoặc làm hỏng hương vị của bưởi khi ăn bưởi.

Rồi dùng thí dụ này, ngài trình bày với vua cách tạo tài sản chân chánh qua hai vần kệ:

4. Ăn bưởi luôn phân vỏ đắng cay,
Nếu không gọt vỏ với dao này,
Chỉ ăn phần ruột là thơm ngọt,
Nếu thêm vỏ thì hết ngọt ngay.

5. Vậy người có trí chẳng hung tàn
Thâu góp thuế trong các xóm làng,
Tặng sản nghiệp nhưng không phạm tội.
Bước đường chân chánh tạo danh vang.

Vua vừa tham vấn Bồ tát vừa đi đến hồ sen, khi nhìn một hoa sen đang nở có màu sáng đẹp như mặt trời mới mọc, không bị nước làm ô nhiễm, vua bảo:

-- Này hiền hữu, hoa sen kia mọc thẳng lên không bị nước làm ô nhiễm sắc hương.

Bồ tát liền đáp lại:

-- Tâu Đại vương, một vị vua cũng phải như vậy.

Và ngài ngâm các vần kệ này để khuyên giáo:

6. Như hoa sen nở ở trong hồ

7. Rễ trắng, nước trong bảo dưỡng cho,
Dưới ánh mặt trời hoa nở đẹp

Không hề bụi bặm chẳng bùn nhờn.

*8. Vậy người có đức hạnh đưa đường,
Khéo luyện ôn nhu, đủ thiện lương,
Như đóa sen trong hồ nước ấy,
Bùn nhờn chẳng cấu ứ tâm can.*

Vua nghe lời Bồ tát khuyên giáo từ đó về sau trị nước chân chánh và thực hành các thiện sự, bố thí cùng nhiều phước nghiệp khác, nên được tái sanh lên Thiên giới.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các Thánh đế và nhận diện Tiền thân: "Thời ấy, vua là Ananda và vị quốc sư có trí chính là Ta vậy."

-ooOoo-

Nhận xét:

Giảng dạy cho vua chúa về cách trị nước là một trong những đề tài quan trọng của bộ chuyện Tiền thân. Hàng chục chuyện dài được xây dựng quanh chủ đề này, chưa kể những chuyện ngắn lồng vào những đề tài khác rải rác

khắp bộ chuyện. Ngay trong thời gian đầu tiên Đức Phật đi thuyết pháp độ sanh, Ngài đã đến viếng Đại vương Bimbisàra như đã hứa trước kia và thuyết giáo vua ấy cùng quần thần tại thành Ràjagaha (Vương Xá). Vua đặc quả Dự lưu liền cúng dường Đức Phật tinh xá Veluvana (Trúc Lâm) và trở thành đệ tử trung kiên của Ngài.

Về sau, vua Pasenadi nước Kosala cũng tìm đến Đức Phật để nghe Ngài thuyết pháp và trở thành đệ tử tại gia của Ngài. Mỗi tình thân hữu giữa Đức Phật và vua Pasenadi kéo dài hàng chục năm sau đó đã tạo nhiều cơ hội thuận lợi để Ngài thuyết pháp cho vua về nhiều vấn đề liên hệ đời sống tại gia của một vị vua, và những kinh ấy đã được chư vị kết tập kinh điển đưa vào bộ kinh Tương Ưng với nhan đề "**Tương Ưng Kosala**". Mỗi thân tình này kéo dài cho đến tận ngày cuối đời của vua được diễn tả qua kinh **Dhammacetiya** (*Pháp Trang Nghiêm, kinh Trung Bộ số 89*), trước khi vua băng hà ngay sáng hôm sau đó.

Kinh điển nguyên thủy cũng ghi lại sự giáo hòa

Đức Phật dành cho biết bao vua chúa, vương tử đương thời như vua Udena, Ajàtasattu, cùng một số quốc vương khác. Điều này chứng tỏ Ngài rất quan tâm đến đời sống của các vị vua chúa vì họ là giai cấp trực tiếp cai trị đất nước, có thể đem hạnh phúc hay khổ đau cho dân chúng tùy theo cách suy nghĩ và hành động của họ. Đặc biệt qua bộ Chuyện Tiền thân, ta gặp biết bao vua chúa độc ác được Bồ tát, Tiền thân Đức Phật, khuyến giáo và Bồ tát luôn thuyết giảng Thập vương pháp cho vua chúa nghe dù Ngài đang ở trong hình thức tái sinh làm chim muông, thú vật, hay thần tiên, thiên chủ v.v... Đối với Đức Phật, Thập vương pháp (Dasa-ràjahammà) là mười đức tính của một vị minh quân mà bất cứ vua chúa nào cũng phải học tập, đó là (1) Bố thí, (2) Giới đức, (3) Hy sinh, (4) Chân chánh, (5) Nhân từ, (6) Tiết độ, (7) Vô sân, (8) Bất hại, (9) Kham nhẫn và (10) Không trái lòng dân. Những đức tính này sẽ khiến vua cai trị công bằng chính trực, lấy hạnh phúc của muôn dân làm mục tiêu cai trị của mình, và điều này sẽ đem lại hạnh phúc thực sự cho bản thân vua ấy ở đời này cùng đời

sau.

Như trong chuyện Tiên thân này, Bồ tát dạy một vị vua hiền phải được một nhóm triều thần tốt phò tá mới có thể vững vàng ngự ngôi báu. Nếu vua được nịnh thần xúi giục làm điều ác sẽ đưa đến sự suy tàn của triều đại ấy.

Đối với quần chúng thân dân, vua không thụ hưởng lợi nhuận bất chánh bằng sưu cao thuế nặng để tránh gây đau khổ và oán hận đối với dân, cũng như ta ăn bưởi phải chừa phần vỏ kéo nêm phải vị đắng cay. Tóm lại, một vị vua có danh tiếng tốt đẹp chẳng khác gì một đóa sen nở thơm ngát dưới ánh mặt trời không bị bùn lầy vấy bẩn.

Những lời dạy của Đức Phật đối với các nhà lãnh đạo đất nước mang đầy tính thực tiễn và ích lợi qua mọi thời đại. Điều này chứng tỏ Ngài quan tâm sâu sắc đến đời sống xã hội loài người và sẵn sàng khuyến giáo mọi người đứng cương vị của một người chân chính ở đời để đem lại chân hạnh phúc cho bản thân và nhiều người khác.

Những đặc điểm ấy trong những lời dạy của Đức Phật về đời sống tại gia này thật trái ngược hẳn với những nhận xét sai lầm của một số người ngoại đạo cho rằng Đức Phật chủ trương xa lánh cuộc đời nên không muốn liên hệ gì đến những vấn đề của đời sống thế tục trong xã hội. Bộ chuyện Tiền thân đồ sộ với những đề tài phong phú đa dạng đã lần lượt trình bày hầu hết mọi phương diện của đời sống con người: ngoài vấn đề tu tập của hội chúng xuất gia, còn có hàng trăm chuyện khác liên hệ các sinh hoạt của xã hội bình thường nhằm mục đích giúp mỗi người tìm thấy an lạc hạnh phúc tùy theo nguyện vọng của đời mình.

Ghi chú:

[1] Simsapa và Sàra: tên hai loại gỗ quý ở Ấn Độ

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 67, 10-2001)

**17. Chuyện Đại Hầu Vương
(Số 407. Tiền thân Mahākapi)**

**"Chính thân người đã bắc ngang cầu khỉ
...."**

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về các thiện nghiệp đối với thân quyền. Hoàn cảnh chuyện này sẽ xuất hiện trong Tiên thân Bhaddasàla số 465.X. Tăng chúng bắt đầu bàn luận trong Chánh pháp đường, bảo nhau: "Đức Phật toàn giác đã làm nhiều thiện sự đối với thân quyền." Khi bậc Đạo Sư hỏi Tăng chúng và được trình bày đề tài trên, Ngài đáp: "Này các Tỷ kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm thiện nghiệp đối với thân quyền." Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa khi vua Brahmatt trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát nhập mẫu thai loài khỉ. Khi lớn lên, ngài có vóc dáng oai nghi lực lưỡng và cường tráng, cùng sống với một đàn tám mươi ngàn con khỉ ở Tuyết Sơn.

Gần bờ sông Hằng có một cây xoài (nhiều người khác bảo là cây đa) với nhánh chồi tỏa

bóng mát và lá rậm rạp như một đỉnh núi. Trái xoài ngọt có mùi hương và vị tuyệt diệu, to bằng các bình nước. Trái từ một cành rơi xuống đất, từ một nhánh khác rơi xuống sông Hằng, từ hai nhánh khác rơi vào gốc cây.

Trong lúc ăn xoài cùng với loài khỉ, Bồ tát nghĩ thầm: "Một ngày kia tai họa sẽ xảy đến cho ta do trái xoài rơi xuống nước."

Vì thế không để lại trái xoài nào trên cành cây mọc trên bờ sông, ngài bảo bọn chúng ăn hết hoạc ném bỏ hoa đúng mùa ngay từ khi nụ hoa mới nhú bằng hạt đậu.

Tuy thế, một trái xoài chín nằm kín trong một tổ kiến, nên cả tám mươi ngàn con khỉ không trông thấy, rớt xuống dòng sông và mắc vào cái lưới ở phía trên. Vua Ba La Nại lúc ấy đang tắm sông vui đùa với một tấm lưới ở trên và một tấm ở dưới.

Khi vua đã vui đùa suốt ngày và sắp ra về lúc chiều tối, bọn người đánh cá đang kéo lưới lên, trông thấy trái cây, nhưng không biết loại gì, liền đem dâng vua. Vua hỏi:

-- Trái gì thế?

-- Tâu Đại vương, chúng thần không biết.

-- Thế ai biết?

-- Tâu Đại vương, các người kiểm lâm.

Vua truyền gọi bọn người kiểm lâm và khi nghe họ bảo đó là trái xoài, vua lấy dao cắt nó ra, rồi trước hết bảo bọn kiểm lâm ăn xoài, sau đó chính vua cũng ăn xoài. Hương vị xoài chín thấm nhuần khắp toàn thân vua. Do lòng ham muốn hương vị câu thúc, vua hỏi bọn kiểm lâm cây ấy ở đâu, và khi nghe rằng cây ấy ở trên bờ sông về hướng Tuyết Sơn, vua truyền rập các chiếc bè lại và chèo ngược lên thượng nguồn của sông theo lộ trình được đám kiểm lâm hướng dẫn. Số ngày đi đường chính xác là bao nhiêu không được nêu ra.

Theo thời gian, họ đến nơi ấy, và nhóm kiểm lâm trình vua:

-- Tâu Đại vương, đó là cây xoài.

Vua dừng bè lại và cùng đám quần thần đông đảo đi bộ đến nơi, rồi truyền trái sàng tọạ ngay

dưới gốc cây, vua nằm ngủ sau khi đã ăn xoài và hưởng đủ mọi thứ hương vị tuyệt hảo. khắp mọi phía quân lính canh gác cẩn thận và nhóm lửa lên. Khi mọi người đã ngủ yên, Bồ tát cùng bày khỉ đến đó lúc nửa đêm.

Tám mươi ngàn con khỉ chuyên từ cành nọ sang cành kia ăn xoài. Vua tỉnh giấc thấy bày khỉ, liền đánh thức quân hầu và gọi đám xạ thủ đến bảo:

-- Hãy bao vây loài khỉ đang ăn xoài để chúng không thoát được, rồi bắn cả đi. Ngày mai ta muốn ăn xoài với thịt khỉ.

Đám xạ thủ tuân lệnh, đồng đáp:

-- Muôn tâu, được lắm.

Rồi họ bao vây cả cây với cung tên sẵn sàng. Bầy khỉ thấy họ, sợ chết vì chúng không thể trốn được, liền nhảy đến Bồ tát và thưa:

-- Tâu Chúa công, các xạ thủ đang vây quanh cây và bảo: "Ta sẽ bắn chết loài khỉ lang thang trộm cắp này." Chúng con phải làm gì bây giờ? Chúng vừa đứng vừa run rẩy.

Bồ tát bảo:

-- Đừng sợ, ta sẽ cứu mạng các con.

Vừa an ủi bấy khi như vậy xong, ngài leo lên một cành mọc thẳng đứng, rồi đi qua một cành khác trải dài về phía sông Hằng, xong lại nhảy vọt về cuối cành ấy, vượt qua một trăm tầm cung và hạ xuống một bụi cây trên bờ.

Khi xuống đến nơi, ngài đánh dấu khoảng cách và nói: "Đó là khoảng cách ta đã vượt qua." Rồi cắt một đọt tre sát gốc, lột vỏ và nói: "Phần này sẽ được buộc vào cây ấy, và phần kia sẽ ở trên không." Khi tính hai chiều dài như vậy, ngài quên phần buộc vào thắt lưng mình. Ngài cầm đọt tre buộc một đầu vào thân cây trên bờ sông Hằng và phần kia vào thắt lưng, sau đó nhảy vọt qua khoảng cách một trăm tầm cung ấy với tốc độ của mây bay theo gió cuốn [1].

Do không tính phần tre buộc vào thân mình, ngài không thể tới tận cây ấy. Vì vậy ngài lấy hai tay nắm chặt cành cây và ra hiệu cho đàn khi:

-- Cầu chúc các con may mắn, qua nhanh lên,

bước trên lưng ta mà đi dọc theo cây tre.

Cả tám mươi ngàn con khỉ trốn thoát được theo cách ấy, sau khi cung kính đánh lễ Bồ tát, và xin phép ngài ra đi.

Thời ấy Devadatta (Bồ Đề Đạt Đa) là một con khỉ trong đàn kia, tự nhủ: "Đây là cơ hội để ta thanh toán kẻ thù."

Vì thế vừa trèo lên cành cây, nó nhảy vọt và ngã trên lưng Bồ tát. Tim Bồ tát vỡ nát, vô cùng đau đớn. Sau khi gây ra nỗi đau khổ thống thiết cho ngài như vậy, nó liền bỏ đi, chỉ còn Bồ tát một mình.

Lúc ấy vua tỉnh giấc thấy rõ mọi việc bấy khi đã làm cùng Bồ tát, vua lại nằm xuống suy nghĩ: "Con vật này không kể đến tính mạng mình, đã cứu thoát cho cả đàn bình an."

Khi trời sáng, vua hoan hỷ về Bồ tát, lại suy nghĩ: "Giết hại chúa khỉ này thật không phải đạo, ta muốn nó xuống và săn sóc nó." Vì vậy vua quay bè xuống sông Hằng và dựng một cầu cao ở đó để Bồ tát nhảy xuống nhẹ nhàng, truyền đem tấm y vàng phủ trên lưng ngài và

tắm rửa ngài trên sông, cho ngài uống nước đường, lau thân thể ngài thật sạch và tắm dầu thơm đã lọc lý cả ngàn lần. Sau đó vua trải một tấm da đã được thoa dầu lên sàng tọa và đặt ngài nằm ở đó, còn vua ngồi ở một chỗ thấp hơn.

Và vua ngâm vần kệ đầu:

*Chính thân ngươi đã bắc ngang cầu khỉ
Cho cả đàn trốn thoát được bình an,
Này khỉ kia, ngươi với chúng họ hàng,
Hay bọn chúng là gì ngươi đó vậy?*

Nghe lời này, Bồ tát ngâm các vần kệ khuyên giáo vua:

*Tâu Đại vương, tôi trông nom bọn ấy,
Là Hầu vương, tôi làm chủ cả đàn,
Kia bọn kia đây rầy nổi kinh hoàng,
Vì chư vị, lòng do buồn đau đớn.*

*Tôi nhảy qua một trăm tâm cung lớn
Được trải dài trên vị trí nằm ngang,
Rồi khi tôi đã buộc khúc tre nan
Thật vững chắc ở quanh sườn tôi đó.*

*Muốn đến cây như vàng trắng bão tố,
Được cuồng phong thổi bạt cực kỳ nhanh,
Song mát đà, tôi chỉ đến đầu cành,
Cầm lấy nó, bàn tay tôi thật vững.*

*Khi tôi nằm trên cây treo lơ lửng,
Buộc chặt vào cành với khúc tre non,
Bây giờ kia đã bước cả lưng còm,
Giờ đây chúng được an toàn thoát nạn.*

*Tôi không sợ nổi đau vì thiệt mạng,
Dẫu giam cầu, tôi cũng chẳng đau buồn,
Khi bình an hạnh phúc với cả đàn,
Xưa bọn chúng, tôi đã từng ngự trị.*

*Một ví dụ dành cho ngài, Đại Đế,
Nếu ngài mong học đạo lý chánh chân:
Niềm an vui hạnh phúc của toàn dân,
Cùng quân đội, và kinh thành chiến mã.*

*Đối với ngài đều thiết thân tất cả,
Nếu ngài mong trị nước thật an bình.*

Bồ tát giáo giới vua như thế xong liền từ trần.
Vua gọi các đại thần đến truyền lệnh cho Hầu
vương được thọ hưởng tang lễ như một quốc
vương. Rồi vua truyền bảo đám phi tần:

-- Các nàng hãy đưa Hâu vương ra tận nghĩa địa với tư cách là đoàn tùy tùng của Hâu vương, mặc y đỏ, xõa tóc xuống và cầm đuốc trong tay.

Các đại thân làm giàn hỏa táng với một trăm xe củi.

Sau khi đã chuẩn bị tang lễ của Bồ tát theo nghi thức vua chúa, họ đem xương sọ của ngài đến trình vua. Vua truyền xây một đền thờ ở tại địa điểm hỏa táng Bồ tát, làm lễ đốt đuốc và dâng hương hoa cúng dường. Vua lại truyền khảm vàng vào xương sọ, nâng nó lên cao trên đầu ngọn giáo và đặt tại cổng thành rồi cúng dường hương hoa khi vua đến Ba La Nại. Sau đó truyền lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật trang nghiêm, vua làm lễ suy tôn xá lợi suốt bảy ngày.

Khi đã nhận phần xá lợi và dựng đền thờ trong thành, vua đến đó cúng dường hương hoa suốt đời. Được an trú vào lời dạy của Bồ tát, vua chuyên tâm bồ thí cùng làm nhiều thiện sự khác và cai trị chân chính, nên về sau tái sinh

Thiên giới.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Thánh đế và nhận diện Tiền thân: "Thời ấy vua là Ananda, đàn khi là hội chúng này và Hầu vương chính là Ta vậy."

-ooOoo-

NHẬN XÉT:

Tình thương yêu thân quyến cũng là một đề tài thường gặp ở bộ Chuyện Tiền thân.

Tình thân thiết bảo vệ gia tộc, nói rộng ra là tình thương đồng bào, đồng loại cho đến muôn loài, phát xuất từ tâm đại bi của Bồ tát khiến ngài luôn sẵn sàng cứu khổ chúng sinh lúc cần ngay cả khi phải hy sinh tánh mạng mình như trong chuyện Tiền thân khỉ chúa này.

Như vậy trong vô số hình thức tái sinh, Bồ tát đã thực hành hạnh Bồ thí Ba la mật là một trong mười công hạnh viên mãn (Dasaparami) mà một vị Bồ tát phát nguyện hoàn thành trên con đường tu tập đưa đến giải thoát, giác ngộ

qua vô lượng kiếp luân hồi.

Trong trường hợp này, bi nguyện ấy đã được thực hành trước sự chứng kiến của một vị vua ở cõi người. Vị vua này có tính ham vui chơi, thích của ngon vật lạ, nên đã cùng một đám quần thần chèo thuyền bè lên đến tận vùng Tuyết Sơn để thưởng thức món xoài quý hiếm. Do vậy vua ra lệnh giết cả 80 ngàn con khỉ đến tranh giành món mỹ vị kia. Nhưng bầy sinh vật bé nhỏ ấy lại là thần dân của Bồ tát, vì sợ chết, chúng đã cầu xin ngài che chở và ngài sẵn sàng dùng thân mình làm phương tiện giúp đồng loại trốn thoát cung tên của vua. Như vậy tất cả đàn khỉ đã được ngài bảo vệ an toàn tính mạng, nhưng chỉ vì mối nghịch duyên đối với Devadatta, ngài đã phải hy sinh tánh mạng mình vào lúc hoàn thành nhiệm vụ cứu giúp đồng loại.

Sự hy sinh cao thượng của khỉ chúa đã cảm hóa vị vua ham dục lạc kia, khiến vua lập tức bày tỏ lòng kính trọng của mình đối với khỉ chúa bằng cách tận tình chăm sóc ngài trong những giờ phút cuối đời, rồi nghe ngài thuyết

pháp về phận sự của vị vua hiền đức đối với thần dân, đó là đặt hạnh phúc muôn dân làm mục đích cai trị của mình.

Sau đó, vua truyền lệnh làm lễ quốc tang cho khi chúa và xây đền thờ xá lợi của ngài. Rồi cũng như vị vua trong tiền thân Lộc vương Hoan Hỷ, vị vua này cũng được thắm nhuần đạo lý làm vua, nên đã tuân theo lời khuyên giáo của Bồ tát thực hành Mười đức tính của một vị minh quân trị nước đứng chánh pháp để đem lại hạnh phúc chân chính cho bản thân thay vì chuyên tâm thọ hưởng dục lạc như thói thường của vua chúa ở thế gian, đồng thời đem lại hạnh phúc cho dân chúng bằng nhiều công đức thiện sự, nên sau khi từ trần, vua được tái sinh cõi trời theo đúng qui luật nhân quả của vạn vật.

-ooOoo-

Ghi chú:

[1] Một ngọn tháp ở Bharhut khắc hình khi chúa nhảy qua sông Hằng trong tiền thân này.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 61, 04-2001)

18. Chuyện vua Susìma (Số 411. Tiền thân Susìma)

"Tóc ta đen nhánh từ ngày xưa..."

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Đại sự xuất thế. Tăng chúng lúc ấy đang ngồi trong Chánh pháp đường tán thán Đại sự xuất thế của Đức Phật. Khi thấy đây là chủ đề của chư vị, Ngài bảo: -- Này các Tỷ kheo, không lạ gì ngày nay ta lại làm Đại sự xuất thế và già từ thế tục, khi Ta đã thực hành các công hạnh viên mãn (Ba la mật) trong hàng trăm ngàn kiếp, mà ngày xưa Ta cũng đã từ bỏ ngai vàng tại quốc độ Kàsi rộng ba trăm do tuần (dặm) và làm đại sự xuất thế. Và vì vậy, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát nhập mẫu thai của bà vợ vị tể sư hoàng gia. Trong ngày sinh ra ngài, hoàng hậu cũng sinh một con trai.

Vào ngày lễ đặt tên, bậc Đại Sĩ [1] được gọi là Nam tử Susima, và hoàng nam được đặt tên Vương Brahmadata.

Vua cha thấy đôi trẻ cùng sinh ra một ngày nên truyền giao Bồ tát cho nữ mẫu cùng nuôi chung với vương tử. Cả hai trẻ lớn lên tươi đẹp như các thiên tử trên trời.

Cả hai đều học đủ mọi ngành nghệ thuật ở Takkasilà và trở về nhà. Vương tử trở thành phó vương, cùng ăn uống, sống chung với Bồ tát. Lúc vua cha băng hà, vương tử lên làm vua, ban cho Bồ tát mọi vinh hiển và phong chức Tế sư hoàng gia.

Một hôm tân vương truyền trang hoàng cả kinh thành, rồi được tô điểm rực rỡ như Sakka Thiên chủ, vua tham dự đám rước quanh kinh thành, ngự trên vai vương tượng chẳng khác nào bảo tượng Eravana [2] của Thiên chủ, trong niềm tự hào cùng với Bồ tát ngồi phía sau trên lưng voi. Mẫu hậu nhìn ra từ cửa sổ trông thấy hoàng nam và chợt thấy vị tế sư sau lưng vua khi ngài từ đám rước trở về. Bà đâm

ra si tình ngài, liền đi vào hậu cung nghĩ thầm: "Nếu ta không chiếm được chàng, ta sẽ chết tại đây."

Vua không thấy mẹ liền hỏi thăm, khi nghe bà bị bệnh, ngài đến hầu thăm và cung kính hỏi bà bị bệnh gì. Bà không nói vì hổ thẹn. Vua liền ngự lên ngài, truyền chánh chung hoàng hậu đi tìm hiểu xem thái hậu bị bệnh gì.

Hoàng hậu đến, vừa hỏi thăm, vừa vuốt ve lưng mẫu hậu. Nữ nhân thường không giấu nhau các chuyện bí mật, vì thế chuyện bí mật kia được tiết lộ. Hoàng hậu liền đi trình vua. Ngài bảo:

-- Được rồi, ái khanh hãy đi an ủi mẫu hậu, ta sẽ tôn vị tế sư lên làm vua và mẫu hậu lên làm chánh hậu của ngài.

Hoàng hậu liền đến an ủi thái hậu, và vua truyền mời vị Tế sư đến kể lại vấn đề:

-- Nay hiền hữu, hãy cứu mạng mẹ ta, hiền hữu sẽ làm vua và mẹ ta sẽ lên làm chánh hậu, còn ta sẽ làm phó vương.

Vị Tế sư đáp:

-- Không thể được.

Song cứ bị khẩn cầu mãi, ngài bằng lòng và vua tôn ngài lên làm vua, mẫu hậu làm chánh hậu và chính mình làm phó vương. Tất cả mọi người đều sống hòa hợp, song bồ tát khô héo dần giữa cuộc sống tại gia. Ngài từ bỏ mọi dục lạc và hướng về đời tu hành.

Chẳng còn màng các lạc thú trần gian, ngài đi đứng nằm ngồi như tù nhân bị giam lỏng hay con gà trống trong lồng son. Chánh hậu suy nghĩ: "Hoàng thượng tránh mặt ta. Ngài đi đứng nằm ngồi một mình, giờ đây ngài vẫn tươi trẻ, còn ta đã già và có tóc bạc. Giả sử ta kể cho ngài nghe chuyện ngài đã có tóc bạc, khiến cho ngài tin chuyện ấy và đến bầu bạn với ta chẳng?"

Một hôm, làm như thể lau đầu nhà vua, bà nói:

-- Hoàng thượng sắp già rồi đấy, có sợi tóc bạc trên đầu Hoàng Thượng!

-- Hãy nhổ nó ra và đặt vào tay trẫm.

Hoàng hậu nhổ một sợi tóc, nhưng lại ném nó đi và đặt vào tay ngài một sợi tóc bạc của bà. Khi thấy nó, nỗi sợ chết khiến mồ hôi đổ ra chảy xuống trán ngài, dù vàng trán bóng láng như một phiến vàng, ngài tự nhủ mình: "Này Susima, người đã già cõi ngay tuổi thanh xuân, suốt bấy lâu nay người chìm sâu vào vũng bùn đục lạt như thể con heo vùng quê lặn lội trong bùn lầy, người không thể xa rời bùn nhờ được. Hãy rời bỏ tham dục, và sống đời khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn. Nay đã đến thời xuất gia rồi." Cùng với ý tưởng này, ngài ngâm vần kệ đầu:

*Tóc ta đen nhánh tự ngày xưa
Vẫn mọc quanh vàng trán của ta,
Bạc trắng giờ đây, lưu ý nhé;
Đến thời ta phải bước đi ra.*

Như thế Bồ tát ca tụng đời tu hành, song hoàng hậu thấy bà đã làm cho ngài rời bỏ bà chứ không phải yêu thương bà, nên lòng sợ hãi, bà muốn cản trở ngài sống đời xuất gia bằng cách ngâm hai vần kệ ca tụng dung sắc ngài:

*Tóc bạc thiếp đây, chẳng phải chàng,
Từ trên đầu thiếp mới đem sang,
Vì chàng, thiếp nói điều hư vọng,
Xin lượng thứ cho lỗi thiếp làm,
Trông chàng tươi đẹp, dáng thanh tân
Như một cây non trẻ giữa xuân,
Hãy trị nước nhà, cười với thiếp,
Đừng tìm việc của tuổi thu đông!*

Song Bồ tát đáp:

-- Này Hoàng hậu, Hoàng hậu đang nói đến những việc phải xảy đến: Khi tuổi tác chín muồi, tóc đen này phải ngả màu bạc như vôi, ta thấy sự biến hoại của xác thân theo năm tháng lúc đến tuổi lão thành, từ công nương cho đến mọi người khác, dù có dịu mềm như tràng hoa sen xanh, sáng đẹp như vàng ròng, và say sưa với niềm kiêu hãnh về tuổi xuân rực rỡ của mình. Này hoàng hậu, đó kết thúc đáng sợ của mọi loại hữu tình.

Hơn nữa, muốn trình bày chân lý với oai lực của một vị Phật, ngài ngâm hai vần kệ:

Ta thường trông thiếu nữ xuân thì,

*Uyển chuyển như cành lá lướt kia,
Kiêu mạn vì hình dung diễm lệ,
Mọi người say ngắm bước chân đi.*

*Cũng chính nàng kia, ta ngắm trông
(Trải qua đã tám, chín mươi năm)
Run run chân bước, tay cầm gậy,
Thân thể còng như ngọn liễu rung.*

Trong vắn kệ này, bậc Đại sĩ nêu rõ nỗi khổ
đau của dung sắc và giờ đây ngài tuyên bố nỗi
bất mãn của ngài với đời tại gia:

*Những ý tưởng này ta xét luôn,
Tư duy vẫn đến giữa đêm đơn,
Đời người thế tục, ta không chuộng,
Đúng lúc tu hành phải bước chân,
Dục lạc trong đời sống thế nhân
Là nơi hèn yếu để nương thân,
Trí nhân cắt đứt, theo đường khác,
Bỏ dục lạc kia với lực thân.*

Như vậy trong khi tuyên bố cả lạc thú lẫn khổ
đau của tham dục, ngài giảng bày chân lý với
vẻ kỳ diệu của bậc Giác ngộ, rồi ngài truyền đi
mời thân hữu của ngài đến nhận lại vương

quốc: Ngài từ già vinh quang và quyền lực giữa tiếng than khóc của thân bằng quyến thuộc, trở thành bậc hiền nhân khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn, và về sau chứng đắc Thiên định, ngài được tái sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các Thánh đế và đem lại nguồn nước bất tử cho nhiều người. Ngài nhận diện tiền thân: Thời ấy, chánh hậu là mẫu thân Ràhula, nhà vua là Ananda và vua Susima chính là Ta vậy.

-ooOoo-

NHẬN XÉT

Đại sự xuất thế là đề tài quan trọng nhất trong núi bộ chuyện Tiền thân. Qua vô lượng kiếp luân hồi sanh tử, Bồ tát đã nhiều lần từ già thế tục để trở thành một ẩn sĩ tu hành, ngài có thể ra đi từ bất cứ hoàn cảnh nào: tiện dân, đại phú gia, Bà la môn hay vua chúa.

Đặc biệt trong tiền thân này, theo lời khẩn cầu tha thiết của vị quốc vương là bạn thân của

ngài muốn cứu bà thái hậu khỏi mối tình tuyệt vọng, Bồ tát đã miễn cưỡng sánh duyên cùng thái hậu và trở thành quốc vương bên bạn ngài tự ý xuống làm phó vương.

Sống giữa cuộc đời xa hoa trong quyền lực và danh vọng tối cao với mối tình vương giả vong niên ấy, Bồ tát không cảm thấy hạnh phúc, nên dần dần ngài rời bỏ tham dục, hướng tâm đến đời tu hành độc cư.

Nhân chuyện một sợi tóc bạc xuất hiện giữa tuổi xuân xanh, ngài quyết định đây là thời điểm để ngài xuất gia xa lìa thế tục. Ngài giải thích cho hoàng hậu rõ quy luật vô thường của vạn vật: một hình thức sanh hữu ở thế gian đều có ngày hoại diệt và sẽ đem lại khổ đau cho những ai chỉ muốn bám víu vào dục lạc của sắc thân phù du ấy cho đến khi quá muộn, không còn thì giờ tu tập thân tâm để chuẩn bị hành trang bước vào thế giới bên kia.

Đó chính là vấn đề vẫn ám ảnh tâm trí ngài thường xuyên khiến ngài bất an giữa cuộc sống tại gia, và cuối cùng với thanh gươm trí tuệ,

ngài cương quyết cắt đứt tham dục, trả lại ngôi báu cho bạn ngài và ra đi giữa tiếng khóc than của quyến thuộc. Ngài trở thành vị ẩn sĩ tu tập thiền quán ở vùng Tuyết Sơn cho đến khi đắc các Thiên chứng và tái sanh vào cõi Phạm Thiên.

Thật khó thay là từ già vinh quang và quyền lực giữa tuổi xuân và xuất gia, khởi tình lưu luyến của thân bằng quyến thuộc. Nhưng đó là sự việc mà Bồ tát thường xuyên thực hiện qua vô lượng kiếp luân hồi cho đến đời cuối cùng, ngài tái xuất hiện ở thế gian làm thái tử trong cung vua Tịnh Phạn và sống tại gia nhưng ngài vẫn luôn trầm tư về vấn đề sinh tử của con người và ngài muốn tìm một giải pháp cho vấn đề ấy, nên cuối cùng ngài cũng đã xuất gia giữa tuổi thanh xuân để tìm chân lý giải thoát giác ngộ cho muôn loài.

Thật hy hữu thay là Đại sự xuất thế của hàng vua chúa ở thế gian này, nhất là trong độ tuổi thanh xuân. Thế nhưng ở nước ta vào thế kỷ thứ XIII, đã có vua Trần Nhân Tông noi gương vĩ đại của Đức Phật và thực hành nguyện ước

xuất gia của Ngài; sau hai lần chiến thắng giặc ngoại xâm rồi truyền ngôi cho con, ngài đã lên núi Yên Tử tu khổ hạnh và trở thành Sơ Tổ Trúc Lâm mở đầu sự nghiệp truyền bá Thiên tông sáng chói trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, đem lại niềm vinh dự lớn lao cho Phật tử Việt Nam đến muôn đời sau.

Nhân dịp Phật Đản năm nay, tôi xin gửi đến các vị đạo hữu gần xa câu chuyện tiền thân diễm lệ này để tưởng nhớ công ơn của chư Phật, chư Bồ tát và chư Tổ đã từ bỏ dục lạc tầm thường của thế nhân và quyết tâm phát nguyện đại bi tâm cầu chân lý giải thoát giác ngộ, đem lại hạnh phúc tối thượng cho những ai muốn thực hành con đường mà các ngài đã đi qua.

-ooOoo-

Ghi chú:

[1] Đại sĩ (Mahāsatta): vị hữu tình cao cả, một tên khác của Bồ tát tiề thân Đức Phật.

[2] *Eravana*: tên một thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, Thường mang hình voi với 33 cái đầu để 33 vị Thiên vương ngự du, trong đó Sakka

là Thiên chủ (Đề Thích).

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 62, 05-2001)

19. Chuyện Hiền mẫu Kaccàni (Số 417. Tiền thân Kaccàni)

"Mặc áo trắng và tóc xõa vai..."

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người phụng dưỡng mẹ mình.

Một hôm vị cư sĩ này đến Kỳ Viên nghe pháp, đánh lễ bậc Đạo sư xong, cháng đứng một bên. Bậc Đạo sư hỏi xem có phải chàng vẫn không xao lãng bốn phận cũ, và vẫn tận tụy chăm sóc mẹ già chăng.

Chàng đáp:

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Mẹ con đem về cho con một cô gái để làm vợ trái với ý con, nàng ấy đã làm nhiều việc không xứng đáng như vậy.

Rồi chàng kể hết mọi việc cho Ngài nghe:

-- Song nàng ấy không thể ly gián mẹ con với

con được, nên bây giờ nàng ấy lại chăm sóc bà hết sức cung kính.

Bậc Đạo sư nghe chuyện và bảo:

-- Ngày nay ông không nghe theo lời vợ, song ngày xưa ông đã bỏ mẹ vì nghe lời vợ xúi giục và nhờ ta đưa bà ấy về lại nhà cho ông chăm nom.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chàng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadata trị vì ở Ba La Nại, có một thanh niên trong gia đình nọ hết lòng chăm sóc mẹ già khi cha cậu từ trần, giống như phần duyên khởi chuyện này, các chi tiết cũng được nêu ra đầy đủ như trên.

Nhưng trong trường hợp này, khi người vợ bảo nàng không thể sống với bà chằn kia và chàng phải quyết định một trong hai người phải ra đi, thì chàng theo lời vợ cho rằng mẹ mình có lỗi và bảo:

-- Mẹ ơi, mẹ luôn gây chiến trong nhà này, từ

nay mẹ đi sống nơi nào khác tùy ý mẹ.

Bà mẹ nghe vậy, vừa khóc vừa đi đến nhà bạn đầu đó, làm thuê chặt vật để sống qua ngày. Sau khi bà ra đi, con dâu bà mang thai sinh con trai, nên thường rêu rao với chồng và hàng xóm rằng việc sinh con ấy chưa hề xảy ra trước kia, khi còn có bà chằn ở trong nhà.

Sau khi sinh con, nàng bảo chồng:

-- Tôi chưa bao giờ sinh con lúc mẹ chàng còn ở trong nhà, nay tôi đã có con, như thế chàng có thể thấy rõ bà ấy đúng là bà già chằn thuở trước rồi đó.

Bà già nghe chuyện sinh con trai được con dâu bà xem là do bà ra khỏi nhà, liền suy nghĩ: "Chắc hẳn Thần Công Chánh đã chết trên đời này, vì nếu không phải như vậy, những kẻ này đã không sinh con trai và sống sung sướng sau khi đánh đuổi mẹ mình. Ta muốn làm lễ cúng tế Thần Công Chánh đã chết."

Vì vậy một ngày kia, bà đem mè xay, gạo cùng một cái nồi và muống nhỏ, bà ra nghĩa địa đốt lửa trong cái lò làm bằng ba sọ người, rồi bà

xuống suối tắm rửa đầu mình, giặt áo quần xong trở lại nơi lò lửa, xõa tóc ra và bắt đầu vo gạo.

Thuở ấy Bồ tát là Thiên chủ Sakka [1], và chư Bồ tát luôn chú tâm cảnh giác. Ngay lúc ấy Ngài nhìn xuống trần gian và thấy bà già khốn khổ kia đang làm lễ tống táng Thần Công Chánh như thể Thần Công Chánh đã chết. Muốn chứng tỏ uy lực của ngài trong sự cứu giúp bà, ngài giáng trần giả dạng một Bà la môn du hành trên đường; khi nhìn thấy bà, ngài rời đường cái đến đứng bên bà, bắt đầu câu chuyện bằng cách hỏi:

-- Mẹ ơi, người ta thường không nấu cơm trong nghĩa địa. Mẹ định làm gì với cơm và mè này khi nấu xong?

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

*1. Mặc áo trắng và tóc xõa vai,
Kac-cà-ni lại nấu nồi sôi,
Gạo mè bà rửa đặng kia đó,
Bà có dùng không lúc chín rồi?*

Bà ngâm vần kệ thứ hai nói cho ngài biết:

2. Đạo sĩ ơi, tôi chẳng muốn ăn,
Mè xay và cả món cơm hằm:
Giờ đây đã chết Thần Công Chánh,
Tôi muốn cúng dâng lễ tế thần.

Thiên chủ, hiện thân của Thần Công Chánh,
đáp vắn kệ thứ ba:

3. Khi quyết định, bà phải nghĩ suy:
Bà nghe ai nói vọng ngôn kia?
Ngài ngàn mắt [2] ấy đầy uy lực,
Công Chánh Thần không thể chết đi.

Nghe ngài nói, bà già ngâm đôi vắn kệ tiếp
theo:

4. La môn, tôi chứng kiến rành rành,
"Công lý chết rồi" tôi phải tin:
Tất cả kẻ nào theo ác hạnh
Hiện giờ đang hưởng đại phồn vinh.

5. Dâu của tôi ngày trước hiếm hoi,
Đánh tôi, rồi lại đẻ con trai,
Nó thành bà chủ trong nhà ấy,
Tôi bị lãng quên, bị bỏ rơi.

Thiên chủ Sakka liền ngâm vắn kệ thứ sáu:

6. *Không phải đâu, ta sống mãi mà,
Nay ta giáng thế, chính vì bà,
Đâu bà đánh mẹ, song đâu, cháu
Sẽ hóa tro trong lửa của ta.*

Nghe thế, bà lão kêu to:

-- Than ôi, ngài vừa nói gì thế? Tôi sẽ cố sức giúp cháu tôi khỏi chết.

Rồi bà ngâm vần kệ thứ bảy:

7. *Thiên chủ, mong sao hợp ý ngài,
Vì tôi, ngài đến tụ trên trời,
Ước mong đôi trẻ và thẳng cháu,
Được sống đời hòa thuận với tôi.*

Sau đó Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tám:

8. *Ka-ti [3] sẽ mãi nguyện, vì ta
Bị đánh, song bà tin tưởng ta
Công Chánh, vậy cùng con, cháu nội
Sống đời hòa thuận ở trong nhà.*

Bấy giờ sau khi nói xong, Sakka Thiên chủ hiện ra đủ mọi vẻ uy nghi của ngài, dùng thần lực đứng trên không và nói:

-- Kaccàni, bà đừng sợ, nhờ thần lực của ta,

con và dâu bà sẽ đến đây đem bà về nhà; hãy sống hòa thuận với chúng.

Rồi ngài trở về cõi của ngài.

Nhờ uy lực của Thiên chủ, con và dâu bà nghĩ đến mọi tính tốt của bà trước kia và đi tìm khắp thôn làng, họ thấy bà đã đi về phía nghĩa địa. Họ theo con đường ấy và gọi bà, khi gặp lại bà, họ quỳ xuống chân bà xin lỗi bà và được bà tha thứ lỗi lầm cũ.

Bà vui mừng chào đón cháu nội. Vì vậy cả bọn họ cũng hoan hỷ trở về nhà và từ đó sống chung với nhau.

*9. Với con dâu theo lại vui mừng
Bà lão Ka-ti đã sống chung,
Thiên chủ giải hòa xung đột cũ,
Cháu con sẵn sóc thật ân cần.*

Văn kệ này được cảm tác do Tối thắng trí của Đức Phật.

*

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các Thánh đế và nhận diện Tiên thân: -- Khi kết

thúc các Thánh đế, vị cư sĩ được an trú vào sơ quả Dự lưu. Thời ấy, vị cư sĩ phụng dưỡng mẹ mình là người đang phụng dưỡng mẹ ngày nay, người vợ thời ấy là người vợ ngày nay và Sakka Thiên chủ chính là Ta vậy.

-ooOoo-

Nhận xét:

Đây là một chuyện Thiên thân liên hệ đến lòng hiếu thảo của một vị đệ tử tại gia của Đức Phật.

Chúng ta đã từng đọc những chuyện Tiên thân liên hệ lòng hiếu thảo của một số Tỷ kheo có cha mẹ già cần phụng dưỡng, và việc ấy cũng được Đức Phật tán đồng. Còn đối với các đệ tử tại gia, lòng hiếu thảo được Đức Phật nêu lên làm một trong những bốn phạm hàng đầu của họ.

Tuy nhiên trong chuyện này, Đức Phật lại kể về một người con bất hiếu được cảm hóa nhờ tình thương bao la của bà mẹ già đối với con cháu. Ở đây, bà mẹ già hiền lành tội nghiệp ấy bị con và dâu đuổi ra khỏi nhà một cách tàn

nhân, nên bà nghĩ rằng Thần Công Lý đã chết và bà đi đến nghĩa địa làm lễ tổng táng vị Thần tối cao ấy. Cảnh tượng này làm động lòng Sakka Thiên chủ, vị Thần Công Chánh ở cõi trời, khi ngài nhìn xuống cõi trần.

Ngài muốn chứng tỏ ngài vẫn còn sống để cứu giúp những người tốt gặp hoạn nạn như bà già và trừng phạt những kẻ ác như con dâu bà theo đúng quy luật công bằng về Nhân quả. Nhưng bà mẹ già ấy là mẹ hiền rộng lượng, nên bà vội cầu xin Thiên chủ tha tội cho con dâu và chỉ mong được sống hòa thuận với con cháu mình thôi chứ không muốn ngài trừng phạt họ.

Sakka Thiên chủ, tiền thân của Đức Phật là vị Thần Công Lý thời ấy, đã đồng ý với bà già và dùng thần lực cảm hóa con và dâu của bà để họ ăn năn hối lỗi, rồi đi tìm bà về sống chung hòa thuận trong cuộc đời còn lại theo tinh thần đạo đức cổ truyền để có thể hưởng hạnh phúc an lạc ở đời này và đời sau.

Nhân dịp lễ Vua Lan -- mùa Báo hiếu, tôi xin gửi đến chư vị đạo hữu gần xa câu chuyện Tiên

thân thắm đậm tình người hòa lẫn hương đạo này. Nội dung câu chuyện nêu rõ tình thương bao la của một bà mẹ hiền và cũng là của vô số bà mẹ hiền ở cõi đời luôn sẵn sàng rộng lượng tha thứ mọi lỗi lầm của con cái và chỉ ước mong hạnh phúc cho con cháu mình dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù phải chịu đựng mọi sự thiệt thòi phần mình đến đâu đi nữa.

-ooOoo-

Ghi chú:

[1] Sakka (Đế Thích): Thiên chủ cõi trời Ba mươi ba.

[2] Ngài ngàn mắt: một danh hiệu của Sakka vì ngài có một ngàn con mắt.

[3] Ka-ti: viết tắt của Kaccàni, tên bà mẹ.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 65, 08-2001)

20. Chuyện Con Báo (Số 426. Tiền thân Dìpi)

"Bác ơi, bác có được an khang ..."

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một con dê cái.

Một thời Trưởng lão Moggallàna ở trong một am thất có một cửa, trong một vùng đất được rào và núi đồi bao bọc. Lối đi có mái che của nhà ngài ở gần cửa ấy. Một vài mục tử nghĩ rằng hàng rào ấy là chỗ tốt cho đàn dê nên họ lùa dê vào đó và sống thoải mái. Một hôm họ đến vào buổi chiều đem cả bầy dê đi. Nhưng có một con dê cái đã lang thang quá xa không thấy bầy dê ra đi, và bị bỏ lại một mình. Sau đó khi nó ra đi, một con báo thấy nó, muốn ăn thịt bèn đứng bên cửa của hàng rào. Dê cái nhìn quanh và thấy con báo. "Báo đứng đó vì nó muốn giết ta và ăn thịt." Dê suy nghĩ: "Nếu ta quay đầu bỏ chạy, ta sẽ mất mạng. Vậy ta phải can đảm lên." Rồi dê giương đôi sừng, vùng chạy thẳng trước mặt báo với tất cả dũng lực. Dê thoát được móng vuốt báo, dù con báo rung mình vì nó tưởng sẽ chụp được dê. Rồi chạy hết tốc lực, con dê bắt kịp cả đàn.

Vị Trưởng lão quan sát cách các súc vật ấy đối xử với nhau. Hôm sau vị ấy đi trình Đức Như

Lai:

-- Bạch Thế Tôn, con dê cái đã đạt được một kỳ công nhờ có sẵn mưu lược và thoát được con báo.

Bậc Đạo sư đáp:

-- Nay Moggallàna, lần này con báo không bắt được dê, nhưng ngày xưa báo đã giết dê dù dê kêu lớn, rồi ăn thịt nó. Và theo lời thỉnh cầu của tôn giả Moggallàna, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa có thời Bồ tát được sanh vào một làng ở quốc độ Magadha, trong một gia đình giàu. Khi lớn lên, ngài từ bỏ tham dục và sống đời tu hành, đạt được Thiên định viên mãn. Sau khi sống rất lâu ở Tuyết Sơn, ngài đến Rajagàha để tìm muối và giấm, rồi về cư trú trong thảo am ngài đã dựng trong một thung lũng có rào chắn.

Giống như ở phần duyên khởi, các mục tử lừa bày dê ra đi và cũng như trên, một hôm, khi

một dê cái đi ra chậm hơn bây kia, một con báo đợi sẵn ở cửa, nghĩ cách ăn thịt nó. Khi con dê thấy con báo, nó suy nghĩ: "Đời ta tàn rồi; bằng một mưu kế nào đó ta phải dụ nó vào cuộc chuyện trò vui vẻ ân cần để làm dịu lòng nó và cứu mạng ta." Vừa đứng từ xa bắt đầu nói chuyện thân thiện với con báo, dê ngâm vần kệ đầu:

*Bác ơi, bác có được Khang an,
Và bác lâu nay mạnh khỏe chẳng?
Mẹ cháu hẳn đưa lời kính hỏi,
Cháu mong cùng bác kết thân bằng!*

Nghe vậy, báo suy nghĩ: "Con bé này muốn đánh lừa ta bằng cách gọi ta là 'bác'; nó không biết ta hung dữ ra sao cả." Vì thế báo ngâm vần kệ thứ hai:

*Cô dẫm đuôi ta đấy, bé dê,
Và làm ta phải bị đau ghê,
Tưởng rằng nhờ gọi ta là 'bác',
Cô được tự do để trở về!*

Khi nghe vậy, dê đáp:

-- Thưa bác, xin đừng nói như vậy.

Và nó ngâm vần kệ thứ ba:

*Tôi đi phía trước mặt, thưa ngài,
Ngài vẫn ngồi kia đối diện tôi,
Đuôi của ngài nằm sau phía ấy,
Làm sao tôi lẫm lên đuôi?*

Báo đáp:

-- Này dê cái, cô nói gì vậy? Có nơi nào lại không có đuôi của ta trải ra chứ?

Và nó ngâm vần kệ thứ tư:

*Suốt cả trong toàn bốn đại châu,
Với sông hồ biển núi non cao,
Đuôi ta trải rộng ra cùng khắp,
Sao chẳng dê không dẫm nó nào?*

Khi nghe vậy, dê cái nghĩ: "Con ác thú này không bị lời ngon ngọt quyến rũ. Vậy ta sẽ đáp lại nó như một kẻ thù." Rồi dê ngâm kệ thứ năm:

*Ta biết đuôi ông ác thật dài,
Vì ta đã được báo tin rồi,
Anh em cha mẹ đều khuyên bảo,
Lúc trước ta bay bổng giữa trời!*

Báo lại nói:

-- Ta biết cô đã bay giữa trời. Nhưng khi cô đến cô đã làm hỏng miếng mồi của ta bằng cách đáp xuống ấy!

Rồi báo ngâm vắn kệ thứ sáu:

*Bóng dáng cô dê ở giữa trời
Bay qua không khí ấy mà thôi,
Đã làm kinh sợ đàn nai nọ,
Vì thế mồi ta bị hỏng rồi!*

Nghe vậy, dê sợ chết không còn có thể tìm cỏ nào khác nữa, bèn kêu lớn:

-- Bác ơi, xin đừng phạm một việc ác độc như thế, xin tha mạng cháu đi.

Nhưng dù dê kêu lớn, báo vẫn chụp vai nó, giết chết và ăn thịt dê.

*Chính dê kêu lớn để cầu ân,
Song máu thịt kia mới thỏa lòng,
Dã thú chụp dê vào cổ họng;
Ác nhân không tỏ chút ân cần.*

*Kẻ ác không sao biết tỏ ra
Ân tình, chánh hạnh, tránh đường tà,*

*Nó thù ghét những người lương thiện,
Thượng sách là nên xấp lá cà!*

Đây là hai vần kệ phát xuất từ Tối Thắng Trí
(của Đức Phật)

Một vị Thánh nhân khổ hạnh chứng kiến tất cả
câu chuyện của hai con thú này.

*

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện Tiên
thân: Thời ấy, con dê cái và con báo là con dê
cái và con báo bây giờ, và vị Thánh nhân khổ
hạnh chính là Ta vậy.

-ooOoo-

Nhận xét:

Đây là một chuyện Tiên thân liên hệ đến những
sự việc thường xảy ra ở đời: mạnh được yếu
thua.

Những kẻ mạnh có ác tâm thường dùng những
lời lẽ ngụy biện hết sức vô lý để ức hiếp những
kẻ yếu kém hơn mình rồi sau đó tiêu diệt các
nạn nhân không chút thương tiếc.

Con dê ở đây tượng trưng hạng người yếu kém thường bị thua thiệt ở đời và có khi phải mất mạng. Nhưng nếu nó có quyết tâm vùng lên chống lại kẻ thù to lớn hung hãn thì nó có thể thoát nạn và thành công.

Bồ tát là vị hiền nhân khổ hạnh chứng kiến tận mắt sự can đảm và thành công của con dê, đã nói lời khen ngợi con dê biết nỗ lực tự vệ trước kẻ thù tàn ác không hề biết lẽ phải là gì. Sau đó ngài khuyên răn người đời trong những hoàn cảnh tương tự, "thượng sách là nên xấp lá cà" để có cơ may sống còn, nếu không kẻ hèn yếu phải bị tiêu diệt là điều tất nhiên theo quy luật sinh tồn giữa muôn loài.

Chuyện Tiên thân Đức Phật là một kho tàng văn hóa được kết hợp hài hòa giữa lời Đức Phật dạy và truyền thuyết cổ tích dân gian. Rất nhiều chuyện liên hệ đến phép xử thế đạo đức ở đời, nên đã được truyền tụng qua nhiều thời đại và đã vượt biên giới Ấn Độ để lan khắp nơi với ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều nền văn học trên thế giới.

Vào thế kỷ XVII ở Pháp có thi hào La Fontaine (1621-1695) nổi tiếng với những chuyện Ngụ ngôn (Les Fables). La Fontaine công nhận ông đã lấy tài liệu từ những kho tàng cổ tích Hy Lạp, La Mã và Ấn Độ để sáng tạo những mẫu chuyện ngụ ngôn và ông nhấn mạnh: Mục đích đạo đức của ông là "dùng loài vật để dạy loài người". Ông tự xem mình như người tiếp nối truyền thống giảng dạy đạo đức của các nhà ngụ ngôn cổ đại đã sử dụng những câu chuyện đơn giản đầy thú vị kể khuyên dụ loài người về cách xử thế đúng mực. Do vậy, những chuyện ngụ ngôn của ông dần dần được dịch sang nhiều thứ tiếng trên thế giới, và ở nước ta, những chuyện này đã được học giả Nguyễn Văn Vĩnh dịch ra theo thể thơ Việt Nam lần đầu tiên và từ đó đã được đưa vào sách giáo khoa ở các bậc tiểu-trung học. Ta thấy trong số đó rất nhiều chuyện có nội dung tương tự với các chuyện Tiên thân, như chuyện *Con nhái muốn to bằng con bò*, *Chó sói và con cừu*, v.v... Đặc biệt, chuyện '*Chó sói và con cừu*' có lời đối thoại giữa hai con vật tương tự lời con báo và con dê ở đây: con sói kết tội con cừu

làm đục nước suối của nó trước khi vồ con cừu để ăn thịt.

Như vậy, ta thấy rõ rằng La Fontaine đã tìm nguồn cảm hứng ở những chuyện cổ dân gian Ấn Độ để xây dựng những câu chuyện ngụ ngôn có tính cách tân kỳ theo óc sáng tạo của ông mà vẫn giữ được một nét truyền thống đặc biệt của các cổ tích ngụ ngôn từ ngàn xưa: đó là nhân cách hóa các loài vật để cho chúng có thể đối thoại với nhau và qua đó chứa đựng quan niệm sống chân chính ở đời. Nhờ phương pháp dạy đạo đức uyển chuyển, nhẹ nhàng và thú vị như vậy, các câu chuyện ngụ ngôn này đã được truyền bá khắp thế giới, và ta có thể nói rằng những bài học đạo đức của các chuyện Tiên thân đã có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp khắp nơi trên thế giới qua mọi thời đại.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 64, 07-2001)